

CẦN GẤP RÚT KHÔI PHỤC KỶ LUẬT QUỐC GIA .

ĐÔI ĐIỀU VỀ LỊCH SỬ DÒNG TỘC .

Bài này được viết nhằm nhấn mạnh đến nhu cầu cần gấp rút khôi phục lại kỷ luật quốc gia sau này ; khi nước ta bước vào giai đoạn xây dựng lại trên căn bản mới phù hợp với các tiêu chuẩn mà thế giới đặt ra , cũng như các điều kiện cụ thể của nước ta trong mối quan hệ với các nước láng giềng thiết thân của ta . Cho nên bài viết có thể bao hàm nhiều yếu tố sâu rộng hơn so với điều mà ta gọi là kỷ luật nói chung theo nghĩa thông thường của từ ngữ kỷ luật mà nhiều người nghĩ đến .

Có hai cách liên tưởng khác nhau khi nói về kỷ luật quốc gia hay một tập thể nhất định nào đó . Thông thường khi nói đến kỷ luật , đa số nghĩ ngay đến một thế lực biết sử dụng sức mạnh , hoặc đe dọa sử dụng sức mạnh , để bắt người khác phải chấp nhận một trật tự xã hội . Để tối đa người sống trong xã hội ấy phải : nghĩ , nói và hành động theo trật tự đã được thế lực ấy định đặt ra , để tạo dựng sức mạnh có thể phục vụ cho quyền lợi chung của các thành viên hoặc quyền lợi của nhóm lãnh đạo chớp bu . Quá nhiều chế độ từ cổ chí kim , từ đông sang tây đều đã hành động như vậy . Nhưng kỷ luật còn được thực hiện trong một xã hội mà đa số người dân được thuyết phục và đồng ý , bằng vào các đánh giá khoa học khách quan về các vấn đề liên quan đến quá trình hình thành , phát triển và hướng tiến tới trong tương lai như một tất yếu lịch sử của xã hội ấy trong tổng thể hướng chung của cả loài người trong mối quan hệ nhân quả với tự nhiên . Như thế đánh giá khách quan dựa vào các phát kiến khoa học để tạo sự thống nhất ý chí chung của một tập thể nào đó là việc rất hệ trọng , tuy khó khăn , nhưng mới là yếu tố giữ cho tập thể ấy biết tự mình ý thức được tinh thần kỷ luật tự giác ; để từ đó họ nghiêm chỉnh hành xử đúng với các tiêu chuẩn mà xã hội đã đề ra và được đa số chấp nhận (thí dụ lái xe bên phải đường chẳng hạn , hoặc các tiêu chuẩn về đạo đức , luật pháp , hay tôn giáo) Thực tế cho thấy , cả hai cách nêu trên đều phải phối hợp song hành thì mới đem lại kết quả mong muốn được . Cách thứ nhất có thể phát huy tác dụng trong ngắn hạn mau chóng , nhưng trong lâu dài cần áp dụng cách thứ hai như nêu trên mới bảo đảm cho xã hội được ổn định và ngày càng phát triển .

Việc hình thành các tiêu chuẩn xã hội luôn đòi hỏi thời gian lâu hàng trăm năm . Có những tiêu chuẩn do nhà cầm quyền đặt ra thông qua luật pháp , nhưng cũng có tiêu chuẩn do nhân dân đặt ra và được nhiều người noi theo . Nhưng dù ai đặt ra thì tác động đều ảnh hưởng lên xã hội , do thế xã hội có bổn phận phải theo dõi đánh giá các hệ lụy , các trào lưu mới ấy để kịp thời sửa chữa .

Lịch sử nước nhà nói chung bị mất rất nhiều trong cái mất lớn lao của lịch sử Toàn Việt . Quá nhiều sự bóp méo lịch sử do Hán cố tình gây ra để đồng hóa ta với Hán trong mớ bong bong của lịch sử mà Hán tự nhận là chủ hiện nay . Ta vẫn không dám can đảm phân tích ngọn nguồn khi nỗi lo sợ triền miên mà Hán đã gây cho Bách Việt nói chung vẫn đè nặng lên tâm khảm ta , việc này sẽ phân tích thêm trong phần sau của tài liệu này . Liệu ta có thể chấp nhận tình trạng tiếp tục bị đô hộ về văn hóa , lịch sử như vậy hay không ? Cho đến nay , chưa một ai , ngoài Cụ Lý Đông A và Linh Mục Lương Kim Định , là những vị đã nêu bật hồ sơ lịch sử này để phơi bày trước tòa án lịch sử loài người . Mỗi vị

nêu lên những khía cạnh khác nhau của bản khúc lịch sử Toàn Việt theo cách của mình . Nhưng mới chỉ là bước khởi đầu đầy ý nghĩa , các bước kế tiếp quan trọng hơn , cho đến nay chưa có người nào - ngay cả những người nhận là đệ tử của các vị ấy - mở rộng hẳn ra để biến thành một cao trào toàn dân , cao trào Toàn Việt trong tương lai . Như vậy vai trò của lịch sử quá quan trọng trong nỗ lực thống nhất ý chí toàn dân trong thời điểm hệ trọng nhất này của lịch sử Toàn Việt ; mà nước Việt ta là hậu duệ chân truyền còn sót lại , có sứ mệnh thiêng liêng cao cả phải dứt khoát khôi phục lại toàn diện , để xây dựng lại khối Toàn Việt trên căn bản mới phù hợp với chiều hướng chung của nhân loại . Trước đây , đã nhiều lần tôi thưa với quý vị là “ Cánh cửa lớn của lịch sử hàng ngàn năm mới mở ra một lần , phúc cho ai có duyên được đi vào cánh cửa lớn ấy của lịch sử “ . Chúng ta phải biết mở lấy cánh cửa lớn ấy , để các thế hệ sau không phải đắm chìm trong mặc cảm sợ Tàu hoặc cứ lẫn lộn Tàu với ta như các thế hệ trước .

Liệu chúng ta có thể dựa vào nguồn sử liệu do Hán bẻ cong hay hủy diệt để viết lịch sử nước nhà hay không ? Câu trả lời chắc chắn là “ KHÔNG “ . Nhưng giữa thái độ nói là không , biến thành một kế sách cụ thể được mọi người chấp nhận đòi hỏi “ PHẢI HÀNH ĐỘNG “ . Như lịch sử nhân loại đã chỉ ra , lịch sử đóng góp rất quan trọng vào việc thống nhất ý chí toàn dân , sự đóng góp ấy sẽ làm cho xã hội được thăng tiến liên tục và ổn định khi xã hội ấy biết cách hành xử hợp với quy luật tiến hóa được liên tục thẩm định đánh giá bằng phương pháp khoa học hiện đại nhất mà loài người đạt được . Như vậy trí thức của ta cần được đào tạo hẳn lại trong tinh thần mới , trên căn bản lịch sử mới . Có như thế thì ta mới có thể đưa nước Việt hiện nay hội nhập với Khối Toàn Việt Hiện Đại được .

Ngay cả lịch sử nước ta từ ngày thâm hời độc lập đến nay cũng có nhiều khiếm khuyết , vì các sử quan mọi triều đại cũng như chính các triều đại đó có khuynh hướng diệt mọi tàn tích của chế độ cũ , vì sợ nhân dân còn hoài cổ . Nên lịch sử trong giai đoạn 1000 năm này cũng rất cần được hiệu chỉnh lại theo chiều hướng suy nghĩ logic chứ chưa hẳn là những gì các triều đại đã để lại , để đánh giá lại lịch sử nước nhà một cách toàn diện để làm tài liệu học tập chính (official document) cho toàn dân .

Thời cận đại trông thế lại khó khăn hơn thời trước trong cách đánh giá về sử nước nhà , vì thực tế cả hai Miền đều chỉ là công cụ thi hành các đường lối của các thế lực quốc tế mà thôi . Như vậy bất cứ ai dính líu vào biến cố đã qua , khi viết hay nói lại đều chỉ là những mảnh vụn của lịch sử đích thực mà thôi . Muốn tìm hiểu đến nơi đến chốn , người nghiên cứu phải có hiểu biết thật sâu rộng về văn minh nhân loại một cách thật ngọn nguồn , phải biết rõ về Hội Kín cũng như những vận động về mặt sách lược kéo dài hàng trăm năm của các thế lực chi phối thế giới trong thời gian gần 400 năm trở lại đây . Thiếu các hiểu biết nền tảng đó ; anh sẽ viết sử nước nhà theo kiểu lụn vụn , luôn dẫn đến sai lầm nghiêm trọng , để lại di hại cho muôn đời mai sau . Đa số trí thức VN trong cũng như ngoài nước hiện vẫn phải trở ngại này .

Xuất phát từ đâu ? Từ chỗ các vị ấy chưa được đào tạo đầy đủ về sử thế giới , về văn minh nhân loại với các trào lưu tiến hóa luôn tương tác với nhau trong một chu trình kín mà người ngoài khó biết được . Kể đến là , các vị ấy vẫn nghĩ rằng ngày nay mọi dân tộc hay quốc gia đều toàn quyền tự do hành động theo chủ quan của chính quyền nước ấy ,

phủ nhận mọi tương tác do các thế lực bên ngoài sắp xếp để bắt anh phải hành động như ý mà thế lực quốc tế muốn anh phải hành động theo kịch bản mà họ đã viết sẵn từ rất lâu trước đó . Mà thực ra , ngay cả lãnh tụ của họ hay của ta cũng chỉ là người thi hành một scene trong cả vở trường kịch lịch sử mà thôi . Mục tiêu tối hậu “ Anh phải bằng mọi giá biết cái vở trường kịch lịch sử ấy mới làm chính trị hiện đại được , mới biết cách xây dựng lại nước nhà trong tương lai “.

Lịch sử nước ta cũng như Toàn Việt cần được duyệt lại trên căn bản mới , khoa học ; các sử liệu do người nước ngoài viết về ta chỉ nên coi là các tài liệu tham chiếu , chính xác ở mức độ khác nhau , phối hợp lại để đưa ra các nhận định lịch sử mới để làm căn bản cho xã hội ; để sau này , mọi người Việt đều nói , nghĩ , làm trên cùng một ngôn ngữ của SỬ . Khi ấy lòng dân sẽ thống nhất , kỷ luật xã hội sẽ được củng cố dựa trên Trật Tự Lịch Sử mới để mở đường cho văn minh Thuận Việt hiện đại . Đó là ước mong của mọi người Việt vậy .

Như vậy bài viết này không phải là sử theo nghĩa thông thường , chủ yếu bàn về ảnh hưởng của các chính sách mà Hán đã thi hành ở nước ta , để cô tạo tâm lý chung của người Việt là ta với Hán là một chủng tộc , một quốc gia ; kết luận tất yếu ngay sau đó : ta là một tỉnh của Hán . Như thế trọng tâm của bài viết nhấn mạnh đến khía cạnh an ninh quốc gia về mặt lịch sử để tìm hiểu về ý đồ của Hán , cũng như nêu ra một số những ngộ nhận chết người của nhiều trí thức VN . Trong chiều hướng ấy , lịch sử thế giới cũng được trình bày theo cách rất tổng quát , chủ yếu tập trung giải thích thêm theo suy nghĩ riêng về hướng hình thành và chuyên dịch của Trung Tâm Văn Minh nhân loại . Quan sát lịch sử thế giới trong đường dài cho thấy văn minh nhân loại rất thống nhất , luôn chuyên dịch theo hướng Đông Tây . Dân tộc ta chẳng có gì để phải sợ hãi trước văn minh Phương Tây cả , cần dứt khoát gạt bỏ tất cả những gì đã quá lỗi thời do Hán áp đặt lên đầu dân tộc ta . Thời điểm này rất quan trọng đối với cả Dòng Tộc Bách Việt , là cơ hội để khôi phục lại giá trị văn minh Bách Việt đã bị Hán chiếm đoạt làm của mình trong mấy ngàn năm qua .

1 – KHOẢNG TRỐNG LỊCH SỬ .

Trật tự xã hội nào thì con người ấy , chính quyền ấy , kỷ luật ấy , kinh tế ấy , tập quán ấy ..tất cả đều thống nhất làm một . Nhưng xã hội loài người chẳng bao giờ đứng yên một chỗ , luôn chuyên dịch như sự chuyển dịch của con người , sự giao thoa giữa con người để hình thành cái mới . Cái mới khi được đa số người trong một cộng đồng chấp nhận , tự nó làm thay đổi trật tự cũ . Nhưng không phải là ngay tức khắc trật tự mới ấy được tuyệt đại đa số chấp nhận và biết cách biến sự chấp nhận ấy thành các hành động thống nhất trong khuôn khổ một cộng đồng , quốc gia hay trên phạm vi toàn cầu . Lúc nào cũng luôn hiện diện các thế lực muốn bảo vệ các giá trị cũ mà thực ra là muốn bảo vệ ưu quyền của thế lực cũ trước đã cách tân . Như thế đấu tranh giữa cũ , mới để tiến hóa là vấn đề thuộc về bản năng của con người . Hình thức đấu tranh thật phong phú , nhưng cũng thật thương đau đã đeo đuổi loài người từ muôn đời nay . Tiến bộ mà loài người đã đạt được cũng từ các cuộc đấu tranh ấy mà sinh ra .

Các làn sóng văn minh như vậy cứ liên tiếp tràn vào các xã hội khác nhau , luôn gây ra chiến tranh , xâm lăng , hủy diệt theo cách cháy ngầm hay cháy bùng theo đúng luật vật lý khách quan . Lịch sử văn minh cần được nhìn trong đường rất dài của quá khứ để đặt căn bản cho đường dài trong tương lai . Con đường ấy đòi hỏi những người nghiên cứu lịch sử phải biết thâm định lịch sử nhân loại một cách toàn diện , để dự kiến một hướng đi , luôn cập nhật hóa bằng các dữ kiện khoa học mới nhất để biến các dự kiến ấy thành các kế hoạch cụ thể của xã hội toàn cầu hay quốc gia trong những hạn kỳ nhất định . Hiểu biết hàng loạt các vấn đề khác nhau của thế giới không phải chuyện dễ , vì dễ ai chịu hé lộ các bí mật của họ cho người khác biết . Như vậy nghiên cứu lịch sử không thể là trò đùa của một ai đó muốn lợi dụng một số hiểu biết giới hạn để bẻ cong ngòi bút nhằm phục vụ cho quyền lợi của cá nhân hay phe nhóm . Làm như vậy , họ đã sửa lịch sử theo ý chủ quan của họ mà quên hẳn nguyên tắc căn bản là tính khách quan của dữ kiện lịch sử . Khi anh không có dữ kiện đầy đủ , đừng vội đi đến kết luận , phê phán chủ quan . Làm như vậy là đắc tội với Lịch Sử .

Dựa vào một vài dữ kiện do người ngoài viết về một sự kiện nào đó , về một thời kỳ nào đó , để trên căn bản đó biến thành căn bản cho các suy diễn lịch sử mang tính khẳng định thì thật là ngờ ngạc ; hệ lụy để lại không nhỏ cho đất nước nhất là trong điều kiện tự do truyền thông như thế này . Truy tìm những bí mật lịch sử khép kín ở đâu đó để soi sáng những điểm mù mù của lịch sử là điều nên làm ; khi ấy bạn chỉ có thể đi đến kết luận cá nhân về sự kiện đó mà thôi , gia dĩ nếu sai thì hệ lụy có thể giảm bớt được một phần nào đó .

Lịch sử với chính trị liên kết chặt chẽ với nhau đến nỗi không có ranh giới cụ thể , vì khi một quyết định chính trị được hình thành thì ngay tức khắc nó trở thành lịch sử . Tìm hiểu xem tại sao trong điều kiện ấy chính trị gia đã quyết định như vậy , đó cũng là những việc cần làm , để rút ra các bài học lịch sử để các thế hệ sau biết cách ứng dụng vào thực tế . Tiếc thay các sử gia của ta , chẳng bao giờ phân tích ngọn nguồn các sự kiện như vậy , cứ dựa vào quan điểm của ông Mỹ ông Tàu nào đó đã nói lên trong tài liệu nào đó , để biến các quan điểm của các người ấy thành quan điểm của mình tuyệt đối chẳng thể sai được . Thế là cứ tranh luận đúng sai , chủ yếu dựa ngay vào lập trường chính trị cũng như tinh thần phe phái để binh hay chống . Họ từ lãnh vực lịch sử xồng xộc bước ngay vào lãnh vực chính trị với đầy dẫy tính phe phái mà lòng luôn nghĩ rằng mình chính là Đại Sử Gia của thời đại . Thật đáng tiếc , thật đáng tiếc .

Lịch sử đâu phải chỉ đơn thuần là hành vi của nhà cầm quyền không thôi , lịch sử chính là một hình thức tổng hợp ở mức độ cao nhất hành vi của mọi con người sống trong thời điểm ấy của lịch sử một dân tộc trong toàn cảnh của xã hội loài người . Như vậy , mọi khía cạnh sinh hoạt của con người , tốt hay xấu , đều là lịch sử cả , đều rất thống nhất để nói lên thực trạng của xã hội ấy , để định hướng xã hội ấy đi vào tương lai hoặc bất định hoặc tươi sáng . Hiểu biết cái bất định hay tươi sáng , tức là hiểu biết xem xã hội ấy sẽ gặp trở ngại gì trong tương lai , các tác động của khách quan sẽ ảnh hưởng thế nào lên xã hội ấy và rồi xã hội ấy sẽ phản ứng thế nào đối với khách quan cũng như chủ quan . Đó là lãnh vực của khoa Tương Lai học (Futurology) . Do thế , khoa học lịch sử rất sâu rộng bao phủ mọi khía cạnh liên quan đến cuộc sống của xã hội , trong phạm vi quốc gia cũng như trên bình diện nhân loại . Đành rằng hành vi của nhà cầm quyền rất quan trọng làm

chuyên hướng lịch sử ; nhưng muốn đánh giá tương đối chính xác hành vi của nhà cầm quyền , người nghiên cứu lịch sử cần nắm vững tối đa các khía cạnh khác nhau liên quan đến lịch sử dân tộc cũng như thế giới . Vì bất cứ lý do gì , khi không nắm vững quy luật khách quan định hướng hành vi của con người – dù với tính cách là nhà cầm quyền hay hướng hành động của con người nằm ngoài tầm ảnh hưởng của nhà cầm quyền – thì thực tế anh dễ đánh giá sai về lịch sử .

Như thế , nếu muốn trở thành sử gia cao cấp của đất nước , anh phải nắm vững hầu như mọi khía cạnh liên quan đến lịch sử nhân loại , trong đó lịch sử của đất nước chỉ là một phần trong thể thống nhất ấy mà thôi . Như thế tức là nói đến sử quan . Sử quan Duy Vật như K. Marx đề ra hay Duy Tâm , hoặc Duy Nhân như Cự Lý đề ra là điều ta cần xác quyết . Thực tế cho thấy , Duy Vật hay Duy Tâm đều đầy khiếm khuyết , Duy Nhân là đúng nhất . Duy Nhân dẫn đến Duy Dân Sử Quan , lấy con người làm trọng tâm nghiên cứu , hành động vì cứu cánh tối hậu vì con người . Bỏ con người ra , cả thế giới này trở nên vô nghĩa . Duy tâm hay Duy vật sử quan thực tế chỉ là cách bàn về lịch sử mang tính triết học kiểu Âu Châu trong thế kỷ 19 tại Âu Châu , sử gia Hy Lạp thời cổ đại như Herodotus vào năm 430 BC khi viết cuốn sử đầu tiên theo nghĩa hiện đại cũng như tất cả các sử gia sau này trên thế giới đều có xử dụng kiểu diễn dịch của K. Marx để viết sử . Các chế độ CS sau này đều có sử thực sự , họ chỉ xử dụng phương pháp sử học để nhào nặn , bịa đặt , sửa chữa loang lỗ lịch sử để đề cao chế độ , lãnh tụ . Đó là các tài liệu tuyên truyền một chiều được xử dụng để nặn ra những cái máy người nhằm phục vụ cho chế độ .

Quả thực lịch sử do các chế độ CS viết ra là một sự phi nhô vào lịch sử thực của con người . Nhưng những trang đen tối ấy vẫn là sử , cần được xem xét đánh giá cẩn thận như những nguyên liệu sống ; cần dựa trên căn bản đối chiếu khách quan để đánh giá mọi mặt liên quan đến các quyết định chính trị như vậy trong hệ thống các quốc gia Cộng Sản . Thực ra thì kiểu Cộng Sản xử dụng trong cai trị cũng như viết sử chính là cách thức tồi tệ hơn hẳn so với thời cổ đại ; họ xử dụng phương pháp của tôn giáo để cố biến chế độ CS thành một hình thức tôn giáo nào đó , mà họ nghĩ rằng có thể củng cố chế độ của họ được mãi mãi tồn tại . Do thế , đem sử do chế độ CS hay bất cứ trí thức nào trong chế độ CS viết ra để tham chiếu đều phải rất dè chừng . Các sự đánh giá như vậy , xem ra mang nặng tính tình báo mới có thể biết được những gì thực sự xảy ra ở phía trong . Lịch sử trong chế độ CS thì tin đồn trong dân chúng nhiều khi lại là các nguồn sử liệu rất chính xác đối với người ngoài cuộc . Như thế , một chế độ đã không có sử thực thì chế độ ấy tan rã mau chóng là đúng rồi , đâu có gì phải thắc mắc .

Các khái niệm về thời thái cổ , cổ đại , trung cổ , hay cận đại liên quan đến mỗi văn minh rất khác biệt nhau về thời điểm . Đành rằng con người hiện đại xuất hiện đồng thời với nhau tại hai địa điểm được khoa khảo cổ ghi nhận là hai vùng Malta thuộc trung tâm của Siberia cũng như vùng Liuiang phía gần duyên hải Bắc Quảng Đông bên Tàu cách nay 15,000 năm . Các giống người tinh khôn hiện đại xuất hiện tại các nơi khác trên thế giới trước thời điểm này , thực tế đã bị tuyệt diệt . Như vậy hai giống người được ghi nhận cách nay 15,000 năm phải được coi là thủy tổ của văn minh hiện nay , văn minh do hai chủng tộc này xây dựng cũng là nguồn gốc của văn minh nhân loại hiện thời . Không thể sai được . Như thế khái niệm về thời thái cổ , cổ đại hay trung cổ của mỗi văn minh tùy

thuộc vào thời điểm mà văn minh ấy hình thành và ảnh hưởng đến các văn minh khác sau đó .

Cụ thể mà nói , văn minh Ai Cập xuất hiện cách nay 5,000 năm thì thời cổ đại của họ kéo dài khoảng 500 năm từ năm 2660 BC bởi Pharaoh Sanakht đến khoảng năm 2180 BC . Thời Trung cổ của họ kéo dài từ 2080 BC đến 1640 BC . Sau đó văn minh Ai Cập cổ tồn tại được khoảng 1000 năm nữa trước khi bị suy tàn vì các lân bang xâm lăng . Văn minh Mesoamerica tức là văn minh Nam Mỹ cổ đại xuất phát từ văn minh Olmec khởi đầu vào khoảng năm 2250 BC đến năm 400 BC , sau đó chủ yếu là văn minh Maya thay thế , thì thời cổ đại của họ lại được các sử gia Phương Tây tính từ khoảng 500 CE đến khoảng 1000 CE , sau đó là văn minh Nam Mỹ Trung Cổ kéo dài cho đến khi Phương Tây xâm lăng toàn Châu Mỹ . Các văn minh Sumer bao gồm nhiều nhánh khác nhau , trong đó Do Thái là một nhánh , thay đổi liên tục vì chiến tranh nên các sử gia phương Tây không tính các niên đại như với Ai Cập . Ngay cả văn minh Harappan và Mohenjo Daro ở vùng phụ lưu sông Indus tồn tại từ năm 2500 BC đến 1500 BC cũng không được tính các niên đại như đối với văn minh Ai Cập . Thời Trung Cổ với văn minh Âu Châu bắt đầu từ thế kỷ 16 CE , sau thời Phục hưng mấy trăm năm .

Vào các thời điểm trước hoặc song hành với văn minh Sumer hay Ai Cập , thì văn minh lục địa Ấn Độ chưa hình thành (xin ghi nhớ văn minh lục địa Ấn Độ và văn minh Indus là Harappan có khác nhau) , văn minh Phương Đông Bách Việt không hề được nói tới một cách công khai ; văn minh Hán được ghi nhận , nhưng lịch sử Hán bị dị nghị đủ điều khi hầu hết các sử gia phương Tây đều cho rằng lịch sử cổ đại của Hán không tin được , toàn là phía sử thối . Như đã trình bày trên , người hiện đại mới nhất xuất hiện tại Liujiang cũng như Malta cách nay 15,000 năm thì điểm khởi đầu của văn minh này là ở đâu ? , chẳng lẽ ở Siberia hay sao ? Vùng đất quá lạnh ấy đâu có điều kiện để sống khi băng cực còn che lấp hầu hết vùng Bắc cũng như Nam Bán Cầu . Cho nên văn minh đầu tiên trên trái đất này khởi đầu tại Hoa Nam là quá đúng , cuộc cách mạng nông nghiệp khởi đầu bởi Bách Việt là chính xác . Do vậy , tôi mới đặt ra những thời điểm văn minh khác nhau : thái cổ hay tối cổ , cổ đại , trung cổ đối với văn minh Bách Việt . Văn minh càng già thì sự mất mát càng lớn , nhất là trước các đợt xâm lăng của kẻ đến sau . Cho nên để hiểu được văn minh của Tổ Phụ Bách Việt , vì quá lâu đời rồi , nên sử dụng các phương pháp sử của Phương Tây thuần túy không thể đem lại cho ta một tầm nhìn đúng đắn về lịch sử dân tộc được . Huyền sử của dân tộc - mà nhiều người tự nhận là sử gia thường không tin là thật , chỉ coi những điều Tàu viết về ta là tất yếu đúng để tham chiếu - mới thực sự là kho sử liệu vô giá đối với lịch sử nước nhà . Như thế lịch sử nước nhà cần được duyệt lại toàn diện trên căn bản hoàn toàn mới , khác hẳn với những gì đã được các sử gia đã viết ra trước đây .

Như thế thời Thái Cổ của ta khởi đầu từ thời điểm cách nay 15,000 đến khoảng thời gian 6000 BC , đánh dấu giai đoạn khởi đầu của thời đại đồ đồng ở Trung Nguyên . Thời Cổ Đại xuất hiện từ 6000 BC đến khoảng 2000 BC , thời Trung Cổ của ta bắt đầu từ khoảng thời gian 2000 BC đến đời nhà Hán bên Tàu . Các mốc thời gian nêu trên rất tương đối , sau này có thể nhờ các khám phá khảo cổ học mới sẽ xác định chính xác hơn . Theo cách đánh giá này thì Hoàng Đế của Hán chỉ là nhân vật tưởng tượng , những Sĩ Vụ, Thần Nông , Nữ Oa đều là nhân vật Bách Việt cả . Dịch Lý , Đạo Học Mật Tông , Âm Dương ,

Ngũ Hành ... đều là các sản phẩm tinh thần do tổ phụ ta khám phá ra , để lại cho con cháu cả . Hán chỉ ăn cắp để lấy làm của mình mà thôi . Cứ lấy lịch sử do Hán viết ra mà bảo là đúng là tự sát . Vì lịch sử ấy hoàn toàn sai với sự thật . Đó là thái độ của người chỉ biết tôn sùng Hán mà thôi , thật đặc tội với tổ tiên . Nhận định này không cần chứng minh thêm , vì xã hội Hán càng ở phía bắc càng ít thống nhất trong cách sống phù hợp với nguyên lý âm dương , càng xuôi nam nguyên lý âm dương càng cụ thể rõ nét hơn . Đặc biệt rất thống nhất đối với những gì còn tồn tại ở nước ta .

Sự phân định thời điểm của lịch sử của dòng tộc như vậy cũng phù hợp với các thời kỳ văn minh Thuận Việt , văn minh Việt Hán , văn minh Hán Việt , văn minh Hán . Theo đúng quy luật chuyển hóa của quá trình chuyển dịch của văn minh từ đông sang tây để văn minh Thuận Việt tác động lên các văn minh khác sau này để hình thành văn minh nhân loại mà ta đang chứng kiến hôm nay để hình thành văn minh Liên Hành Tinh , văn minh mới của cả nhân loại sẽ quay trở lại điểm xuất phát tiên khởi để hình thành văn minh Việt Hiện Đại . Văn Minh Việt Hiện Đại sẽ đóng góp tích cực vào việc sửa chữa lại các lỗi lầm do văn minh Phương Tây đã gây ra cho Á Châu và thế giới Hồi Giáo . Xét trong điều kiện thực tế hiện nay , văn minh Phương Tây La Mã Thiên Chúa Giáo cho dù đủ sức mạnh vật chất để áp chế xã hội Hồi Giáo Trung Đông , Nam Á cũng như lục địa Á Châu , thì văn minh Phương Tây cũng chỉ mới áp chế được bề ngoài mà thôi vì căn nguyên của mâu thuẫn chưa được giải quyết trọn vẹn . Hồi Giáo cũng như Hán chủ về cương , Phương Tây cũng chủ về cương , chỉ Bách Việt chủ về nhu và là thủy tổ của văn minh này của nhân loại này thì Bách Việt mới đủ sức hóa giải các bất đồng giữa các phía để sớm đưa cả nhân loại về một mối .

2 – CÁC NGỘ NHẬN CỦA LỊCH SỬ VỚI HÁN .

Hán cướp bóc lịch sử của ta thế nào để biến thành của Hán , đó là điều cần quan tâm . Ta với Hán khác nhau ra sao là điều cần nghiên cứu kỹ lưỡng . Xưa kia lịch sử Á Châu chỉ là lịch sử mối quan hệ giữa Ta với Hán , lịch sử các quốc gia khác với Hán chỉ là phụ , vì Hán quyết tâm diệt ta để vĩnh viễn chấm dứt mối lo bị ta phục hận ; cũng chỉ ta mới có khả năng đóng góp tích cực vào việc làm cho Hán vĩnh viễn tan tành mà thôi . Vì với tính cách là chủ của văn minh Bách Việt Phương Đông , khi ta lên tiếng xác định chủ quyền không thể tranh cãi về quyền sở hữu đó thì toàn bộ lâu đài văn minh Hán bị sụp đổ toàn diện không thể khôi phục lại được nữa . Vấn đề biển Đông mà Hán đòi chủ quyền chỉ là vấn đề vật chất , lệ thuộc vào trận đồ lớn lao về văn hóa này cùng các diễn biến quốc tế hôm nay . Việc này được chứng nghiệm thật rõ ràng khi ta tự hỏi tại sao Mông Cổ hùng mạnh như vậy , Mãn Châu cũng đâu có vừa , thế mà khi đại đột đi vào cai trị Hoa Lục để rồi bị Hán nuốt trứng . Tại sao ? vì văn minh Việt do Hán chiếm đoạt đủ sức mạnh để Hán khuất phục các thế lực xâm lăng cứng đó .

Hán thành công trong việc chiếm lãnh địa Bách Việt Hoa Nam vì cách thức mà tổ tiên ta ứng xử với Hán như con người , nhưng Hán lại coi ta là mồi ngon để chiếm đoạt từng bước theo lối tầm ăn dâu . Bách Việt ta sống quá ôn nhu , quá thuận thiên ; coi con người với tự nhiên là một thể thống nhất , nên con người không được phép phá hoại tự nhiên nhằm phục vụ cho nhu cầu quá đáng của con người . Cách sống ấy , cách suy nghĩ ấy mới cho phép ta tìm ra các quy luật mà tự nhiên vận động , cũng như cách thức mà con người

nương vào các vận động ấy để cùng tồn tại với tự nhiên . Cho nên , chỉ ta mới đủ tư cách và chính danh để nói về Duy Nhiên , Duy Nhân . Các văn minh khác sau ta , ngày càng chủ về động , coi tự nhiên là phương tiện để phục vụ cho nhu cầu vô giới hạn của con người , nên đã tàn phá tự nhiên quá mức mà tự nhiên có thể chịu đựng nổi . Cuối cùng thì rồi sẽ đến lúc , tự nhiên quay trở lại hủy diệt con người . Hậu quả khủng khiếp này đối với con người ngày nay đã lộ rõ .

Như thế quá trình sinh , diệt của muôn loài dù vật chất hay tinh thần , từ thấp đến cao , đều vận hành theo các chu kỳ khép kín do tự nhiên chi phối . Con người phải sống thuận thiên là thế ; đi ngược lại thì quá trình diệt sẽ đến mau hơn . Tìm ra quy luật sinh hóa của tự nhiên chi phối muôn loài cách nay cả chục ngàn năm , không thể xuất phát từ những bộ tộc sống đời sống du mục hay bán du mục được . Chủ thể của khám phá ấy tất yếu chỉ duy nhất xuất phát từ Bộ Tộc Bách Việt định cư đầu tiên tại vùng Lịujiang mà thôi . Khi Bách Việt đã định canh định cư ổn định tại vùng Hoa Nam thì Hán cũng như chủng tộc Ariel còn sống trong tình trạng hoang dã , du mục trên thảo nguyên Trung Á . Khi tiếp xúc với Bách Việt , người Nomads phương đông mới học hỏi được cách sống định canh định cư cũng như bắt đầu biết làm nông nghiệp . Để sau đó hàng nhiều ngàn năm Hán mới đủ ý thức để hiểu thêm về đời sống cũng như cấu trúc xã hội Bách Việt mà sau này Hán đã trình bày là xã hội biết sống hài hòa và mực thước . Do vậy , khi Khổng Khâu trình bày học thuyết của mình gồm hai phần chính là Hình Như Thượng và Hình Như Hạ , Khổng Khâu không dám nhận học thuyết ấy là sản phẩm tinh thần của ông , hoặc của Hán mà ông đại diện trong thời Đông Chu , khi cả vùng Hoa Bắc lâm vào thời kỳ nhiễu loạn nhất được lịch sử Hán gọi là thời Xuân Thu Chiến Quốc (770 BC – 221 BC) .

Hàng loạt các nhân vật lịch sử được Hán đưa vào lịch sử của mình trước thời Nghiêu , Thuần , Hoàng đế như Thần Nông , Phục Hy , Bàn Cổ đều là các nhân vật đầy tính gương ép ; hoàn toàn không thống nhất với truyền thống của xã hội du mục mới biết định canh định cư ở vùng Hoa Bắc , nơi văn minh và con người Bách Việt Hoa Nam chưa lan tới để chiếm ngụ được vì thời tiết khắc nghiệt của vùng này . Cho nên nhóm Nomads phương Đông xâm nhập dễ dàng mà không bị bất cứ chống đối nào của Bách Việt . Xét cho cùng ra thì Bách Việt ở hai con sông lớn là Hoàng Hà phía bắc và Dương Tử phía nam được coi như ranh giới tự nhiên giữa hai sắc dân (Nomads và Bách Việt Hoa Nam) . Trong khi Hán đặt ra ông Bàn Cổ để chỉ rõ trạng thái xã hội phụ hệ , thì Bách Việt nói đến Bà Nữ Oa , thể hiện trạng thái xã hội mẫu hệ . Cuộc đối đầu của hai hệ thống xã hội này đã dẫn đến chỗ thắng thế của Hán đối với Bách Việt Hoa Nam .

Truyền thuyết trăm con , 50 con theo cha lên núi , 50 con theo mẹ xuống biển , đánh dấu giai đoạn quân bình trong xã hội Bách Việt cổ đại theo đó , cả cha lẫn mẹ đều có uy quyền như nhau trong gia đình cũng như xã hội . Điều này khác hẳn với xã hội trọng nam khinh nữ của Hán , cho nên ta mới có Bà Trưng (39-43 CE), Bà Triệu , Ý Lan Phu Nhân đời Lý , đều là những nhân vật lừng danh trong lịch sử dân tộc .

Sử gia phương Tây gọi nước tầu thời cổ là Han China , điều này xác định rằng họ hiểu rõ lịch sử cuộc đấu tranh giữa Bách Việt với Hán trên khắp các mặt trận từ văn hóa tư tưởng đến danh quyền kiểm soát Trung Nguyên , đặc biệt là Hoa Nam Bách Việt vốn là cái nôi của văn minh Á Châu và cũng là của cả thế giới này (vùng Liujiang nay thuộc Bắc Quảng

Đông bên Tàu) . Phục Hy lại là con người gây tranh cãi nữa , theo sử gia phương Tây , điều này được sử Hán xác nhận và ta mặc nhiên tin theo một cách mù quáng , chính là người tìm ra Dịch Lý (I Ching , phương Tây gọi là Book of Change) vào thời điểm khoảng 2800 BC . Nhưng theo sử của Hán thì Phục Hy sống trước Hoàng Đế khoảng gần 200 năm , (Hoàng Đế 2697 BC – 2600 BC , Phục Hy 2852 BC) . Như vậy Hoàng Đế là ai ? Phục Hy là ai ? .

Có nhiều cách giải thích về nhân vật Hoàng Đế , nhưng cách giải thích có thể có căn cứ nhất là :” Hoàng Đế là thủy tổ của Hán vào thời điểm đó chính là người lãnh đạo lực lượng tiên tiêu của người Nomads Phương Đông , tiến đến sát bờ sông Hoàng Hà trong một vùng nhỏ hẹp nào đó nên được người Hán sau này tôn là Hoàng Đế , tức là người cai trị vùng sông Hoàng Hà . Sử ký Tư Mã Thiên , sau này ghi lại những truyện truyền khẩu như vậy từ những người Nomads Phương Đông (nhất là thời Đông Chu) khi đến đây định cư để rồi hội nhập với Bách Việt Phương Nam . Vào thời điểm này khái niệm về Han China chưa được hình thành theo cách tính của sử gia phương Tây , ta hoàn toàn đồng ý với nhận định khoa học như vậy .

Nhưng còn các nhân vật lịch sử khác thì sao ? Thần Nông , Phục Hy xuất hiện trước Hoàng Đế . Người nọ chỉ cho dân Hán biết làm nông , người kia khám phá ra Dịch Lý , vậy hai nhân vật này thế nào ? họ là Nomads gốc hay Bách Việt gốc ? dù họ là gì đi nữa thì cả hai kỹ thuật nuôi sống con người về vật chất cũng như tinh thần đều là sản phẩm của Bách Việt cả . Lúa nước được Bách Việt trồng cách nay trên 10,000 năm , thuần hóa heo gà cũng đều xuất phát từ Bách Việt trong thời gian trước 10,000 năm BC . Dịch lý phải xuất hiện cách nay ít ra cũng trên 8,000 năm . Dịch Lý phải xuất hiện sau ngũ hành , ngũ hành phải xuất hiện trước khi Bách Việt tìm ra cặp Âm Dương , từ Âm Dương kết cấu mới thành Dịch Lý được , từ Dịch Lý mới tới Tam Tài tức là Thiên , Địa , Nhân . Khám phá như vậy phải trải qua mấy ngàn năm tĩnh tọa quan sát những vận hành của thiên nhiên chứ làm sao một nhóm vừa định cư , suốt đời lưu lạc lại có thể khám phá ra quy luật tự nhiên cao siêu như vậy được .

Các Nghiêu , Thuấn sau Hoàng Đế có thể là người được các nhóm Nomads phương Đông ấy , chọn lựa để thay thế nhau củng cố thế lực của Nomads phương Đông khi đến định cư tại Hoa Lục . Khái niệm về truyền Hiền xuất phát từ đây . Các nhân vật như Thần Nông , Phục Hy đều là các nhân vật được sử Hán ghi lại các câu truyện truyền tụng trong dân gian phương Nam sau này và vẫn tồn tại cho đến khi Tư Mã Thiên ghi vào sử Hán rồi nói đó là người Hán . Nhận định này được minh chứng rõ nhất khi Tưởng Giới Thạch sau khi chạy ra Đài Loan đã lập hẳn một Ủy Ban truy tìm hệ phả của lịch sử Hán (Tưởng hay Tôn Văn đều có nguồn gốc Bách Việt Phương Nam) , Ủy Ban ấy truy nguồn đến thời Hoàng Đế đành phải ngưng công trình , vì trước Hoàng Đế toàn là nhân vật Bách Việt được cạo sửa để mang danh Hán mà thôi .

Đến đời nhà Hạ còn gọi là nhà Vũ (2205 BC – 1783 BC) , nhà Thương còn gọi là nhà Ân (1766 BC – 1122 BC) , Nhà Chu (1121 BC – 221 BC) thì lãnh địa của Nomads Phương Đông vẫn còn loanh quanh nơi vùng Bắc sông Hoàng Hà mà thôi . Đời nhà Ân , Bách Việt xuất hiện anh hùng Phù Đổng Thiên Vương đánh nhau với nhà Ân , như ấy trận chiến dành quyền làm chủ vùng giữa hai sông Hoàng Hà và Dương Tử trở nên khốc liệt .

Nhà Vua cho người đi tìm nhân tài ra cứu nước , như vậy vào thời điểm ấy khái niệm về quốc gia – lãnh thổ đã hình thành vững trãi tại vùng Hoa Nam , việc tuyển chọn nhân tài từ nhân dân theo cách nhân chủ , nhưng dường như ta vẫn không hình thành quân đội chính quy hiện dịch .Đó là thế yếu của ta trong cuộc đối chọi với Hán sau này vậy .

Phù Đổng Thiên Vương đánh giặc Ân bằng vũ khí gì ? chả lẽ bằng vũ khí đồ đồng pha thiếc mà Bách Việt đã khám phá ra đầu tiên trong lịch sử nhân loại đến mấy ngàn năm , vì kỹ thuật này được khám phá thấy tại Đông Bắc Thái Lan cách nay trên 6000 năm , tại Hoa Nam thì kỹ thuật này được khám phá trước thời điểm đó rất lâu , tại Lưỡng Hà Sumer cách nay 5000 năm . Kỹ thuật đúc trống đồng Đông Sơn hiện đại như vậy thì việc làm khuôn tạo mẫu phải rất tiên bộ so với tất cả các văn minh khác . Vào thời điểm đó các văn minh khác chỉ mới biết đúc thành khối hoặc mặt phẳng mà thôi (như khiên hay giáp trụ) . Nếu bảo rằng trống đồng được khắc sau khi đúc thô , thì Bách Việt phải dùng kỹ thuật tinh chế ra kim loại có độ cứng hơn đồng pha thiếc . Như vậy phải chăng ngay từ đời Hùng Vương đánh giặc Ân , ta đã biết cách luyện thép . Con ngựa mà Phù Đổng Thiên Vương cỡi cũng đây tính huyền thoại để xác định cách đánh của Phù Đổng Thiên Vương với giặc Ân cũng có liên hệ đến vũ khí bằng lửa , hay hỏa công , hay chất dẫn hỏa .

Mãi đến năm 900 BC kỹ thuật luyện thép mới phổ biến tại Trung Đông (Hy Lạp năm 1000 BC , Anh và Etruscan nay thuộc Ý năm 700 BC , xe ngựa cũng đưa vào chiến tranh cùng thời điểm này) . Các sử gia phương Tây không biết thực sự kỹ thuật luyện thép xuất phát từ đâu tại Trung Hoa , nên chỉ ghi nhận tổng quát là tại Trung Hoa năm 1000 BC . Lại truyện vua Hùng Vương thứ 18 đánh quân Hán nữa , nỏ thần là gì ? Thường khi nói đến thần tức có liên hệ đến lửa , như thế nỏ thần có nhiều liên hệ đến một loại vũ khí xử dụng chất dẫn hỏa của tổ tiên ta , kết hợp với kỹ thuật luyện thép .

Cần nêu thêm là đời nhà Ân bên Tàu , lãnh thổ vẫn còn quanh vùng Hoàng Hà thì làm sao giặc Ân có thể đánh vào vùng Bắc nước ta ngày nay được ? Theo tương truyền thì Phù Đổng Thiên Vương người làng Phù Đổng , Bắc Ninh ngày nay . Điều này về phương diện lịch sử cần coi lại cho đúng với thực tế . Cứ như việc thiên di của Bách Việt xuống phương Nam vào vùng Châu Thổ sông Hồng , sông Cả , sông Mã ngày nay có lẽ được thực hiện chưa quá 2500 năm trước đây . Do áp lực của hán , từng bộ phận Bách Việt thiên di vào vùng Châu Thổ Miền Bắc đem theo các tập quán , truyền thuyết của mình để hình thành xã thôn Miền Bắc theo kiểu pháo đài tự cung tự cấp . Từ một pháo đài mẹ , khi dân số trở nên đông đúc sẽ mở rộng ra các pháo đài kế cận cũng lũy tre già bao bọc xung quanh , chỉ một hoặc hai cổng ra vào . Do thế , làng Phù Đổng tại Bắc Ninh chính là làng Phù Đổng bên Tàu xưa kia . Khi quan sát tên địa phương của Việt lẫn Hán ta luôn thấy nhiều tên địa phương trùng hợp . Như tên Hà Nội , bên Tàu cũng có Hà Nội vậy .

Đây là đặc trưng của xã hội Miền Bắc nói chung , khi ta thấy tập tục mỗi làng rất khác biệt nhau . Xin đan cử một thí dụ : Việc thờ dương vật nam giới , hay âm vật phụ nữ vẫn tồn tại tại một số làng ở Miền Bắc . Tập quán này vẫn tồn tại bên Nhật đến ngày nay (tôi không hiểu tại vài làng ở Miền Bắc nước ta có còn tồn tại tập tục này hay không ?) . Tại làng khác , nếu bạn đến thăm gia chủ vào buổi chiều mà không có điều kiện báo trước , người vợ gia chủ dù đang tắm , có thể ở trường như vậy ra đón bạn một cách rất cung

kính thay chông , rồi mới tiếp tục tắm xong thay đồ ra tiếp bạn (việc này thân sinh tôi nói với tôi). Vài điều như vậy đủ để nói lên thực tế Miền Bắc chính là thực tế vùng Hoa Nam thâu hẹp lại . Nên khi quan sát lịch sử nước ta cần rất cẩn trọng . Gốc của Lịch sử Bách Việt thái cổ và cổ đại đều nằm trong vùng Hoa Nam , lịch sử Bách Việt Trung Cổ được nước ta cùng với Lào , Miến Điện và Đông Bắc Thái Lan lưu giữ . Cho nên sau này cần hình thành cả một Viện Nghiên Cứu Toàn Việt trên quy mô quốc tế mới có thể khôi phục lại cả lâu đài văn minh Bách Việt được .

Khi kỹ thuật luyện thép được nhóm Nomads phương đông đưa vào chiến trận với đạo quân kỵ mã chuyên nghiệp thì , cách tổ chức lực lượng kiêu dân quân của ta không đủ sức chống đỡ . Nhất là thời Xuân Thu Chiến Quốc , chiến tranh liên miên đến 500 năm liền đã làm cho kỹ thuật tác chiến của đám Nomads phương Đông này tiến bộ rõ rệt so với Bách Việt chủ về thế thủ , sống trong hòa bình ở phương Nam quá lâu nên quân đội không được chuẩn bị đầy đủ khi bị xâm lăng bởi Bắc Phương . Tương quan lực lượng ngày càng nghiêng về phía Nomads phương Đông về kỹ thuật tác chiến , tổ chức xã hội cũng như văn minh khi chúng đã học được nhiều điều từ Bách Việt cũng như từ các nhóm Nomad Phương Tây khác . Xin ghi nhớ , khi Nomads Phương Đông đi vào Trung Nguyên , thì các đợt thiên di sau đó vẫn tiếp tục để tạo sức sống mới cho nhóm Nomads Phương Đông tiên khởi . Như thế , nhóm Nomads này trẻ trung hơn , quyết chiến đấu hơn so với Bách Việt Phương Nam nay có dấu hiệu già nua vì định cư quá lâu trên vùng lãnh thổ Hoa Nam trong khi lại không tiếp nhận được các đợt thiên di khác để tạo sung lực .

Tần Thủy Hoàng xuất hiện nhằm đáp ứng với tình thế vùng Hoa Bắc lúc nhà Chu suy tàn , Thủy Hoàng đốt sách chôn học trò vì ảnh hưởng của Lão Tử phát triển quá nhanh trong thời Xuân Thu Chiến Quốc , nên Thủy Hoàng ra lệnh triệt hạ cũng khá giống với cách mạng văn hóa kiểu Mao mới đây vậy . Điều này cũng có thể cho thấy Thủy Hoàng muốn thanh lọc chủng tộc chăng ? Nhưng chính yếu là Thủy Hoàng đặt căn bản để hình thành nhà Hán sau nhà Tần chỉ tồn tại trong ngắn ngủi . Lịch sử Hán đánh giá Thủy Hoàng theo hai cách đạo đức và chính trị nên thương ghét khác nhau . Phật Giáo dễ được chấp nhận trong thời Tam Quốc bên Tàu sau này càng xác nhận quan điểm đó .

Khi nhà Hán thành lập vào năm 202 BC ổn định đến năm 8 CE , sau đó lại là thời kỳ hỗn mang của Hán kéo dài đến sau thời Tam Quốc . Kể từ đây , nước Hán với người Hán được đồng hóa làm một . Một bộ phận Bách Việt di chuyển vào Đông Nam Á , trong khi số Bách Việt còn lại tại Hoa Lục từ từ thành Hán Dân . Khi Hán xâm lăng đặt ách đô hộ lên nước ta gần ngàn năm , trong số các quan cai trị nước ta do triều đại phương Bắc đưa qua cũng như quân đội Hán đóng tại nước ta trong thời gian ấy có người thuần Hán , có người lai Bách Việt với Hán , có người thuần Bách Việt sinh sống tại Hán . Tùy theo nguồn gốc mà cách ứng xử với dân ta khác nhau . Nhưng tựu chung nhà cầm quyền Hán tại chỗ cũng chỉ kiểm soát được các thị trấn nơi quân Hán đóng như các pháo đài , tại nông thôn vẫn là các làng xã độc lập như những pháo đài kiên cố , quân Hán chẳng đại gì đụng đến các làng xã như vậy chừng nào các làng xã ấy vẫn đóng thuế cho nhà cầm quyền Hán tại địa phương . Đó là tình trạng tạm gọi là đô hộ ở mặt nổi , thực chất bên trong vẫn là xã hội Bách Việt . Cho nên giữa thành thị và nông thôn VN rất khác biệt nhau về cách ứng xử với ngoại xâm . Sau này khi thu hồi độc lập rồi (tức là từ đời Tiền

Lê về sau) các vua quan triều đình cũng không dám đụng đến hệ thống xã thôn ấy vì biết rõ đó là chỗ dựa chiến lược khi bị quân Tàu xâm lăng .

Đặc trưng tổ chức xã hội này có cái rất hay là bảo đảm được hậu phương vừa có khả năng tung ra các cú phản công diệt địch , vừa có khả năng cố thủ để chờ cho địch suy yếu đi vì tiếp vận hay thời tiết , vừa có khả năng tung ra các đòn đánh vào tuyến tiếp vận của địch . Nhưng cũng có cái rất dở là ta rất khó cải cách để phát triển mạnh , ít dám tiếp thu cái mới , trừ khi ta bị đẩy đến chân tường . (người Mỹ rất am hiểu lịch sử cũng như con người VN là vậy) . Như thế sức mạnh Việt nằm trong nông thôn , bí mật cũng được lưu trữ ở đây . Điều này được minh chứng cụ thể như sự kiện Thánh Dóng xưa , các triều đại sau này đều xuất phát từ nông thôn cả . Ta không hình thành được xã hội thành thị để thành thị nắm quyền lãnh đạo nông thôn về các mặt như kinh tế , văn hóa thị trường , mà là nông thôn thực sự lãnh đạo thành thị . Chế độ Phong Kiến của ta thực ra cũng không phải là Phong Kiến đích thực , mà là Phong Kiến Bình Dân , vì không hề có giai cấp như tầng sỹ , quân nhân hay công nghiệp . Xã hội ta chính là xã hội nông nghiệp đã tồn tại trong trạng huống này quá lâu mà không đủ khả năng để tự mình chuyển sang xã hội công nghiệp như các quốc gia Âu Châu . Ta cần rất thẳng thắn nhìn nhận tình trạng này để biết cách ứng xử sau này cho thực đúng cách .

Khi Pháp xâm lăng nước ta , trật tự xã hội cũ bị phá vỡ toàn diện , ta lâm vào cuộc khủng hoảng chiến lược nghiêm trọng nhất trong lịch sử khi xã thôn không còn đóng được vai trò chiến lược khi chiến tranh chỉ là cung tên mã tấu như xưa nữa , mà nay là máy bay , xe tank , đại bác . Nhưng quan trọng nhất chính là các trí thức ta chưa dứt bỏ được cái vòng kim cô do Hán cố tình gài vào đầu óc các trí thức của ta do hàng ngàn năm bị đô hộ cũng như cả ngàn năm không có dịp tiếp xúc với các văn minh khác , chỉ biết có văn minh Hán trên đầu mà thôi . Do thế cần tìm hiểu thêm về cái vòng kim cô ấy để quyết tâm tháo gỡ cái nọc độc văn hóa do Hán gài vào nước ta .

3 - VÒNG KIM CÔ DO HÁN GÀI VÀO NƯỚC TA .

Chữ Khoa Đầu của Bách Việt Cổ Đại thế nào nay không còn nữa , đã bị Hán hủy hoại hết để thay thế bằng chữ Hán . Hán đã thành công trong âm mưu thôn tính về văn hóa để áp đặt văn hóa Hán lên nước ta . Chữ Hán là sự kết hợp giữa tượng hình với tượng thanh như nhiều chữ viết cổ khác trên thế giới này . Nếu ta tìm lại được chữ Khoa Đầu cổ thì rất nhiều bí mật của dòng Việt được soi sáng . Trống Đồng có thể là nguồn tài liệu quý giá hiện nay , nhưng cần nhiều trống đồng thuộc nhiều thế hệ khác nhau nay rải rác tại nhiều nơi trên thế giới , để so chiếu cùng với cổ tự còn sót lại của các nhánh Bách Việt khác nhau . Việc này đòi hỏi thời gian lâu dài với nhiều đầu tư cũng như kết hợp với nhiều nhà ngôn ngữ học hàng đầu thế giới .

Sự kiện quan trọng nhất cần nhấn mạnh chính là ngũ âm trong âm nhạc của ta . Ngũ âm chính là nguồn gốc của các dấu “ huyền , sắc , nặng , hỏi , ngã “ , có thể là căn bản của tượng thanh . Vấn đề còn lại chỉ là tìm ra các dấu hiệu tượng hình mà thôi . Điều này được chứng minh rất rõ về mặt khoa học khi ta cùng các cố đạo Y Pha Nho tìm ra chữ Quốc Ngữ . Mẫu tự La Tinh , nếu không kết hợp với ngũ âm trong chữ Khoa Đầu , không thể hình thành chữ Quốc Ngữ như ta biết ngày nay được . Đây là thành quả cực kỳ lớn

lao đối với ta để đặt căn bản cho ta thoát khỏi vòng ảnh hưởng về văn hóa của Tàu và cũng là mối lo lớn nhất của chúng . Dù vậy , ta cũng nên tìm hiểu về cái vòng kim cô văn hóa do Tàu áp đặt lên dân ta .

Xin hãy bắt đầu từ Khổng Khâu , với câu hỏi là : Nho Giáo là tôn giáo hay là lý thuyết cai trị khẳng định vai trò “ CHỦ “ của văn minh Hán tại Trung Nguyên cũng như lân bang của Hán . Kế đến là vai trò của Lão Tử trong quan niệm về xã hội Nhân Trị . Thứ ba là các tài liệu của Hán đã áp đặt vai trò “ CHỦ “ của Hán với các lân bang như thế nào để tuyên truyền cho vị thế vĩnh viễn làm chủ Á Châu của Hán . Thứ tư là đánh bại vai trò Chủ của Hán như thế nào trong giai đoạn hiện nay của lịch sử nhân loại . Đó là bốn vấn đề lớn mà tất cả các thế hệ sỹ phu nước Việt từ trước đến nay chưa chủ động đặt thành chiến lược phản công toàn diện để lật nhào cái lâu đài văn hóa Hán đến tận cội rễ . Thắng Hán trên chiến trường khi Hán xâm lăng mới là thế thủ về mặt quân sự , trong khi Hán vẫn xâm lăng về mặt văn hóa tư tưởng ; thắng Hán trên chiến trường bằng thế công trên chiến địa Hán - mà thực sự chưa bao giờ xảy ra trong lịch sử Việt Hán - cũng chưa phải là thắng . Thắng lợi thật sự vững bền chính là phải hủy diệt toàn bộ cấu trúc xã hội chuyên dựa vào xâm lăng chiếm đoạt của Hán , trên mọi khía cạnh của cuộc chiến toàn diện , đồng thời phải xây dựng được một cấu trúc xã hội mới dựa trên nền tảng con người . Bốn vấn đề ấy sẽ được bàn thêm dưới đây .

4 – KHÔNG TỬ , LÃO TỬ CUỘC TRANH LUẬN TRIỀN MIÊN .

Khổng Tử xuất hiện như một đáp ứng của xã hội Hán trong thời Xuân Thu Chiến Quốc kéo dài hầu như suốt thời Đông Chu (770 BC- 256 BC) khi kỹ thuật luyện thép được đem vào quân sự cũng như nông nghiệp gây ra nạn phá rừng trên quy mô lớn khắp nơi , chiến tranh trở nên khốc liệt hơn hẳn so với quá khứ . Cũng theo ghi nhận của sử gia Phương Tây thì kỹ thuật luyện thép đầu tiên xuất phát từ Trung Hoa vào thế kỷ 10 BC , như vậy xác nhận này cũng chưa thực đúng với thực tế khi so chiếu với sự kiện Thánh Dóng đánh giặc Ân (1766-1122 BC) . Giả định rằng Thánh Dóng đánh giặc Ân bằng vũ khí bằng thép (mà chắc đúng như vậy) , thì việc tìm ra thép chính là từ Bách Việt trong thời nhà Ân (khoảng 1700 BC) . Xin ghi nhớ kỹ thuật luyện đồng pha thiếc đã được hoàn thiện cũng bởi Bách Việt từ hơn 3000 năm trước nhà Ân bên Tàu (được khám phá thấy tại Đông Bắc Thái Lan cách nay trên 6000 năm) . Đây là giai đoạn lịch sử Việt, Hán rất lộn xộn , cái gì cũng nói từ China , chẳng phân biệt China nào với China nào cả .

Khám phá kinh hồn này sau khi được truyền bá khắp nơi bởi các làn sóng thiên di đã làm cho hàng loạt đế chế trước đó rất hùng mạnh cũng phải tan rã trước kỹ thuật chiến tranh mới . Tại Trung Đông , đế chế Achaemenid xứ Iran hình thành từ đợt thiên di cuối cùng của người gốc Aryans từ phía Trung Á tràn vào khoảng thế kỷ thứ 9 BC . Đợt thiên di này đem theo kỹ thuật luyện thép cùng với xe chariot (chiến xa do ngựa kéo) được phát kiến bởi người Cimmerians và người Scythians tại vùng Caspians ngày nay . Đế chế Assyrian hùng mạnh cả ngàn năm tại vùng Bắc Lưỡng Hà cũng bị phân rã , Ai Cập cũng tan hoang . Cyrus the Great cai trị Elam và Persia đã chiếm toàn bộ vùng Trung Đông trong thời gian từ 558 BC đến 529 BC . Trật tự mới hình thành tại Trung Đông , đánh dấu bước đột phá của văn minh Hy Lạp về nhiều mặt như lịch sử , toán học , thiên văn , y khoa

trong thế kỷ thứ 5 BC . Sau đó hai thế kỷ , Alexander Macedoine khởi nghiệp , chiếm đóng khắp vùng rộng lớn từ Ai Cập đến vùng sông Indus .

Nếu so sánh với thời kỳ trước thời Xuân Thu Chiến Quốc , tức là cuối đời Tây Chu chuyển sang Đông Chu , thì cuộc chiến giữa quân Hiểm Doãn , Khuyển Nhung với quân đội nhà Chu xảy ra sớm hơn , có thể vào thế kỷ 9 BC trùng hợp với thời điểm người Ariels xâm nhập Persia tức Iran ngày nay , để dẫn đến chỗ nhà Tây Chu phải dời đô về Lạc Dương từ đó gọi nhà Đông Chu . Đông Chu tiếp tục loạn to trong thời Xuân Thu Chiến Quốc . Loạn lạc như vậy tạo điều kiện để Khổng Khâu xuất hiện tìm cách cứu đời . Quan niệm của Khổng Tử nói chung đơn giản : “ ông bảo rằng tao loạn xảy ra vì người cai trị chỉ nhân danh tham vọng cá nhân để tước đoạt mà không chăm lo cho nhân dân . Như vậy người cai trị phải thụ Mệnh Trời mà cai trị muôn dân . Khi người cai trị không theo đúng mệnh trời thì loạn lạc thiên tai xảy ra , đó là dấu báo là người cai trị ấy hết mệnh trời , phải bị thay thế bằng người khác thụ được mệnh trời , hợp với lòng dân “ .

Trời (Universe) và mệnh trời đều là những khái niệm rất mông lung mà Khổng Tử đem vào học thuyết của mình như một biểu tượng tối cao bất khả tranh luận , vĩnh viễn tồn tại để xác định tính chính danh của người cầm quyền . Như thế con người tuy là thực thể cần được phục vụ như cứu cánh tối hậu , thì con người nay phải lệ thuộc vào mệnh trời được thể hiện cụ thể qua thiên tai (không có thiên tai , thái bình là thuận mệnh trời , được trời xác nhận tính công chính . Một khi thiên tai hay chiến tranh xảy ra thì báo hiệu hết mệnh trời) . Cách đặt mối tương quan giữa người với vũ trụ như vậy kể cũng lạ vì chiến tranh là do con người gây ra , thiên tai là do thiên nhiên chi phối . Phối hợp hai hiện tượng đối nghịch như vậy trong một học thuyết nhằm cứu nhân loại ra khỏi lầm than giặc giã , để đề ra thuyết Chính Danh theo Nho Giáo , thì học thuyết ấy tự mâu thuẫn toàn diện về mọi mặt . Mà nói cho cùng ra thì Khổng khi nói về mệnh trời thực tế cũng chỉ là cách giải thích khác liên quan đến THUẬN THIÊN của Bách Việt kết hợp với khái niệm THIÊN TỬ với CHƯ HẬU đời nhà Chu mà thành , để giải thích vai trò CHỦ TRUNG NGUYÊN của Hán mà thôi .

Để biết mệnh trời , Khổng Học viết ra phần Hình Nhi Thượng để con người học biết cách tiên đoán về Mệnh Trời để hành động cho thuận mệnh trời . Hình Nhi Thượng chủ về Dịch Lý âm dương để tính toán các biến chuyển của cuộc sống , áp dụng trong mọi lãnh vực của cuộc sống của con người cũng như tự nhiên . Đối với nhân dân , ông đề ra phần Hình Nhi Hạ để giáo huấn con người biết sống một cách công chính , tuân thủ mệnh lệnh của người cai trị , vì họ thay trời hành đạo trời trong dân gian . Chính phần Hình Nhi Hạ này đã đặt căn bản cho tập quán sinh hoạt trong xã hội Tàu cũng như ta như một trật tự không thể thay đổi được , đó cũng chính là lý do khiến cho xã hội Tàu cũng như Á Châu đắm chìm trong suy thoái lâu dài . Nhưng cuộc sống không đơn giản như Khổng Tử nghĩ vì quyền lực nhân danh Trời (tức là Thượng Đế , nói theo tôn giáo Phương Tây) sẽ tìm mọi cách để sửa điều mà Khổng gọi là mệnh trời để tìm cách cai trị vĩnh viễn và cũng nhân danh mệnh trời để giết hại nhân dân . Cho nên nước Hán luôn loạn lạc , chẳng bao giờ được ổn định xã hội . Sự hùng mạnh một thời nào đó chỉ là bề ngoài mà thôi , sự ổn định đó thuần túy chỉ dựa trên hệ thống sứ quân không công khai hình thành tại các địa phương , nhưng chính là thực tế trong lòng xã hội Hán . Vì thế xã hội Hán mới có nạn

bảo tiêu hàng hóa cho người đi buôn , khi vua Hán đi nghỉ ở Bắc Đới Hà luôn phải điều động cả trăm ngàn quân để bảo vệ suốt dọc đường .

Khi Khổng Tử đề ra học thuyết cứu đời , được các đệ tử hăm hở truyền bá , chả ai noi theo . Mãi đến sau đó mấy trăm năm sau nhiều tranh cãi về cách thức cai trị nước Hán trong vai trò là thế lực VUA trung tâm cai trị thế giới thì học thuyết do Khổng Tử đề ra mới bắt đầu được xem xét lại bắt đầu từ nhà Hán . Tại sao ? Vì các lý do sau đây :

Thứ nhất là : tình trạng đạo đức của các quan Hán cai trị tại địa phương luôn tỏ ra vô kỷ luật , luôn sẵn sàng muốn củng cố vai trò sứ quân , như thế đe dọa đến quyền lực của triều đình Hán .

Thứ hai là : vai trò của Lão Giáo thực sự chi phối xã hội Trung Nguyên , hoàn toàn có khả năng gây bất ổn . Nhất là tại Phương Nam nơi đa số là hậu duệ của dòng tộc Bách Việt . Hán cần một học thuyết mang nặng sắc thái Hán để tạo ảnh hưởng tinh thần lên đa số dân Hán có nguồn gốc Bách Việt .

Thứ ba là : Sự xuất hiện của Phật Giáo cũng chủ trương bất bạo động , trái với chủ trương dụng bạo lực tối đa theo truyền thống Hán . Nhưng căn không được vì đã lún sâu vào xã hội Hán , cũng chủ yếu thông qua đa số Bách Việt vốn chủ trương thuận thiên mà Đức Phật dựa vào đó đề ra lý thuyết nhà Phật . Phật Giáo đến Trung Hoa khoảng thế kỷ thứ tư sau Công Nguyên . Đường Tăng đến Ấn thỉnh kinh Phật nói lên khía cạnh khác của vấn đề .

Thứ Tư là : Nếu các cao trào văn hóa tôn giáo ấy cứ tiếp diễn trong lâu dài thì Hán sẽ mất hướng đấu tranh , cho nên cần cấy vào đầu dân Hán một khẩu hiệu muôn thuở là “ Hán cai trị ở Trung Tâm , luôn làm chủ thiên hạ “ . Như thế , đây là khẩu hiệu chiến tranh , định hướng cho mọi suy nghĩ cũng như hành động của tất cả các vua Hán sau này .” Cho nên ta không ngạc nhiên khi thấy đến ngày nay Hán vẫn cứ một mực coi tất cả các lân bang đều là lãnh thổ của Hán , bất chấp quy luật hành xử của thế giới hiện nay .

Chính các diễn biến của tình hình như vậy , nên học thuyết của Khổng Tử được điều chỉnh lại dựa trên sự mở rộng khái niệm về Thiên Tử với Chư Hầu đời Tây Chu , được Chu Công Đán đề ra . Đến đời nhà Hán bắt đầu được ứng dụng hạn chế , nên được gọi là Hán Nho , vì lúc đó ảnh hưởng của văn hóa Bách Việt còn mạnh . Sau này được hỗ trợ bởi sự kết hợp Tam Giáo theo tập quán niềm tin dân gian mà Bách Việt chiếm đa số để giữ yên nước Hán , đồng thời mở rộng vành đai đô hộ đến các lân bang để Hán hóa các lân bang có truyền thống văn hóa khác với Hán . Trên căn bản này , Khổng Học được nhà cầm quyền coi là lý thuyết chính trị chính để dạy cho các quan cai trị biết cách cai trị các vùng được giao phó .

Các nỗ lực như vậy phải đến đời nhà Tống (960-1278) mới hình thành trọn vẹn được . Do thế sau này ta cũng như Hán luôn nói đến Tống Nho là vậy , vì Nho Học đời Tống cũng chuyển sang khúc rẽ mới , chi phối sinh hoạt , suy nghĩ của triều đình nhà Tống cũng như cả nước Hán trên diện rộng . Ta có thể coi đời Tống bên Tàu , Nho Giáo bộc phát đến đỉnh cao nhất của xã hội Hán . Nhưng như lịch sử Hán đã chỉ ra , sau đời Tống thì Hán bị Mông Cổ và Mãn Châu xâm lăng , nhà Minh tồn tại không lâu trong lịch sử gần 700 năm qua của Hán . (Nhà Nguyên 1279-1368 , nhà Thanh 1644-1912 , nhà Minh 1368-1644) .

Nhìn chung thì Khổng Học tuy được lịch sử Hán ca tụng hết lời bằng nhiều cách khác nhau , nhưng không làm cho Trung Hoa phát triển được . Xã hội Hán nói chung , ngay cả thời được coi là cường thịnh , cũng chỉ cường thịnh ở mặt nổi mà thôi . Thực chất xã hội ấy đây bất ổn , tuyệt đối không hàm chứa các nội lực có khả năng thúc đẩy tiến bộ bền vững .

Khổng Học như thế không thể coi là tôn giáo được , chỉ nên coi là lý thuyết cai trị cũng như tổ chức xã hội theo kiểu cổ nhằm hướng con người đến chỗ mặc nhiên chấp nhận vua người Hán như là vua cai trị ở Trung Ương ; vua các lân bang của Hán muốn được chính danh (tức là xác nhận quyền cai trị) cần phải được vua Hán tấn phong . Như thế , Khổng Học thực tế được xử dụng như công cụ chính trị kết hợp với tôn giáo để vĩnh viễn xác định quyền uy tối thượng của vua Hán , cũng như người Hán vậy .

Đối diện với Khổng Tử là Lão Tử , ông phủ nhận mọi giá trị liên quan đến Quân , Thần (vua , tôi) do Khổng tử đề ra . Ông coi con người mới là chính , vua hay nhà cầm quyền đều đáng khinh . Câu nói đề đời của Lão Tử là “ Dân vi quý , xã tắc thứ chi , quân vi khinh “ . Hai người ở hai phương khác nhau , kẻ Bắc người Nam , như thế cách nay trên 2500 năm họ không thể liên lạc với nhau để biết quan niệm của nhau để phê phán này nọ . Lão Tử bằng phương pháp gì để thấy trước sẽ xuất hiện Khổng Học ở phía Bắc , nếu không phải là Mật Tông Phương Nam . Những hoạt động của Khổng Tử như chu du thuyết phục các chư hầu làm sao người ngoài biết được vì đó toàn là truyện cung đình thôi . Nhưng khi Lão Tử phát biểu một câu đề đời nêu trên , có thể còn nói lên một khía cạnh khác liên quan đến xã hội Bách Việt Phương Nam , khi mỗi cộng đồng vẫn sống độc lập nhau như những quốc gia thành phố như tại Âu Châu hay Lưỡng Hà cùng thời . Như thế , xã hội Bách Việt lúc ấy có thể cũng xuất hiện những tranh luận liên quan đến việc hợp nhất để tạo dựng sức mạnh chống lại Hán . Lời nói của Lão Tử có thể được coi là phán quyết cuối cùng liên quan đến một chọn lựa mang tính Sách Lược .

Điều này càng nói lên triết lý sống thuận Thiên của Phương Nam . Lão Tử là một nhân vật kỳ bí của lịch sử , Đạo Học do ông đề ra quá uyên bác , nên sau này phải Trang Tử luận thêm mới hiểu nổi được một phần . Thực tế , Lão Tử có thể là một Đạo Sĩ Tu Tiên chẳng ? tu tiên là cách nói đến cách sống của người thoát tục hoàn toàn có khả năng cộng thông với vũ trụ huyền hà kia . Từ ngữ Tu Tiên cũng chỉ bên ta mới có thôi (nếu tôi nhớ không lầm , xin tìm hiểu thêm) , tức là cách biến thái của Mật Tông mà hiện nay ta nói tới . Cho nên sau này những kẻ không hiểu việc cứ lấy đồng bóng , bùa chú để kiếm ăn là vậy , thực tế đã làm hạ giảm giá trị của môn học tuyệt luân này . Mật Tông với Thiên có vẻ giống nhau , nhưng cũng khác nhau . Cứ xem cách thức mà Tibetan hành lễ Phật , ít cho thấy Thiên Tính trong đấy , vẫn lấy cõi làm chính . Thiên Tông Tây Tạng ở đỉnh cao nhất mới chính là Mật Tông , nhưng rất hiếm người đạt được . Người tu tiên có thể có lối sống kỳ dị , nhưng trong cái dị kỳ ấy , họ hy vọng thấy cõi trước cõi sau .

Như vậy Lão Tử luận về chính danh khác hẳn với Khổng Tử . Chính Danh với Lão Tử có thể được coi như : “ cứ tự nhiên như nhiên trong mối quan hệ giữa xã hội với con người cũng như giữa con người với tự nhiên . Ai lãnh trách nhiệm điều hành xã hội hay gia đình cứ tuân theo luật tự nhiên ấy mà hành động . Mọi sự có trước có sau trong lẽ biến hóa khôn lường của càn khôn , đừng vọng động , tránh giết chóc để được sống an

nhiên tự tại “ . Quan niệm sống như thế quả thực rất thuận thiên . Nhưng xã hội không đơn giản như vậy ; khi kẻ thù của con người luôn tìm mọi cách chiếm đoạt hủy diệt thông qua chiến tranh , thì xã hội ấy không thể tồn tại được trước đã xâm lăng từ bên ngoài , thậm chí xuất phát từ các trào lưu ngay bên trong lòng xã hội ấy . Như vậy đối với Bách Việt thì Đạo Học tuy cao siêu , chủ về người trong cách thức sống thuận với tự nhiên , khó tạo điều kiện để con người thống nhất thành một khối vững mạnh có khả năng chống lại kẻ thù từ bên ngoài (ở đây là Hán) .

Câu hỏi quan trọng liên quan đến Lão Giáo là : Phải chăng Lão Tử cố tình quay lưng lại với xã hội ? Thực tế hoàn toàn không phải như vậy . Ông chống lại việc sử dụng bạo lực để chống lại con người , ông đề cao vai trò lãnh đạo quần chúng bằng việc hãy đứng sau quần chúng thuận theo ý kiến của quần chúng , ông nhấn mạnh đến việc xây dựng lực lượng quần chúng cũng như người được quần chúng cử ra lãnh nhận công việc của quần chúng qua lời giáo huấn :” biết người là thông minh , nhưng biết mình mới thực sự khôn ngoan” . Như thế đối với Lão Tử quần chúng nhân dân mới thực sự là chủ thể cần phục vụ ; rời xa chủ thể , mọi chế độ mọi vua chúa đều trở thành những kẻ điên khùng hoặc những kẻ điên khùng nhất . Ông chính là tổ sư của lý thuyết về Dân Chủ Phương Đông . Chính Danh với Lão Tử đặt căn bản trên sự tôn trọng quyền quyết định của nhân dân trong việc chọn người lãnh đạo họ , cũng như cách thức mà nhân dân quyết định về tương lai của mình . Khổng Tử không đặt ra nguyên tắc căn bản như vậy , khi vua cứ thay trời thi hành đạo người , thế mà cái đạo người ấy với cái đạo trời ấy lại rất mông lung luôn bị lạm dụng bởi các nhà cầm quyền nhân danh đạo trời .

Thực ra thiên nghĩ , có thể cả Lão lẫn Khổng , ngay từ xuất phát cũng chỉ tìm cách cứu đời thôi theo hai cách khác nhau . Bên này động hơn , phía kia tĩnh hơn , nên phương pháp tổ chức và điều hành xã hội khác nhau , cách thức nhìn nhận con người cũng khác nhau . Khổng người Phương Bắc lấy nhà Chu làm căn gốc để cải biến xã hội mà ông đề ra dựa trên nền tảng xã hội Bách Việt mà ông quan sát được . Lão Tử phương Nam đặt nền tảng suy nghĩ của ông dựa trên nền tảng con người là hạt nhân trung tâm của xã hội loài người . Ông chính là đại diện chân chính của học thuật Bách Việt Phương Nam vậy . Cho nên Nhân Chủ có nguồn gốc từ Phương Nam Bách Việt ; ngày nay , cũng chỉ người Phương Nam - nay là Việt Nam - mới đủ tư cách và niềm tin để đề cao Nhân Chủ mà thôi .

Nhưng vấn đề chính nằm ở chỗ , nhà cầm quyền Hán lợi dụng cả hai kết hợp với Phật Giáo trong thể thống nhất là kết hợp Tam Giáo như một phương tiện thống nhất lòng dân toàn Á Châu dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Hán về văn hóa . Ta không coi đó là sự kết hợp Thần Quyền với thế Quyền như tại Trung Đông Hồi Giáo hay La Mã Công Giáo . Cho nên tại Á Châu không có vấn đề chiến tranh tôn giáo như tại Trung Đông với La Mã . Nhưng tại Á Châu vai trò của tôn giáo bị lu mờ , hòa nhập với đời sống người dân , thậm chí biến thành tập quán xã hội nên rất khó thay đổi từ bên trong , đồng thời cũng không tạo được hướng đi cho xã hội khi xã hội ấy không thể hình thành được lực đối kháng nội tại (dịch lý , hay biện chứng pháp) . Á Châu không thể tự mình thay đổi từ bên trong , sự thay đổi đến với Á Châu chủ yếu từ các trào lưu bên ngoài tác động .

Đất nước ta từ khi thu hồi độc lập thời Tiền Lê , cho đến nhà Nguyễn Gia Long đều được tổ chức theo cách thức của xã hội Tàu đã để lại trong thời thực dân Tàu đô hộ . Hầu như chúng ta cải biến rất ít cái trật tự cũ ấy , chỉ có tùy thời tôn giáo nọ được trọng hơn tôn giáo kia chút ít trong triều đình , nhưng trong dân gian hầu như chẳng thay đổi gì cả . Khả năng thống nhất lực lượng thành một nhà nước Trung Ương Tập Quyền , không thể thi hành được vì sự chống đối tối đa của hệ thống xã thôn đã tồn tại trước tất cả mọi triều vua trong lịch sử đất nước . Như thế xã hội ta vẫn là xã hội lấy thủ làm chính , không dám thực hiện thể công toàn diện trên khắp mặt trận ; nên tuy độc lập về chính trị , nhưng lại lệ thuộc về văn hóa . Độc lập như vậy không phải là độc lập trọn vẹn . Điều khác quan trọng không kém là ta vẫn coi người Hán Hoa Nam là Bách Việt , nhưng người Hán Hoa Nam có coi ta là cùng chủng với họ hay không lại là điều khác , khi họ thi hành chủ trương của Hán xâm lăng nước ta . Ta cứ lẫn lộn bạn với thù là vậy , nên chỉ quyết chiến khi bị đẩy vô đường cùng . Việc này được thể hiện rõ chỉ mới đây thôi khi Tôn Văn nói chuyện với Khuyển Dưỡng Nghị , là người Nhật Bản có ý bảo trợ cho các du học sinh tại Nhật vào đầu thế kỷ 19 là “ dân ấy bạc nhược lắm , Tàu có trách nhiệm cai trị họ “ . Tôn Văn là người Hoa Nam vào đầu thế kỷ trước còn nói như vậy thì trước đó nhiều thế kỷ người Hán Hoa Nam nghĩ sao . Tuy cùng dòng tộc , nhưng lịch sử đã khác nhau , sự phân biệt bạn với thù cũng cần phân minh trong cuộc chiến tối hậu này , sau đó trên căn bản mới sẽ xét lại sau .

5 – CÔNG CỤ ĐE DỌA TINH THẦN .

Việc chấp nhận Tam Giáo của các triều đại Hán là một truyện , việc xử dụng lá bài tôn giáo để cai trị nước Tàu có đa số dân là Bách Việt bị nhóm thiểu số Hán cai trị bên trên là việc khác . Hán biết mối hiểm nguy này , nên ngoài quân sự để đàn áp các cuộc nổi dậy của các nhóm thiểu số sảy ra thường xuyên (như nhóm người Choang gốc Bách Việt rất rõ nét không bị lai với Hán , hiện có dân số lên đến gần 30 triệu) . Hán còn tìm cách đe dọa tinh thần của tất cả các nhóm đó qua nhiều tác phẩm văn học có giá trị về mặt văn hóa , nhưng được lồng trong nhân vật trung tâm tuyệt đối mưu lược , hành động như thần , chiến thắng mọi thế lực khác . Tinh thần làm cha thiên hạ của Hán được hun đúc từ đây , sự đe dọa các nhóm thiểu số cũng xuất phát từ đây mà các nhóm ấy không thể cự tuyệt , sẵn sàng tiếp nhận như chính của mình . Thế là Hán đã thành công trong việc tròng vào cổ các lân bang cũng như các nhóm thiểu số một thứ vòng kim cô rồi , muốn gỡ ra đâu dễ vì các niềm tin ấy nay trở thành tập quán , hơi thở của các xã hội ấy rồi . Càng rành chữ Hán bao nhiêu , càng tỏ ra am hiểu văn minh Hán bao nhiêu , nếu không xác định đúng lập trường dân tộc càng dễ trở thành công cụ cho Hán mà lòng chẳng hay . Ta thường hành động không thống nhất giữa tư tưởng với hành động là vậy , khi quyết liệt chống lại Hán nhưng lại suy nghĩ như Hán .

Ta hãy lấy Thủy Hử mà luận , Đường Tăng là tiêu biểu cho cái tâm , Chư Bát Giới là biểu tượng của dục . Tôn Ngộ Không là biểu thị của trí . Triết lý nêu ra trong truyện này là trí tuyệt luân như Ngộ Không cũng không vượt qua được Đường Tăng , nhất là Phật Bà Quan Âm . Một ý khác là “ cái tâm của Đường Tam Tạng thắng tất cả mọi yêu quái “ đối với Hán thế là đủ . Ta lại lấy Tam Quốc Chí mà nói về nhân vật đầy huyền thoại là Khổng Minh , không rõ là cháu bao nhiêu đời của Khổng Tử , là đại quân sư cho Lưu Bị là một trong ba phái tranh dành quyền lực thời Tam Quốc (213-280) là : Ngụy phía bắc ,

Thục phía Tây nay là Tứ Xuyên , Ngô phía duyên hải . Nhân vật Khổng Minh có khả năng hô phong hoán vũ . Khổng Minh trở thành một biểu tượng đe dọa các nhóm thiểu số hoặc các lân bang . Ngay cả truyện Chương của Kim Dung mà rất nhiều người Việt đều đã đọc , cũng biểu hiện cách suy nghĩ mà Hán đã gieo vào lòng Bách Việt Hoa Nam vậy , ông Kim Dung chính là sự nối tiếp rất đúng truyền thống Hán vậy .

Như vậy , khi đánh giá về lịch sử Hán chỉ dựa vào khía cạnh văn hóa thông thường để đi đến kết luận mà quên đi khía cạnh an ninh quốc gia thì đánh giá như vậy dễ đi đến các sai lầm nghiêm trọng , nhiều khi làm hại đến quyền lợi sinh tử của quốc gia . Cho nên xin đừng vội hãnh diện về sự hiểu biết về Hán , nếu sự hiểu biết như vậy không đặt căn bản trên tinh thần dân tộc vững trãi thì sự hiểu biết một chiều như vậy rất nguy hiểm cho tương lai đất nước . Chúng ta , dân tộc Việt , nếu muốn khôi phục lại độc lập thật sự cho đất nước , chấm dứt vĩnh viễn hàng ngàn năm bị Hán đô hộ về chính trị cũng như văn hóa , cần hình thành hẳn một quan niệm mới về Hán cũng như về tập quán của dân tộc mình . Như vậy ta cần đặt ra hẳn một quan niệm mới trong cách đánh giá về lịch sử Việt Hán . Cách đánh giá mới phải đặt trên nền tảng an ninh quốc gia , để viết lại sách sử hoàn toàn mới cho dân tộc .

Muốn đập tan ách thống trị của Bắc Phương , việc đầu tiên và trên hết phải là tìm hiểu ngọn nguồn về cái ách do Hán quàng vào cổ dân tộc ta mà ta hoàn toàn không hay biết vì mang cái ách ấy đã quá lâu rồi ; mặt khác cần thấy giá trị của văn minh mà tổ tiên ta đã khai sáng , còn gìn giữ được theo những cách rất mờ ảo nhưng lại rất thật khi biết nhìn thấu suốt lịch sử dòng tộc trong mối quan hệ của các cộng đồng Bách Việt cũng như ảnh hưởng của Bách Việt đối với các văn minh sau ta . Từ đó ta sẽ khôi phục lại niềm tin nơi dòng tộc , biết cách chuyển hóa hợp với hướng đi của nhân loại hôm nay . Lịch sử tiến hóa của loài người , lịch sử văn minh nhân loại thực ra rất thống nhất , cần nhìn trên phạm vi rộng mới thấy được . Khi xưa ta cần hình thành thế giới quan , ngày nay ta cần hình thành vũ trụ quan sâu rộng mới thấy được đường đi của nhân loại và vị trí của ta trong đoàn lữ hành ấy .

6 - CHUYÊN DỊCH CỦA VĂN MINH KHỞI ĐẦU TỪ BÁCH VIỆT .

Đặt lại trật tự lịch sử đối với nước ta là một nhu cầu rất cấp bách hiện nay , duyệt lại trên căn bản an ninh quốc gia mới là một khía cạnh của vấn đề quan yếu này mà thôi ; vấn đề chính là ta cần hiểu văn minh chuyên dịch ra sao , nếu không ta lại rơi ngay vào tình trạng tự cô lập , không biết hướng đi . Trước đây nhà Nguyễn Gia Long nhất quyết cự tuyệt văn minh Phương Tây , mặc dù cũng có vài người Bồ Đào Nha làm quan trong Triều Đình nhà Nguyễn , như vậy nhà Nguyễn đâu phải không biết về phương Tây cùng thế mạnh của họ . Việc truyền giáo là một vấn đề liên quan đến niềm tin của dân tộc , cũng là vấn đề an ninh của đất nước . Chống Đạo Thiên Chúa là việc được nhiều quốc gia trong vùng noi theo , như Nhật Bản chẳng hạn . Cái khác là Nhật Bản coi việc học kỹ thuật của Phương Tây là một sách lược của quốc gia họ . Họ sẵn sàng chấp nhận đổi mới khi thấy bị yếu thế , họ còn có cái may khác là Phương Tây muốn xây dựng Nhật Bản để cản cả Nga lẫn Tàu bành trướng ra Thái Bình Dương (điều sau này ít ai thấy) . Điều kiện của nước ta lúc ấy khác nhiều với Nhật Bản , xã hội ta chưa bước sang hình thức xã hội

biết buôn bán quốc tế (phương Tây gọi là Trọng Thương) , vẫn là xã hội nông nghiệp thủ cựu hơn bất cứ xã hội Á Châu nào khác .

Ảnh hưởng của nhóm Minh Hương cũng là vấn đề nan giải vì nhóm này thực tế nắm việc buôn bán giữa ta với nước ngoài ; quyền lợi của nhà vua cùng các quan lại lệ thuộc vào nhóm này , chúng dùng tiền để mua chuộc quan lại mọi cấp ; chúng chẳng muốn đổi thay , đó là lẽ tự nhiên . Tham nhũng trên toàn vùng nơi người Tàu chi phối về kinh tế xuất cũng phát từ đây . Những trí thức nước ta cần nắm vững tình hình này mới hiểu được , trong những năm tháng chiến tranh khùng khiếp ở Miền Nam (1954-1975) xã hội Miền Nam nói chung đã cố gắng thế nào để lật lại thể chi phối kinh tế của người Tàu tại nước ta . Đảng CS hiện nay , thực tế đang đóng góp công sức vào việc tạo dựng lại thể lực tàu trong nước ta , điều mà VNCH đã ra sức thực hiện nhiều chủ trương nhằm khôi phục lại chủ quyền kinh tế nước nhà .

Phần trên chỉ mới trình bày khái quát về lịch sử mối quan hệ giữa Ta với Hán , cách thức mà Hán nô dịch dân ta về văn hóa tư tưởng . Thực ra Hán chẳng tìm ra cái gì mới về mặt văn minh , ngoài việc dùng những khám phá sẵn có của Bách Việt để củng cố khái niệm Thiên Tử với Chư Hầu xuất phát từ đời Tây Chu , để tạo cho Bách Việt cảm tưởng rằng Khổng Học chính là Việt Học để Bách Việt không chống đối . Kế sách lấy của người làm của mình thực tế đã thành công để từng bước biến người Việt thành người Hán , ta cứ lầm lẫn giữa Hán với Việt là vậy . Đó là sự nhầm lẫn chết người , đến nay vẫn chưa sửa chữa được . Nhưng điều quan trọng hơn thế nữa chính là ta luôn coi Hán là thể lực không thể đánh bại , cái gì Hán cũng nhất . Tất cả những gì không xuất phát từ Hán đều là kẻ thù chống lại ta , mà quên rằng : “ chính văn minh Bách Việt đã ảnh hưởng đến mọi văn minh sau Bách Việt từ đông sang tây “ . Chính từ nhận định sai lệch này nên ta quyết không chịu học hỏi về văn minh khác trẻ hơn ta , dĩ nhiên cũng tiến bộ hơn ta ; như thể lịch sử thực của ta bị mất mát sâu rộng hơn hẳn so với những gì bị Hán chiếm đoạt , đó là phần liên quan đến lịch sử văn minh Bách Việt cùng các ảnh hưởng của Bách Việt đối với thế giới .

Văn minh này khởi đầu từ đâu ? đó là câu hỏi rất ít người đặt ra . Mọi người đều mặc nhiên nhìn nhận những gì mà Hán đã ghi lại từ khi có sử là thời kỳ Phục Hy (2852 BC ...) tương đương với đời Lộc Tục , Kinh Dương Vương theo sử Việt . Nhưng trước Phục Hy , Kinh Dương Vương là ai nữa , không ai biết . Nếu không có trước làm sao có sau để Phục Hy nhận là người khám phá ra Kinh Dịch . Xét cho cùng kỳ lý thì các khám phá thời cổ đều phải trải qua một quá trình chiêm nghiệm rất lâu dài của nhiều bậc bô lão trong nhiều cộng đồng khác nhau , đến khi xã hội đi đến giai đoạn kết hợp rộng lớn hơn , thì các khám phá như vậy cũng được tổng kết lại để hình thành một môn học , một học thuyết , được đặt cho một cái tên để gọi . Điều này được chứng nghiệm rõ ràng ngay thời cận đại khi Phương Tây tìm ra lý thuyết về nguyên tử , các Niels Bohn , Einstein ... đều tiếp nhận một trình độ khoa học ngang tầm , khám phá nọ bổ sung cho khám phá kia , cho đến khi thật chín mùi thì Einstein mới khám phá ra công thức lừng danh $E=MC^2$. Trường hợp của Phục Hy vào thời kỳ cách nay gần 5000 năm , thì những ngộ nhận lịch sử còn nặng nề hơn nữa . Vì vào thời đó , Hán chỉ mới mon men trong vùng cực bắc của Trung Nguyên ngày nay mà thôi , sau khi đã tốn rất nhiều công sức lưu lạc trên thảo nguyên Trung Á cũng như Siberia . Chứng cứ cụ thể nhất là đời Chu , tức là cách nay

3100 năm thì lãnh thổ nhà Chu cũng chỉ mới loanh quanh vùng nhỏ phía Bắc Hoàng Hà (không phải là toàn bộ vùng Bắc Hoàng Hà như sách sử Hán đã ghi , vì còn nhiều bộ tộc khác cùng chiếm cứ) .

Như vậy , thử hỏi một dân tộc du mục mới định cư , có thể là dân tộc đã phát kiến ra kỹ thuật nông nghiệp như sử Hán đã ghi là Thần Nông được Phục Hy truyền ngôi được hay không ? Rồi một dân tộc du mục như vậy có thể phát kiến ra Dịch Lý , Hà Đồ Lạc Thư được hay không ? Xin ghi nhớ , tất cả các khám phá ấy phải thống nhất từ lý thuyết đến chỗ dựng vào cuộc sống mới được . Nếu một xã hội chỉ một vài yếu tố căn bản không thống nhất trong chỗ dựng , thì xã hội ấy quyết không thể làm chủ của văn minh ấy được . Tính thống nhất này rất quan trọng để ta đánh giá các văn minh khác nhau , để tính các ảnh hưởng qua lại của các văn minh , từ đó ta có thể biết được đặc trưng của từng văn minh , cũng như cách thức mà văn minh ấy sẽ phản ứng trước khách quan . Như vậy Phục Hy , Thần Nông không thể là người Hán được , vì thời điểm ấy đánh dấu giai đoạn ta gọi là văn minh Việt Hán .

Đứng về phương diện nhân chủng , được sách sử phương Tây ghi lại chính thức thì , cách nay 15,000 năm chỉ xuất hiện hai trung tâm quần cư chính của người được coi là thủy tổ của văn minh này mà thôi , một tại Liujiang nay thuộc Quảng Đông bên Tàu , một tại Malta nay thuộc trung tâm của Siberia thuộc Nga . Các trung tâm quần cư khác như tại Châu Phi , tuy thủy tổ loài người xuất hiện ở đây cách nay gần 3 triệu năm , hoặc các nhóm khác sống rải rác tại các nơi khác cách nay trên dưới 50,000 năm là các nhóm nhỏ không đủ sức hình thành văn minh tiên khởi của nhân loại hôm nay được . Nhiều nhóm thực tế bị suy thoái tự nhiên vì không thể thích nghi được với điều kiện sinh sống khắc nghiệt trong lâu dài . Như vậy văn minh nông nghiệp đầu tiên xuất hiện tại Quảng Đông , là cái nôi của Bách Việt , khoảng 12, 000 năm trước là hoàn toàn chính xác . Vào thời điểm ấy , kéo dài cho đến thời kỳ cách nay khoảng trên 7,000 năm , nhóm Malta vẫn còn lưu lạc sống đời sống du mục săn bắt trên thảo nguyên thì làm sao nhóm này hình thành văn minh được . Nhóm Liujiang phát triển lên phía Bắc , phía tây đến Hy Mã Lạp Sơn , xuống biển đến các hải đảo lân cận là rất tự nhiên , việc di chuyển vào vùng châu thổ sông Hồng hay Thái Lan hiện nay chắc chắn không thể tiến hành sớm vì các trở ngại thiên nhiên do núi rừng Việt Bắc . Cho nên sau này ta mới thấy các dấu vết ngôn ngữ hàng hải Việt tộc rải rác từ Sumers đến Nam Mỹ cũng như các hải đảo Thái Bình Dương , dấu vết văn hóa Việt đến tận Madagasca là vậy (xin xem tác giả Vũ Hữu San , Hải Quân Trung Tá VNCH trong bài viết đã lâu của ông) , điều này càng minh chứng rõ ràng hơn nữa khi ta không chứng kiến việc hình thành văn minh Cửu Long trong thời cổ đại , văn hóa Óc Eo hay Đế Quốc Phù Nam hùng mạnh chỉ xuất hiện sau này mà thôi (khoảng 1500 năm trở lại đây) .

Sự phân biệt hai nhóm Nomads cùng xuất phát từ Malta dựa vào sự quan sát nhân chủng của người Mãn Châu , Mông Cổ , Nhật Bản , Hàn Quốc cũng như thổ dân Bắc Mỹ là những người có cùng nguồn gốc chủng tộc , ta gọi nhóm này là Nomads Phương Đông . Sự quan sát chủng tộc người Afghanistan , Pakistan , Iran , Trung Đông , Âu Châu nguyên thủy , cho thấy họ thuộc chủng tộc khác , ta gọi họ là Nomads Phương Tây có nguồn gốc Ariels nói tiếng Ấn Âu . Sự hiểu biết căn bản về chủng tộc như vậy sẽ cho ta các dữ kiện căn bản để xem xét về quá trình giao thoa của các chủng tộc xảy ra như thế

nào trong thời gian trên 10,000 năm qua , các trung tâm văn minh cũng được hình thành trong quá trình ấy .

Quá trình chuyển hóa này được thể hiện rõ khi ta quan sát người Tây Tạng (Tibetan) là người lai tạo giữa người nói tiếng Ấn Âu Ariels với người Nomads Phương Đông cùng người Bách Việt cổ mà thành . Người Ariels xuất phát từ Pamir chủ yếu di chuyển về hướng Tây để hình thành văn minh Lương Hà vào thời điểm cách nay khoảng 10,000 năm , một bộ phận nhỏ di chuyển lên hướng Bắc để kết hợp với người Nomads Phương Đông mà thành chủng tộc Trung Á ; một bộ phận nhỏ khác di chuyển xuống phía Nam dọc theo triền phía Đông của Hy Mã Lạp Sơn kết hợp với nhóm Bách Việt từ đồng bằng tràn lên mà thành người Tây Tạng , Butan hay Nepal là trước hết , sau đó mới kết hợp với nhóm Nomads Phương Đông , có thể cách nay khoảng 5000 năm . Việc thiên di của dòng Ariel xuống phía nam dọc theo triền phía Tây của Hy Mã Lạp Sơn , kết hợp với người gốc Châu Phi tràn vào Tiểu Lục Địa Ấn Độ xảy ra rất chậm so với cuộc thiên di của các nhóm Ariel khác nguyên thủy .

Điều này có thể phù hợp với sự kiện trăm con được truyền tụng bên ta . Khái niệm lên núi , xuống biển chỉ ghi dấu các cuộc thiên di ấy mà thôi , nhưng sự kiện này cũng có thể đánh dấu giai đoạn chuyển hóa chấp nhận cả Phụ Hệ lẫn Mẫu Hệ . Với hai quan niệm về gia đình của Bách Việt Cổ Đại , theo đó nông nghiệp theo mẫu hệ , chăn nuôi theo phụ hệ . Câu hỏi quan trọng nhất chính ở chỗ , sự tích trăm con phải chăng đánh dấu giai đoạn mâu thuẫn nghiêm trọng xảy ra giữa các dòng Bách Việt liên quan đến quan niệm căn bản về gia đình cũng như xã hội . Như vậy điều này cũng đánh dấu một giai đoạn khác của quá trình chuyển hóa của xã hội Bách Việt để hình thành các triều đại Lộc Tục , Kinh Dương Vương theo sử ta . Nếu đúng như vậy , khái niệm trăm con có thể đã xảy ra cách nay khoảng 6000 hoặc 7000 năm .

Như thế , khi người Bách Việt đã định canh định cư thì dân tộc Tây Tạng , Butan , Nepal chưa định hình được vì người Ariels vẫn còn di chuyển xuống phương Nam trong vùng có địa hình cực kỳ hiểm trở , nên thực tế ta không hề thấy hình thành được văn minh Tây Tạng cổ . Nếu không có văn minh Tây Tạng Cổ thì Tây Tạng không thể làm chủ của Thiên Tông được . Vì việc hình thành Thiên Tông hay Mật Tông còn đòi hỏi phải thấu triệt nhiều khám phá khác làm căn bản cho việc hiểu biết ngọn nguồn về tự nhiên , để từ căn bản đó con người mới cộng thông với vũ trụ được . Thiên Tông chính là tình trạng cộng thông với tự nhiên ở mức độ cao nhất để thấu triệt bản ngã của muôn loài . Bản ngã ấy được thể hiện bằng chữ KHÔNG , khi mọi SẮC GIỚI được hòa nhập làm một thể duy nhất . Sự quan sát tương mạo của người thuộc các chủng tộc ấy cho ta đi đến kết luận khá vững chắc như đã nêu trên . Như thế , khi so chiếu về lịch sử văn minh thì Tây Tạng hay Butan không thể làm chủ của văn minh Bách Việt cổ đại như Mật Tông hay Dịch Lý được .

Nhưng như lịch sử đã chỉ ra , các cuộc xâm lăng luôn khởi đầu từ Bắc xuống Nam , sau khi ổn định mới di chuyển theo hướng Đông-Tây . Văn minh nào chỉ di chuyển theo hướng Bắc Nam mà không tìm được lối di chuyển theo hướng chính là Đông-Tây thì văn minh đó sẽ bị suy tàn từ từ . Nếu phát triển theo mọi hướng thì văn minh ấy cũng không

trụ vững được , vì không thể tập trung sức mạnh vào hướng phát triển chính theo đà quay của địa cầu .

Nhận định này liên quan đến khoa văn minh học , tuy rất xa lạ với mọi người , nhưng hoàn toàn chính xác . Văn minh Bách Việt tỏa sáng quá sớm trên mọi hướng , nên văn minh Bách Việt Thái Cổ chỉ để lại các ảnh hưởng rất bàng bạc và mờ nhạt đối với mọi văn minh sau Bách Việt . Nếu nhìn bằng trí không thôi , không thể nhận biết được ; cần nhìn bằng cả cái tâm sáng mới thấy được các ảnh hưởng tiềm ẩn phía dưới . Dĩ nhiên văn minh sau Bách Việt càng gần gũi với Bách Việt bao nhiêu , thì đặc trưng liên hệ đến Bách Việt càng rõ nét hơn so với các nơi ở xa và xuất hiện mãi sau này . Nhận định này được chứng minh qua ngôn ngữ hàng hải Bách Việt đã ảnh hưởng sâu rộng đến văn minh Lưỡng Hà cổ đại , văn minh Nam Mỹ , hay văn minh Đông Nam Á Quần Đảo . Thí dụ cụ thể khác xác minh điều đó là chữ BU - tức là U theo lối nói người Miền Bắc cũ , mẹ hay má theo lối nói ngày nay - xuất hiện tại Thổ Nhĩ Kỳ cổ và vẫn tồn tại đến ngày nay .

Như thế , văn minh Bách Việt Cổ Đại tuy rất cao siêu và cũng rất khoa học so với các khám phá của văn minh Lưỡng Hà cũng như Phương Tây sau này , nhưng văn minh Bách Việt không thể đặt căn bản cho việc phát triển xã hội Bách Việt cổ đại thành Bách Việt Hiện Đại được , vì nội lực không thể tập trung vào một hướng phát triển duy nhất nên bị phân tán công sức .Việc này phải chờ cho văn minh đi hết một chu kỳ của văn minh địa cầu thì văn minh Bách Việt mới có cơ hội để chuyển đổi sang văn minh Bách Việt Hiện Đại được . Cụ Lý nói “ Rùa Ròng gọt dưa hoa thuần túy là vậy “ . Rùa chỉ văn minh vật chất , ròng ám chỉ văn minh tinh thần Bách Việt , tinh hoa Bách Việt cùng phương Tây kết hợp mới làm nên đại sự cho nhân loại được . Như thế , hòa giải hòa hợp không đơn thuần là chủ trương mang tính chính trị không thôi mà còn thể hiện đúng hướng đi về văn minh nữa .

7 - VĂN MINH ÁN ĐỘ .

Minh chứng nêu trên còn dựa vào quá trình hình thành văn minh Ấn Độ . Thực ra trong thời cổ đại , văn minh Ấn Độ không xuất hiện tại nước Ấn Độ hiện nay , mà xuất phát từ vùng hạ lưu sông Indus nay thuộc Pakistan . Chúng ta thường rất nhầm lẫn về văn minh Tiểu Lục Địa Ấn Hồi , chủ yếu vì lòng quá ngưỡng mộ Đức Phật cũng như Thiên Tông qua hình ảnh các đạo sỹ Ấn Độ , nên ta tự coi như văn minh Ấn Độ bao phủ toàn vùng Tiểu Lục Địa Ấn Độ . Thực ra ta cần phân biệt hai nguồn văn minh tại đây , văn minh tiên khởi xuất phát từ lưu vực sông Indus là Harappan và Mohenjo Daro vào thời điểm 2500 BC , họ đã phát hiện ra chữ viết , hai thành phố này có dân số khoảng 50,000 dân mỗi thành phố , họ xây dựng thành phố hiện đại có chợ búa , trung tâm thương mại , đường thoát nước, công viên . Văn minh này tự nhiên biến mất vào thời điểm 1500 BC , học giả phương Tây nói rằng , do làn sóng xâm lăng từ phía Bắc . Thực tế sự giải thích như vậy khó chấp nhận vì nếu bị xâm lăng thì các thành phố mới sẽ hình thành trên nền tảng cũ để thay thế bằng một đế chế mới . Nay tự nhiên họ biến mất thì câu hỏi là : họ di chuyển đi đâu ? kể đến là sự bỏ đi bất ngờ như vậy báo hiệu rằng họ bị một trận đại dịch khủng khiếp hủy diệt họ . Trong điều kiện y tế cách nay trên 3500 năm , con người chưa đủ hiểu biết để sống trong các thành phố đông dân cư như vậy . Sau này lịch sử Jerusalem , Âu Châu hay La Mã cũng đã trải qua các trận dịch kinh hồn như vậy , thí dụ

như Đê Chế Mông Cổ tan rã mau chóng vì bệnh dịch chuột (black death) xuất phát từ Bắc Trung Hoa năm 1330 CE , mau chóng lan truyền đến Âu Châu vào năm 1347 CE đã làm dân Âu Châu giảm sút gần 50% (khoảng trên 50 triệu người Âu Châu bị chết vì đại dịch này) , dịch bệnh chỉ chấm dứt tại Âu Châu vào năm 1352 .

Văn minh Harappan được thành lập bởi người Ariels gốc , khi tan rã , họ di chuyển vào Iran để sau đó hình thành đế chế Achaemenids lừng danh xứ Iran , lan đến vùng sông Hằng để từ đó mới khởi đầu văn minh Ấn Aryans vào thời điểm 1400 BC khi người gốc Aryans bắt đầu hình thành kinh Vedas vốn là nền tảng của Ấn Giáo sau này . Ấn Giáo mà ta quen gọi là Brahmins thực ra rất phức tạp dựa trên giai cấp tuyệt đối bảo vệ chủng tộc Ariels gốc ; khi Vedas phân xã hội Ấn làm bốn giai cấp không thể đổi thay là Brahmins tức là Giáo Sĩ , Kshatriyas tức là giới quân đội và công chức , Vaishyas tức là giới nông nghiệp thợ thuyền , và Shudras tức là giới tiện dân . Như thế văn minh sông Hằng cũng chỉ xuất hiện khoảng 1400 BC mà thôi , Đức Phật khi rao giảng Phật Giáo bằng sự quan sát khổ đau của kiếp nhân sinh thì Ngài dựa trên hai quan sát , thứ nhất là giai cấp của Ấn Giáo , kế đến là chiến tranh với kỹ thuật chế tạo vũ khí bằng thép .

Như vậy Đức Phật khi rao giảng Phật Pháp thực tế cũng chỉ trấn an giới tiện dân : “ hãy chịu đựng đừng vọng động , để sau này được phần thưởng là nhập Niết Bàn để khỏi bị đầu thai làm kiếp người “ . Dù tâm lòng từ bi của người , ta không thể quên khía cạnh chính trị của các lời rao giảng như vậy : “ tức là khuyên giới Tiện Dân hãy chấp nhận trật tự do Brahmin áp đặt “ . Việc này cùng thời còn được giáo chủ Mahavira đạo Jainism xuất hiện cùng thời với Đức Phật cổ sùý nữa .

Đức Phật đề ra Luân Hồi , Niết Bàn , Tái Sinh chủ yếu để tạo ra chỗ dựa tinh thần cho các giai cấp thấp luôn bị ngược đãi bởi giai cấp phía trên . Ngài nói cứ tụng niệm sống đạo hạnh sẽ bớt khổ đau sẽ được vào cõi Niết Bàn để khỏi bị đầu thai làm kiếp người , dĩ nhiên là kiếp người Tiện Dân . Như thế , ngài đề ra tôn giáo để cứu khổ cho người Ấn bị áp bức , mặc dù ngài thuộc giai cấp áp bức theo Ấn Giáo . Phật Giáo không thể phát triển tại Ấn Độ được vì bị giới tăng sỹ Ấn Giáo quyết liệt chống đối ; trừ thời gian triều đại Mauryan , khi vua Ashoka quy y theo Phật sau khi ông đã tàn sát khoảng 100,000 người Kalinga vào năm 260 BC . Lịch sử Ấn Độ Sông Hằng rất phát triển trong triều đại Chandragupta Maurya là vị vua khởi đầu vào năm 315 BC đến năm 185 BC . Khi triều đình ở trung ương sau vua Ashoka đã chi tiêu quá nhiều cho phúc lợi xã hội theo lời Phật dạy , nên không đủ phương tiện để giữ yên lãnh thổ ; cuối cùng nước Ấn sông Hằng rơi vào tay các sứ quân cát cứ từng vùng khác nhau , thời điểm này cũng trùng hợp với thời Tam Quốc bên Tàu .

Mãi sau này khi chế độ Mughals , tức là Hồi Giáo tại Nam Á (hơi khác với Sultan theo phái Suny , hoặc Caliphates theo phái Shia tại Trung Đông vì Mughals là vua thực tế cai trị đế quốc theo Hồi Giáo , nên vẫn tồn tại kiểu lăng tẩm như tại Taj Mahal bên Ấn Độ chẳng hạn ; khác với Shia hay Sunni , không thờ một ai , một hình tượng nào cả) . Đế chế Mughals rất hùng mạnh vào thời kỳ 1500 đến giữa 1700 cai trị một vùng rất rộng lớn từ Afghanistan , Pakistan , đến Bangladesh cũng như trên toàn bán đảo Ấn Độ . Đế chế này được thành lập bởi Babur có nguồn gốc Trung Á xuất phát từ người Turk Tamerlane với người Mông Cổ Thành Cát Tư Hãn . Vùng Ấn Độ nói chung quyền rũ người Trung Á

cũng như người Turk vì ngọc trai với kim cương , nên vùng này bị Hồi Giáo cai trị từ năm 1200 , khi Mông Cổ suy tàn thì Babur nổi lên chi phối tình hình trong vùng . Cháu ông là Akbar (1556-1605) nổi danh là Hoàng Đế thông thái , thư viện của ông có 24,000 tác phẩm gồm đủ loại . Ông quy tụ nhân tài khắp nơi về triều đình , dung nạp mọi tôn giáo cùng thảo luận việc nước như : Jains , Parsis , Sufis , Muslim , Jews , Christians . Con ông là Jahangir (1605-1628) còn đem cả kho báu từ Âu Châu cũng như Trung Hoa vào triều đình của ông . Sau này vì tranh chấp tôn giáo , đế quốc Mughals suy yếu khi bị Iran xâm lăng từ phía Bắc , sứ quân nổi lên đến khi Âu Châu xâm lăng vào giữa những năm 1700 .

Do vậy khi quan sát lịch sử Ấn Độ , ta cần phân biệt văn minh sông Indus với văn minh sông Hằng , giữa ba thời kỳ cực thịnh đầu tiên là Harrappan trên phụ lưu sông Indus bị biến mất vào 1500 BC , kế đến là Mauryans , rồi đến Mughals cao đó là thời kỳ bị Anh Quốc đô hộ toàn vùng khoảng giữa 1700 .

Một lần nữa , ta lại chứng kiến , văn minh chuyển từ Bắc xuống Nam , cũng giống như Hán với Bách Việt , dù trải qua nhiều thời kỳ huy hoàng , cuối cùng vẫn bị bẻ tắt toàn diện không thể phát triển đúng hướng . Phải chăng điều trình bày trên nói lên một khía cạnh rất căn bản của khoa Địa Lý Chính Trị (Geopolitic) . Như thế hướng quan trọng nhất mà ta cần quan tâm suy nghĩ là việc hình thành văn minh Sumers Lưỡng Hà .

8 - VĂN MINH SUMER .

Người Hy Lạp khi quan sát văn minh Sumer đã gọi văn minh này là Mesopotamia , có nghĩa là văn minh giữa hai dòng sông Tigris và Euphrates là hai sông chảy giữa nước Irak ngày nay . Văn minh này khởi đầu vào thời điểm 3000 BC khi quốc gia thành phố đầu tiên được thành lập trong vùng là Nipur , nhiều quốc gia thành phố khác trong vùng cũng được thành lập cùng thời , để kết hợp lại thành một Liên Minh để hình thành văn minh gọi chung văn minh Sumer . Nhiều cuộc thiên di từ phía đông qua vãn đở vào vùng này , như người Phoenicians định cư tại vùng đất Syria hiện nay , người Hittites đến định cư vùng Anatolia nay thuộc Bắc Irak . Khái niệm về lãnh thổ nói đến trong giai đoạn này rất mù mờ . Đến năm 2660 BC thì đế quốc Ai Cập thứ ba được ghi nhận . Như thế Đế Quốc Pharaoh tiên khởi với Sumer nói chung được thành lập song hành với nhau , nếu cách biệt thì không quá ba thế kỷ . Vấn đề là các bộ tộc đến định cư tại Lưỡng Hà cũng như Ai Cập đến từ đâu ? Từ Châu Phi tràn lên như tại Ai Cập chỉ mới là một phần của cuộc thiên di này mà thôi . Dựa vào những gì mà sử gia Phương Tây ghi nhận và được nói tới nhiều trong hệ thống truyền hình History , thì các nhóm thiên di này đều xuất phát từ vùng phía Tây của miền Bắc Hy Mã Lạp Sơn ngày nay , tức là vùng Pamir như Cự Lý Đông A nói tới cách nay trên 60 năm .

Nhưng lịch sử chỉ chánh thức ghi nhận hai trung tâm quần cư tiên khởi tạo nên văn minh này là tại Liujiang và Malta mà thôi . Như vậy khái niệm về khởi điểm của dòng Ariel tại Pamir xem ra chỉ đánh dấu giai đoạn sau của thời kỳ cách nay 15,000 năm . Khi Hitler cầm quyền tại Đức đã cử một đoàn nghiên cứu đến tận đỉnh của Hy Mã Lạp Sơn như Butan , Nepal hay Tibetan để tìm hiểu về nguồn gốc của dòng Ariel , nhưng đã thất bại . Tìm câu trả lời cho vấn nạn lịch sử này thực không dễ . Với dòng Bách Việt tại Liujiang

không có vấn đề gì vì việc định canh định cư đã được xác định cụ thể rõ ràng . Vấn đề là đối với nhóm xuất phát từ Malta tại Siberia thuộc Nga hiện nay . Chắc hẳn là nhóm này không thể thuộc cùng một chủng tộc , mà là hai nhóm chính , ta tạm gọi họ là Nomads Phương Đông với Nomads Phương Tây . Khái niệm về Nomad , theo khoa lịch sử để chỉ những bộ tộc sống du mục . Nhóm Nomad Phương Đông đi vào Trung Nguyên như lịch sử đã xính xác như vậy , một phần khác di chuyển về hướng Tây trên thảo nguyên để hình thành vùng Trung Á , một bộ phận khác di chuyển băng qua eo biển Bering để vào Bắc Mỹ để hình thành thổ dân Châu Mỹ .

Nhóm Nomads phía Tây , chủ yếu là người Ariels từ Malta thuộc Siberia di chuyển về hướng Tây để hình thành vùng Lương Hà , một bộ phận nhỏ di chuyển xuống phía Nam theo hai triền của Hy Mã Lạp Sơn để kết hợp với Bách Việt thành Nepal , Butan , Tibetan . Nhóm di chuyển dọc theo sông hằng thực ra chủ yếu có nguồn gốc từ nhóm Ariels Harappan tự nhiên biến mất vào thời kỳ 1500 BC từ châu thổ sông Indus mà thành . Tại đây họ kết hợp với người có nguồn gốc Châu Phi đã đến đó định cư sớm hơn nhóm Ariel này rất lâu . Nhưng như vùng Bangladesh chẳng hạn còn kết hợp với nhóm Bách Việt tràn qua theo ngã Miến Điện . Việc này cứ quan sát người Ấn phía Đông Nam với người Ấn phía Tây ta thấy ngay sự khác biệt . Cho nên các chủng tộc trên thế giới này đều là các chủng tộc lai nhiều sắc dân , văn hóa cũng như văn minh như thế đã là sự tổng hợp qua quá trình lai tạo này rồi . Khi quan sát chủng tộc , ta lấy chủng tộc gốc để so chiếu . Có bốn gốc : Bách Việt , Nomads Phương Đông và Nomads Phương Tây tức là Ariels , cùng gốc Châu Phi nói chung . Người Afghanistans , Pakistans , Ấn phía Bắc nếu thuần chủng đều có gốc từ nhóm Ariels cả .

Người Lương Hà , người Phoenicians , người Do Thái , người Iran thuần chủng đều có gốc từ Ariels . Quá trình thiên di đầu tiên và cũng quan trọng nhất đi vào Trung Đông để hình thành văn minh Sumer Lương Hà cũng như Ai Cập , các bộ tộc khác nhau cùng xuất hiện trong giai đoạn này không quá quan trọng , tất cả chỉ là các đợt thiên di trước hay sau mà thôi . Vào thời điểm năm 8000 BC thì vùng Jericho nay thuộc Do Thái đã là thành phố lớn , năm 7250 BC được ghi nhận dân số bộ tộc Catal Huyuk thuộc vùng Anatolia phía Bắc Irak ngày nay (Turkey) có dân số 6,000 người , như thế tổng số người Ariels đến định cư trên toàn vùng Trung Đông có thể đạt đến con số trên trăm ngàn (ước lượng này chỉ có tính cách biểu kiến , không chính xác , tài liệu chính xác theo sử gia Mỹ là 100,000 người) , đến năm 3200 BC thì văn minh Sumer đầu tiên hình thành , năm 3100 BC người Menes mới bắt đầu hợp nhất trên vùng trũng và cao của Ai Cập . Năm 6500 BC thì người Ugarit đến định cư tại Syria ngày nay , khoảng thời gian 8000 BC đến 7700BC thì lúa miến và lúa mì được trồng trong vùng đất màu mỡ , canh tác nông nghiệp bắt đầu năm 5000 BC , thuần hóa gia súc trong vùng bắt đầu vào giai đoạn này . Năm 3760 BC thì lịch của người Do Thái bắt đầu đếm năm , 3500 BC thì hình thức chữ viết cuneiform bắt đầu được hình thành bởi văn minh Sumer , chữ viết sơ khai chỉ xuất hiện tại Ai Cập , chữ Hieroglyphic , vào thời kỳ 3100 BC .

Những ghi nhận vừa nêu cho ta nhận định gì về văn minh Trung Đông cổ đại ? Trước tiên , cần tính toán vận tốc thiên di của con người trong quá trình đi tìm sự sống , chủ yếu bằng săn bắt và hái lượm . Quá trình này được thực hiện bởi nhiều đợt thiên di khác nhau , kẻ trước người sau . Nhóm đến sau học được kinh nghiệm của nhóm đi trước còn sót lại

trên bước đường thiên di của mình , nên luôn luôn tiến bộ hơn các nhóm đi trước . Như thế văn minh được hình thành bằng vào nỗ lực của con người trong việc tìm sự sống , trong việc giao tiếp giữa người với người cũng như với tự nhiên . Vận tốc di chuyển trong buổi ban sơ đó thường rất chậm chạp , vì các công xã nguyên thủy ấy di chuyển đến nơi cư ngụ mới khi nơi đất đai tại nơi cũ hết màu mỡ , hoặc vì sự săn bắt hái lượm tại vùng đất cũ không đủ sức để nuôi sống cộng đồng ngày càng mở rộng hơn . Khi văn minh tiến bộ hơn lên thì vận tốc di chuyển của văn minh trở nên nhanh hơn , ngay cả khi chưa chắc đã gây ra các làn sóng thiên di mới đến vùng đất mới .

Theo ghi nhận thì khoảng thời điểm 14,000 năm trước , con người từ Trung Á mới bắt đầu di chuyển đến vùng Lưỡng Hà với con số rất nhỏ . Các đợt thiên di sau đó từ từ tăng lên cho đến thời điểm 8000 BC thì dân số toàn vùng lên đến con số ước lượng khoảng 100,000 . Con người khi còn sống đời sống du mục thì văn minh dễ biến đổi vì họ luôn phải tiếp nhận tình thế mới với các giao tiếp mới , thường thông qua chiến tranh để tạo dựng các quy luật hành xử được các cộng đồng thỏa thuận . Như vậy , đời sống du mục hay văn minh du mục cũng không phải là tồi , vì nó dễ tạo ra cơ hội cho tiến bộ ; mặc dù nó cũng làm cho sắc dân du mục hiếu chiến hơn , luôn chủ trương chiếm đoạt xâm lăng .

Việc khám phá ra hai trung tâm quần cư chính tại Malta , Siberia cùng với Liujiang Quảng Đông đã hình thành vào thời điểm 15000 BC , thực ra chỉ mới nói lên thời điểm mà hai trung tâm ấy để lại các di chỉ đánh dấu giai đoạn các cư dân tại hai trung tâm ấy bắt đầu biết ghi lại các dấu ấn về văn minh của mình mà thôi , thực tế ta cần hiểu rằng hai trung tâm quần cư ấy đã thực tế hình thành trước đó rất lâu rồi . Người Liujiang sống trong vùng đất phì nhiêu , đủ nước cũng như núi rừng để săn bắt hái lượm ; nên khi tìm ra cây lúa hay các cây lương thực khác , họ sớm biết canh tác nên sớm biết định canh định cư để trên căn bản đó xã hội nông nghiệp hình thành . Sớm định canh định cư làm cho điều kiện sinh sống được cải thiện ; họ có của ăn của để , nên có thời giờ quan sát tự nhiên để xử dụng trong việc gieo hạt , canh tác . Các khái niệm về Tam Tài Thiên-Địa-Nhân , Âm-Dương , Ngũ Hành , tìm ra đồng sau được cải tiến khi pha với 10% thiếc làm cho họ kim đồng pha thiếc trở nên cứng hơn so với đồng nguyên chất , đều được hình thành trong điều kiện ấy .

Như thế văn minh Liujiang (Bách Việt tiên khởi) là văn minh đồ đồng . Sau này ta cũng lại thấy thép được khám phá tại Trung Nguyên khoảng thời điểm trước năm 1000 BC khá lâu ; thời điểm tìm ra thép được các sử gia phương Tây nói tới như ghi trên cũng đáng nghi ngờ , qua sự kiện Thánh Dóng trong lịch sử Bách Việt . Cũng như vào thời điểm trước thời Hoàng Đế bên Tàu thì lãnh địa của Hán vẫn còn rất nhỏ hẹp ở vùng sát Mãn Châu Mông Cổ ngày nay mà thôi , trong khi kỹ thuật luyện đồng của Bách Việt đã đạt đến trình độ rất cao trước đó rất lâu rồi . Đồ sành đồ sứ được sản xuất tinh xảo , nông nghiệp phát triển có thặng dư để nuôi dân , hiểu biết về tự nhiên đạt trình độ rất cao so với du mục , kỹ thuật luyện đồng cao cấp là những hấp lực khiến Hán quyết đi vào Trung Nguyên để thâm tóm được các hiểu biết đó .

Trong khi Nomad phương Đông quyết đi vào Trung Nguyên vào thời điểm cách nay khoảng 10,000 năm , chính là lúc Nomad Phương Tây đi vào Lưỡng Hà trên quy mô lớn để hình thành văn minh Sumer cũng như Ai Cập . Như thế kỹ thuật luyện đồng pha thiếc ,

luyện thép cùng các khám phá của Bách Việt Thái Cổ đều theo con đường thiên di của người Nomad nói chung để chuyển đến Lương Hà . Các văn minh sau Bách Việt đều chịu ảnh hưởng của Bách Việt là vậy . Ngày nay , ta quan sát cái ngọn của văn minh (mà thực ra phương Tây rất tránh nói đến cái gốc vì chỉ còn lại những bằng chứng rất mù mờ , không đủ yếu tố để kết luận) , không đủ can đảm để bàn về cái gốc của văn minh . Nên chỉ thấy mâu thuẫn do lịch sử sau này để lại với nhiều đấng cay , rồi đi đến chống đối . Đó là nhận định rất sai về khoa học văn minh nhân loại . Tìm về đúng cái gốc , ta thấy văn minh này rất thống nhất từ trước đến sau , mỗi giai đoạn đánh dấu một văn minh cùng người chủ của văn minh ấy .

Quá trình chuyển dịch của văn minh luôn theo hướng Đông - Tây , vì văn minh sơ khởi được hình thành qua quá trình giao tiếp giữa những “BỘ NHÂN” (tức là thời kỳ đi bộ) trên thảo nguyên trải dài từ Bách Việt đến Âu Châu . Văn minh cổ chuyển dịch theo hướng Bắc Nam , luôn đi vào bế tắc . Việc này được chứng nghiệm rất cụ thể tại Châu Mỹ , những cư dân đến đó thuộc nhóm người Malta , sau đó nhóm Liujiang mới vượt Thái Bình Dương đến Nam Mỹ để hình thành văn minh Nam Mỹ (MesoAmerica) là Olmecs . Olmecs là thủy tổ của mọi văn minh Nam Mỹ khác sau này .

Tại Hoa Lục , khi Hán xâm lăng Bách Việt thì văn minh Liujiang rất tiến bộ cũng suy tàn theo khi Hán đi vào Trung Nguyên ; Hán làm chủ đường dây buôn bán tơ lụa hay đồ sứ Giang Tây cực kỳ tinh xảo ; tất cả đều là các sản phẩm do Bách Việt sản xuất , nhưng Bách Việt không nắm được đường dây phân phối (khi đó chưa có giao thông đường thủy) nên bên ngoài chỉ biết có China duy nhất là vậy ; tình hình này càng thúc đẩy Hán quyết diệt Bách Việt trong mấy ngàn năm qua là thế . Tại Hoa Lục không có các làn sóng xâm lăng từ Bắc xuống Nam thường xuyên như tại Ấn Độ .

Ấn Độ càng chứng minh nhận định trên , làn sóng xâm lăng luôn từ Bắc xuống Nam cũng không làm cho Tiểu Lục Địa Ấn Hồi phát triển được , chính yếu vì bế tắc bởi biển cả , không hướng phát triển qua giao tiếp để trẻ hóa đủ tạo sung lực cho cải cách trên quy mô rộng .

Ai Cập lai là một điển hình khác . Người Menes hình thành văn minh Ai Cập cổ đại là người nào ? gốc Ariels hay Châu Phi ? Tiên khởi chắc chắn họ là người gốc Ariels di chuyển dọc theo bờ Địa Trung Hải đến đó định cư cùng thời với người định cư tại Jericho , người Ugarit tại Syria , người Catal Huyuk tại Anatolia (bắc Thổ Nhĩ Kỳ hiện nay) . Tại đó họ lai tạo chủ yếu với người Nubians ở thượng nguồn sông Nil mà thành . Văn minh đó cũng di chuyển từ Bắc xuống Nam , sau này người Phoenician (tức Liban ngày nay) mở rộng thêm khi xây dựng quốc gia thành phố Carthage (tồn tại tại eo biển Tunisia ngày nay) để tạo sự lai giống giữa người có nguồn gốc Ariels với người Châu Phi . Nên cư dân vùng duyên hải Bắc Phi có nước da sáng hơn với phần còn lại của Châu Phi . Ngay trong điều kiện thuận lợi như vậy nhờ cả lục địa Châu Phi phía Nam , văn minh Ai Cập cuối cùng cũng bị suy tàn , rồi bị người Persia dưới thời đế chế Achaemenid xâm lăng vào thế kỷ 6 BC , khởi đầu cho giai đoạn tan rã của văn minh Ai Cập .

Mấy điều minh chứng nêu trên cho thấy văn minh di chuyển từ Bắc xuống Nam trong thời cổ đại , trước khi văn minh hàng hải hình thành , đều đi vào bế tắc . Trong khi đó hướng tiến tới của văn minh chính yếu của nhân loại vẫn di chuyển theo hướng Đông-Tây từ Lương Hà đến Hy Lạp , La Mã , đến lục địa Âu Châu rồi đến Anh Quốc , đánh dấu giai đoạn dài trong quá trình phát triển của văn minh trên bộ để chuyển sang văn

minh hàng hải . Văn minh hàng hải mở ra trang sử mới cho nhân loại khi nạn buôn bán nô lệ cùng với chủ nghĩa thực dân Âu Châu đã đánh dấu thời kỳ đầy tang tóc cho loài người , cũng như đầy nghi kỵ đối với thế giới hôm nay .

Khi quan sát lịch sử văn minh Trung Đông tiên khởi được định hình bởi văn minh Sumer . Điều mà lịch sử gọi là Sumer , theo ngôn ngữ Hy Lạp gọi là văn minh giữa hai dòng sông Tigris và Euphrates tại Irak hiện nay không nói rõ vùng nào của nước Irak hiện đại , khi nhiều quốc gia thành phố cùng tồn tại song hành . Vào khoảng năm 3000 BC thì người Sumer đã hình thành kiểu dáng xã hội phức tạp với trung tâm dân cư bao xung quanh đền thờ của họ , cùng thời gian này người Ai Cập tìm ra giấy papyrus ; con số được ghi nhận bằng các nút thắt abacus , đồ đồng xuất hiện trong vùng Trung Đông cũng vào thời kỳ năm 3000 BC . Năm 2700 BC thì văn minh Sumer bắt đầu tìm ra niên lịch gồm 354 ngày giống như âm lịch của ta . Chiến binh hạt Ur nay thuộc Irak , là quê hương của ông Abraham thủ lãnh dân Do Thái , đã biết dùng khiên (mộc) . Vào thời điểm này thì người Semitic cũng gọi là người Akkadians định cư ở Kish cùng các thành phố phía bắc Sumer , phía nam là người Sumerians , phía bắc Lưỡng Hà là người Hurrians , phía tây nam Iran là người Elamites . Cũng năm 3000 BC thì người Hittites bắt đầu di cư vào vùng Anatolia (Irak) . Năm 2700 BC thì Emmebaragisi xứ Kish thuộc Bắc Sumer xâm lăng người Elamites thuộc tây nam Iran ngày nay . Thời điểm khoảng 2660 BC thì Pharaoh Sanakht bắt đầu đế chế Ai Cập cổ triều đại thứ ba , 2625 thì vua Pharaoh Sneferu bắt đầu xây dựng ba kim tự tháp lớn cùng hai cái nhỏ hơn , năm 2550 BC thì con của Sneferu là Khufu xây kim tự tháp cao 481 feet tại Giza .

Câu hỏi là , tại sao văn minh Sumer cũng như Ai Cập lại xây dựng những công trình lớn như vậy ? (Các khám phá mới nhất cho thấy , mới xuất hiện trên truyền thông cách nay mấy ngày , các kim tự tháp được xây dựng bởi các thợ tự do chứ không phải bằng nô lệ). Điều này chỉ có thể chứng minh được về phương diện tâm lý mà thôi . Theo đó sau gần 5000 năm du mục từ Pamir đến vùng đất định cư mới , biết được giá trị của đời sống định canh định cư , thu thập được nhiều kiến thức nên nay muốn ghi lại cho các thế hệ mai sau đồng thời cũng thể hiện mộng ước muốn được tái sinh để hưởng các thành quả vĩ đại ấy . Các công trình lớn như vậy không hề xuất hiện trong văn minh Bách Việt , vì Bách Việt đã định canh định cư từ rất sớm so với tất cả các chủng tộc cũng như văn minh khác . Hán di chuyển ngắn hơn so với Ariels nên ít bị hy sinh hơn , mặt khác Hán bị ảnh hưởng của Bách Việt , nên Hán không xây dựng các cung điện hay đền đài kiểu Ai Cập hay Sumer . Sau này Hán xây trường thành là để ngăn chặn các đợt thiên di sau của người Trung Á vào lãnh thổ Trung Nguyên .

Dù định cư tại Lưỡng Hà hay Ai Cập , nhưng toàn vùng Lưỡng Hà vẫn không thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp đủ sức nuôi dân , nông nghiệp Lưỡng Hà vẫn là nông nghiệp cây trồng lâu ngày chứ không phải lúa nước như Hoa Nam ; trước các đợt thiên di liên tục đổ vào vùng này , nên chiến tranh xảy ra liên miên giữa các bộ tộc đến định cư trước với các nhóm đến sau . Như thời điểm 2500 BC thì người Semitic Canaanite đến định cư tại vùng Palestine ngày nay (trước ông Abraham 400 năm) , năm 2334 BC -2279 BC thì vua Sargon người Akkad xâm lăng Sumer , Syria và Elam (tây nam Iran) để hình thành đế chế đầu tiên trong vùng . Đế chế Akkadian bị tan rã vào năm 2193 BC để sau đó hình thành đế chế Sumer Ur-Nammu trung tâm đặt tại Ur vào năm 2112 BC . Ông

Abraham dẫn dân Do Thái rời hạt Ur vào năm 2100 BC . Đến năm 2180 BC thì đế chế Ai Cập Cổ tan rã để sau đó hình thành đế chế Ai Cập Trung Cổ vào năm 2080 BC . Vào thời kỳ 2500 BC thì vua Sumer bắt đầu xây dựng mộ phần của nhà vua , năm 2090 thì vua Shulki hạt Ur bắt đầu ban hành luật , người Akkadian còn sót lại bắt đầu dùng thuyền để xâm lăng các đảo trong vịnh Ba Tư vào năm 2100 BC .

Năm 2000 BC thì Sumer bị xâm lăng bởi người Amorites phía tây và người Elamites từ phía đông , 1800 BC người Do Thái di cư vào Ai Cập bị cầm tù ở đây 5 thế kỷ trước khi ông Moses dẫn dân Do Thái trốn chạy khỏi Ai Cập bị xua đuổi bởi quân Ai Cập dưới thời Hoàng Đế Ai Cập Ramses II . Năm 1792-1750 BC thì Hamurabi tái thống nhất đế quốc Babylonian , nhưng đến năm 1595 BC thì người Hittites xâm lăng Babylon . Năm 1900 BC thì người Sumer phát minh ra chữ viết Cuneiform gồm 600 ký hiệu . Đế chế Assyrians hình thành tại vùng đất nay thuộc Thổ Nhĩ Kỳ vào thời điểm khoảng 2000 BC để từ năm 1900 BC – 1700 BC họ đã thiết lập được mạng lưới buôn bán trên vùng Trung Đông .

Chiến tranh tại vùng Trung Đông quả thực ác liệt , xảy ra liên tục trên mảnh đất hẹp này suốt nhiều ngàn năm , đến thời kỳ sau năm 1700 BC thì Trung Đông thực tế bị chi phối bởi ba thế lực chính là Assyrian ở phía Bắc , Hittites phía Lưỡng Hà , Ai Cập phía nam , các nhóm khác chỉ là phụ như nhóm Do Thái dẫn đạo bởi Moses về Canaan năm 1300 BC , nhóm Hy Lạp Mycenaean xâm lăng thành Troy vào năm 1290 BC được ghi lại trong tác phẩm lừng danh Iliad and Odysse . Người Minoan chiếm đảo Crete khoảng 2000 BC , biến thành trung tâm thương mại giàu có trong khi văn minh Mycenaean hình thành phía nam bán đảo Hy Lạp vào năm 1600 BC , cuộc tranh giành quyền làm chủ cửa ngõ ra vào biển Aegean đã dẫn đến chiến tranh giữa người Mycenaean Hy Lạp với người Crete . Như vậy cuộc tranh giành quyền buôn bán trên Địa Trung Hải nay gồm ba thế lực chính là : nhóm Mycenaean Hy Lạp , nhóm Phoenician nay Liban chiếm một vùng duyên hải Tunisia thành lập thành phố Carthage sau đó lan đến tận Tây ban Nha cùng vài vùng thuộc Tây Phi ngày nay , và nhóm Kyksos có nguồn gốc từ Nubian tại thượng nguồn sông Nil vào thời kỳ 1640 BC cai trị Ai Cập .

Cục diện tổng quát như vậy , tuy có thay đổi chút ít tùy lúc ; cho đến khi trật tự này bị thay đổi do các làn sóng thiên di xuất hiện sau thời kỳ 1500 BC khi văn minh Harappan tại châu thổ sông Indus bất ngờ biến mất vào năm 1500 BC . Chắc chắn là họ di chuyển vào Iran ngày nay để từng bước hình thành đế chế Achaemenid hùng mạnh vào thế kỷ 6 BC bởi Hoàng Đế Cyrus the great , vào thời kỳ từ 558 BC đến 529 BC ông này đã xâm lăng Media , Tiểu Á và Babylone , người Do Thái được phép quay trở lại Babylone . Cháu ông là Cambyses sau đó xâm lăng Ai Cập . Trước đó vào năm 700 BC đế chế Assyrian đã bị quân kỵ mã người Cimmerians và người Scythians từ phía bắc tràn ngập , vua Sargon II của Assyrian bị chết trong trận đánh này . Assyrian là đế chế tồn tại lâu đời tại vùng bắc Lưỡng Hà , vua Sargon II biết thiết lập hệ thống tình báo bằng cách huấn luyện người địa phương làm mật báo viên , vườn treo có hệ thống phun nước Nineveh được vua Assyrian thành lập năm 645 BC bởi vua Sennacherib , vua Assyrian đầu tiên được học chữ là Ashurbanipal (668-625 BC) . Babylone khôi phục được độc lập trong thời gian ngắn ngủi bởi vua Nebuchadrezzar II , khi ông đánh bại quân Assyria và Ai Cập tại Carchemish , đánh bại quân Phoenician vào năm 587 BC . Tình hình như vậy tạo điều

kiện đế Cyrus the Great đánh tan hai đế chế hùng mạnh và văn minh là Assyrian cũng như Ai Cập vào năm 558-529 BC .Cyrus the Great mở rộng biên cương lớn nhất so với thời ấy , cai trị toàn vùng Trung Đông cũng như Ai Cập , ông cho xây dựng đường giao thông dài 1600 dặm với 111 trạm giao liên , cũng là các trạm đổi ngựa , trạm tinh báo .

Trong khi đó La Mã bắt đầu củng cố sức mạnh song song với Hy Lạp trong vùng Địa Trung Hải . Tại Hy Lạp hình thành liên minh giữa Athen với Spartan ở phía nam bán đảo trong cuộc chiến với quân Iran dưới thời Hoàng Đế Xerxes là con của Darius I khi Xerxes đem 100,000 quân xâm lăng Athen . Athen lúc đó làm chủ việc buôn bán trong vùng bắc Địa trung Hải và là quốc gia rất văn minh và rất trí thức qua rất nhiều khám phá khoa học như toán , thiên văn , lịch sử nhân văn đã đặt nền tảng cho khoa học thế giới hiện nay .

Đến năm 338 BC vua Phillip II xứ Macedonia , sau hai thập niên chuẩn bị binh mã , chiếm Hy Lạp bắt đầu nhòm ngó xứ Persia . Khi Phillip II bị ám sát chết khi con là Alexander the Great mới 20 tuổi cầm quân thay cha cày nát Persia cũng như Ai Cập , kéo quân đánh đến tận sông Indus trước khi trở lại Iran sống như người Iran cho quân sỹ lấy vợ người Iran . Đế quốc do ông xây được chia cho ba tướng sau khi ông chết là Seleucid cai trị Persia , Ptolemaic cai trị Ai Cập , Antigonid cai trị Hy Lạp , Macedonia và các đảo kế cận . Đến năm 215 BC thì cuộc đụng độ đầu tiên giữa La Mã và Macedonia xảy ra , quân Macedonia dưới quyền vua Phillip V bằng hai mặt tấn công La Mã , năm 202 BC thì thế lực La Mã bắt đầu nổi lên , dưới quyền tướng Scipio Africanus Major , quân La Mã đánh bại quân Hannibal thuộc Carthage tại Zama thu hồi toàn hạm đội của Carthage , sức mạnh hải quân La Mã tăng mau chóng .Sức chống cự của Carthage còn kéo dài đến khi Hannibal là tướng Carthage xua quân có đàn voi Châu Phi xung trận đánh La Mã nhưng bị bại trận , sau đó bị đưa đi đày và tự sát tại Tiểu Á , đến năm 150 BC thì Carthage bị quân La Mã san bằng , đồng ruộng bị trải muối để không thể canh tác được nữa . Bắt đầu từ thời điểm này , nội bộ La Mã bắt đầu có vấn đề liên quan đến nô lệ , cách thức phân chia của cải nhưng chưa đến nổi nặng , nên La Mã vẫn tập trung lực lượng để đánh bại đế quốc Numidian lúc đó cai trị Ai Cập . Sau chiến thắng này sức mạnh của La Mã gia tăng mau chóng làm chủ toàn vùng Địa Trung Hải , sẵn sàng đối diện với đế chế Seleucid còn sót lại tại Iran , vào năm 83 BC thì vùng Tiểu Á như Syria , Palestine bị quân La Mã chiếm đóng . Đến năm 53 BC thì kỵ binh Persia thuộc đế chế Seleucid nay được gọi là Parthian ngăn chặn quân La Mã xâm nhập vào vùng Lưỡng Hà . Cùng lúc đó La Mã bắt đầu xâm lăng toàn lục địa Âu Châu kể cả Anh Quốc . Sau đó trật tự La Mã được hình thành bởi con của Julius Caesar là Gaius Julius Caesar Octavianus khi ông này đánh bại quân của Anthony và Cleopatra xứ Ai Cập vào năm 27 BC , giữ yên cho La Mã suốt 45 năm không có chống đối .

Sau khi đã diệt xong hai đế chế bên bờ Địa Trung Hải là Antigonid (bao gồm cả Hy Lạp) và Ai Cập , chiếm đóng Syria , đe dọa xâm lăng Parthian (Iran) , cai trị toàn Âu Châu , La Mã nay thành đế chế lớn nhất toàn cầu . Cuộc tranh chấp với Parthian nhằm giành quyền kiểm soát vùng Lưỡng Hà vẫn còn đó , nhưng cả hai phía đều thúc thủ , nên dẫn đến chỗ Parthian và Rome ký hòa ước năm 299 CE , theo đó quốc gia Sassanians được độc lập như quốc gia trái độn , có quân đội riêng cai trị vùng đất phía bắc tới dãy Caucasus và vùng Trung Á . Mặc dù trước đó vào năm 260 CE quân Sassanid dưới quyền Hoàng Đế

Shapur I đánh bại mấy đạo quân La Mã , bắt sống hoàng đế La Mã là Valerian ; sau đó quân La Mã phản công đánh bại quân của Shapur I , ông này sau đó phải chạy vào Iran . Trận chiến này thực tế là cuộc đụng độ giữa La Mã với Iran , để cuối cùng dẫn đến chỗ La Mã phải ký hòa ước với Iran là vậy . Đến năm 286 CE thì Hoàng Đế La Mã là Diocletian chia La Mã thành hai khu vực cai trị , ông đích thân cai trị La Mã phía đông , cử phó tướng của ông là Maximian như đồng hoàng đế cai trị phía tây , đóng trụ sở tại Milan .

Thế giới La Mã phía tây từ cuối thế kỷ thứ 4 CE bắt đầu lung lay khi người Vandals và nhóm người gốc Đức tấn công tỉnh Gaul của La Mã , sau đó người Visigoth , người Ostrogoth xuất xứ từ Bắc Âu , người Huns xuất phát từ bắc Caspian xâm lăng Âu Châu . Người Vandals còn chiếm Tây Ban Nha để từ đó tiến chiếm Carthage cùng nhiều đảo trong vùng nam Địa Trung Hải . Thời điểm này ghi nhận chiến tranh xảy ra trên khắp thế giới , tại Tàu thì người Nomads phía bắc xâm lăng sau khi nhà Hán tiêu vong , tại Afghanistan thì nhóm người Huns tràn từ phía bắc xâm lăng , sẵn sàng tiến chiếm Ấn Độ , đây cũng là thời điểm đế chế Chandrra Gupta tại Ấn Độ cũng có sức mạnh trên toàn Ấn Độ . Trong điều kiện đó La Mã phía đông thủ đô đặt tại Constantinople cai trị phía đông tương đối yên ổn , người Huns nay nhắm vào Âu Châu bỏ qua Trung Đông , nên suốt thời gian từ thế kỷ 4 đến thế kỷ 9 CE , chiến trường chính tại Âu Châu chứ không còn tại Trung Đông nữa . Trong điều kiện như vậy Hội Giáo hình thành tại bán đảo Ả Rập , tương đối xa đối với Constantinople nên La Mã Phương Đông không phát hiện ra mối đe dọa , cho đến khi Hội Giáo bành trướng khắp vùng Trung Cận Đông , Bắc và Đông Phi .

Các cuộc xâm lăng của người Vandals , người Huns nhắm vào Âu Châu đã từng bước làm tan rã đế chế La Mã Phía Tây khi người Goths chiếm Rome vào năm 410 . Quân La Mã phải bỏ Britain (lúc đó đảo Anh nói chung gồm nhiều tiểu quốc) để xâm lăng các nhóm Scots , Picts , Angles và Jutes . Trong khi người Huns dưới quyền lãnh đạo của Attila xâm lăng xứ Gaul , cuộc xâm lăng này chỉ chấm dứt khi Attila chết bất ngờ . Cuối cùng vào năm 476 sứ quân người Đức là Odoacer đã chiếm La Mã , lật đổ Hoàng Đế La Mã cuối cùng và tự xưng là vua .

Bắt đầu từ thời kỳ này đến năm 800 CE được lịch sử Âu Châu gọi là thời kỳ đen tối khi La Mã không có Hoàng Đế , cho đến năm 800 Giáo Hoàng Leo III tấn phong Charlemagne xứ Frank làm Hoàng Đế La Mã Công Giáo . Mặc dù La Mã bắt đầu có Hoàng Đế , nhưng Âu Châu vẫn không yên sau khi Charlemagne chết thì đế quốc được chia làm ba cho ba con theo thỏa hiệp Carolingian năm 843 . Thế lực trung tâm tại Âu Châu bắt đầu suy tàn để mở đường cho người Vikings bắt đầu xâm lăng vùng duyên hải cũng như đảo quốc Anh , tấn công Rome cũng như Constantinople vào năm 860 . Các quốc gia Âu Châu khác như Nga chẳng hạn bắt đầu hình thành trong giai đoạn này cho đến thế kỷ thứ 10 . Giáo Hoàng La Mã không đủ quyền lực , nên không thể biến cả Âu Châu thành xã hội thế quyền thống nhất với thần quyền như Hội Giáo ; nên khi Giáo Hoàng La Mã nhìn thấy hiểm họa Hội Giáo nay cai trị đến Tây Ban Nha hiện rất hiện đại và hùng mạnh , trong khi Chính Thống Giáo Phương Đông đang suy yếu từ từ và ngày càng trở nên khác biệt với Công Giáo La Mã , Giáo Hoàng quyết định huy động lực lượng mở ra thánh chiến nhằm chiếm lại Jerusalem là nơi được coi là Thánh Địa . Thánh

chiến không thành công , nên sau đó Giáo Hoàng quay qua đánh Constantinople thuộc Chính Thống Giáo Phương Đông , làm cho Byzantium suy yếu từ từ , để mở đường cho quân Mông Cổ xâm lăng , dẫn đến việc hình thành đế chế Ottoman vào năm 1453 khi Mehmed III tiến chiếm Constantinople .

Thực ra thì chiếm Jerusalem thánh địa chỉ là mục tiêu bề ngoài , chính yếu là nhằm đánh Hồi Giáo . Nhưng cả sáu cuộc thánh chiến đều không đem lại thành công ngay tức khắc , nhưng mở đường để các sứ quân Âu Châu có dịp nhìn nhận thế giới đầy đủ hơn để họ hình thành các quốc gia Âu Châu trên căn bản mới , để từ từ tách rời khỏi ảnh hưởng của Giáo Hoàng tại Rome cũng như vùng Địa Trung Hải . Dù vậy các tranh chấp giữa họ với nhau vẫn tồn tại quyết liệt , nhưng căn bản các quốc gia Âu Châu được hình thành trong thời gian sau Thánh Chiến , để sau đó bước vào thời kỳ được gọi là thời kỳ Phục Hưng (Renaissance) vào thế kỷ 12 khi khắp Âu Châu xây dựng hàng loạt công trình theo motif Gothic (nhà thờ Reims tại Pháp là tiêu biểu) .

Thánh Chiến làm cho cả hai phía phải tiêu tốn tài nguyên lớn cho chiến tranh , nhóm được hưởng lợi nhất là các hiệp sỹ (knight) , họ có nguồn gốc khác nhau trong đó không thiếu người Do Thái . Người Do Thái bị đầy ải đã lâu , họ cũng nuôi tham vọng chiếm lại vùng đất Canaan , họ tổng hợp được lịch sử cùng các khám phá của Luỡng Hà , Hy Lạp trải dài đến trên 3000 năm , họ đã quá quen với lối hoạt động kín , lấy lợi nhuận để âm thầm xâm nhập chính quyền các nước Âu Châu (lúc đó mới thành lập , chưa có đủ hiểu biết về văn minh cũng như tình hình tại Trung Cận Đông Hồi Giáo) , nên họ vừa là người cung cấp tin tình báo bèn nhảy vừa là trung gian buôn bán để kiếm lời . Họ là thế lực ngầm toàn hảo mà các vua chúa Âu Châu cần ; không thiếu người Do Thái cải họ theo các quốc gia Âu Châu để tồn tại , nhưng trong lòng họ vẫn là Do Thái . Có thể nói họ là chủ lực cho lực lượng Thánh Chiến cùng với những cựu nô lệ thuộc nhiều chủng tộc khác nhau có nguồn gốc ngay từ thời La Mã . Họ lợi dụng chiến tranh để thu vén của cải bằng cướp bóc trên biển Địa Trung Hải cũng như vùng Jerusalem trong thời gian Thánh Chiến . Sau Thánh Chiến thế lực của họ trở nên quá mạnh , là thế lực chính cung cấp tiền bạc hay cố vấn cho nhiều triều đại Âu Châu . Sau này vào khoảng thế kỷ 14 Pháp là nước dẫn đầu trong kế hoạch đàn áp các nhóm Hiệp Sỹ , họ phải chạy qua Anh Quốc , hạt Bavaria bên Đức cũng như Bắc Âu . Giáo Hoàng La Mã cũng thấy hiểm họa nên ra sức đàn áp nhằm chiếm lại tài sản , nhưng họ vẫn chạy kịp đến đảo Malta phía nam Địa Trung Hải (sau này Hội Kín nói đến Temple of Malta , Knight Temple là vậy) . Ta cần biết về những hoạt động của Do Thái là vậy.

Thánh Chiến cuối cùng kết thúc vào năm 1217 nhằm vào Ai Cập thất bại , trong khi quân Mông Cổ dưới quyền Thành Cát Tư Hãn đã xâm lăng Turkistan năm 1208 , Bắc Kinh 1214 , Persia năm 1218 , chiếm Moscow bên bờ sông Volga năm 1237 để hình thành đế quốc Golden Horde cai trị nước Nga , chiếm Anatolia năm 1243 , sau đó đế quốc Mông Cổ được chia làm bốn cho bốn con của Thành Cát Tư Hãn gọi là bốn Đại Hãn .

Năm 1330 dịch hạch bắt đầu xuất hiện tại Tàu , đã lan nhanh đến mọi nơi làm cho Mông Cổ suy yếu đi (năm 1335 Abu Said Khan cai trị Mông Cổ tại Trung Đông chết mà không có con đã làm cho đế quốc này tan rã) , để hình thành Đế Chế Tamerlan hùng mạnh trên vùng Trung Á , tiến chiếm Astrakan năm 1395 , xâm lăng Ấn Độ năm 1398 , xâm lăng

Georgia , Persia , Nga , Irak vào năm 1379 . Sức mạnh của Tamerlan đã giúp cho lực lượng Ottoman đánh bại quân Byzantium vào năm 1338 . (dịch hạch làm chết 75 triệu người Âu Châu từ 1347-1351) .

Trước các làn sóng xâm lăng đến từ Viễn Đông (Mông Cổ và Tamerlan) , nay Byzantium bị loại khỏi vòng chiến được thay thế bằng chính quyền Hồi Giáo . Các quốc gia Âu Châu nay cảm thấy lo âu , La Mã trong tâm bị đe dọa nghiêm trọng về an ninh . Âu Châu phải tìm một lối thoát chiến lược . Trước mắt là bán đảo Iberique tức là Tây Ban Nha ngày nay , mục tiêu là lật đổ chính quyền Hồi Giáo tại đây khi vẫn minh Hồi Giáo tại đây đạt đến đỉnh cao vào năm 1333 , đến năm 1492 thì quân Tây Ban Nha chiếm cứ điểm cuối cùng của Hồi Giáo tại Granada để hình thành nước Tây Ban Nha như ta thấy . Kế đến là Âu Châu vào lúc này thực tế được dẫn đạo bởi Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha kết hợp với Giáo Hoàng La Mã (vì an ninh của La Mã là chính yếu) cần tìm lối khác đến Á Châu bằng đường biển để kiểm soát đường dây buôn bán hương liệu và tơ lụa hiện do Trung Đông , và Ả Rập làm chủ . Như thế , đây là cuộc chiến về kinh tế và quân sự kết hợp . Người Bồ Đào Nha (lại có người Do Thái đứng sau vì cộng đồng Do thái rất mạnh tại Tây Ban Nha ngay dưới thời Hồi Giáo) tương đối quen với biển cả , họ tìm được đường tới Ấn Độ Dương để đặt thương điểm tại Ấn Độ , để từng bước nắm đường dây vận chuyển trên biển rẻ hơn so với đường bộ . Người Tây ban Nha đi về hướng Tây đến Châu Mỹ , để xâm lăng Nam Mỹ một cách tàn bạo , buôn bán nô lệ hình thành . Nay thì Âu Châu nắm quyền bá chủ trên đại dương , từng bước đẩy Ả Rập Trung Đông Hồi Giáo đến chỗ co cụm , vì đường dây buôn bán bị cắt đứt , tạo ra chuyển hướng chiến lược quan trọng trong cuộc chiến giữa Trung Đông , Á Châu với Âu Châu .

Sự hình thành Hồi Giáo tại Mecca , bán đảo Ả Rập , vào năm 630 CE đã mau chóng tạo ảnh hưởng trên toàn vùng Trung Đông đã thực tế thống nhất toàn vùng Trung Đông cũng như một phần Bắc và Đông Phi trong chế độ Giáo Quyền Hồi Giáo , nhưng cũng từ đây , tính thuần chủng của người gốc Ariels tại Trung Đông từ từ thay đổi , khi số người lai Châu Phi với Ariels ngày càng tăng trong xã hội Trung Đông . Sau này , khi Mông Cổ xâm lăng , cũng như Tamerlan có gốc Nomads Phương Đông xâm nhập toàn vùng kể cả một phần nước Nga , lại làm cho chủng tộc tại Trung Đông cũng như vùng Caspian hay Caucasus thay đổi thêm một lần nữa . Chiến tranh màu da cũng xuất xứ từ các thay đổi như vậy tại Trung Đông , để mở đường cho chủ nghĩa phân biệt màu da tại Âu Châu sau này .

Anh Quốc tuy là quốc gia thống nhất các nhóm Briton , Scots , Picts , Angles , Jute đến năm 871 Alfred the Great trở thành vua England đầu tiên , đánh bại nhóm Viking năm 878 . Năm 882 đến 911 vua Oleg thống nhất nhiều bộ tộc Slavs để hình thành nước Nga . một số quốc gia Âu Châu khác cũng hình thành trong giai đoạn này . Như vậy so với Pháp , Đức thì các quốc gia Âu Châu khác hình thành chậm hơn , nhưng chính vậy họ học được kinh nghiệm của các phía tại Lục Địa Âu Châu . Người Anh sớm ý thức được tầm quan trọng của hàng hải vì bị Viking xâm lăng cai trị toàn đảo quốc từ 790 đến 880 , cũng như các cuộc xâm lăng của Viking nhắm vào Rome , nên Anh Quốc cố sức học ngành hàng hải , cải tiến kỹ thuật đi biển cũng như đóng tàu để hình thành lực lượng hải quân chống lại các cuộc xâm lăng từ ngoài . Sức mạnh của Anh gia tăng từ từ cho đến khi Tây Ban Nha tìm ra Châu Mỹ , Bồ Đào Nha tìm ra đường biển đến Ấn Độ . Nhưng quan

trọng nhất là sau thánh chiến cũng như Mông Cổ xâm lăng Trung Đông đe dọa La Mã , các nhánh Hiệp Sĩ bắt đầu bị bóp rập , họ chạy sang Anh cũng như Bavaria Đức và được đón nhận . Người Anh đón nhận vì các đe dọa từ lục địa Âu Châu chủ yếu là Pháp cùng Tây Ban Nha . Đối với người Anh lúc đó thì : “ kẻ thù của kẻ thù ta là bạn ta “ cho nên các Hiệp Sĩ được đón nhận tại Anh . Kinh nghiệm về Trung Đông , Tây Ban Nha hay La Mã của các nhóm hiệp sĩ này đã giúp rất nhiều làm cho Anh Quốc mau chóng hùng mạnh , đối đầu với cả Âu Châu cũng như Giáo Hoàng sau này .

Khi Tây Ban Nha chiếm Nam Mỹ bắt đầu từ năm 1492 khi Christophe Columbus tìm ra Châu Mỹ , hải quân Anh theo chân liền nhưng chưa can thiệp vội , thường dưới dạng hải tặc chặn đánh các tàu chở vàng bạc của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha từ Châu Mỹ về nước . Tại Ấn Độ , Anh Quốc thông qua các nhóm hiệp sĩ nay đội lột con buôn mở thương điểm tại Ấn Độ vào năm 1492 cùng thời với Bồ Đào Nha , cũng như tại Đông Nam Á để cạnh tranh với Bồ Đào Nha tại Ấn Độ Dương . Vào thời điểm ấy thương nhân di chuyển trên biển cả có quân đội riêng , có chiến hạm trang bị đại bác , thủy thủ đoàn chẳng thiếu vì các cự nê lệ hoặc công dân tự do không có đất canh tác . Sau hai thế kỷ dằng co tại Đại Tây Dương với Tây Ban Nha , cũng như tại Ấn Độ Dương với Bồ Đào Nha , vào thế kỷ 17 thì Anh Quốc đã làm chủ nhiều phần Bắc Mỹ cùng với người Pháp .

Tây Ban Nha hiểu tham vọng của Anh trong cuộc tranh dành quyền lực trên biển , nên Tây Ban Nha đã chiếm vùng thấp tức là Hòa Lan ngày nay để làm thuộc địa . Hòa Lan nổi lên chống lại Tây Ban Nha , cho nên Hòa Lan đương nhiên trở thành đồng minh của Anh . Điều này giải thích tại sao vùng đất ngày nay là New York trước kia là lãnh thổ thuộc Hòa Lan , sau đó nhượng lại cho Anh ; cũng như tại sao Hòa Lan sớm đến Nhật Bản và được đón tiếp tương đối thân thiện tại đây miễn là chỉ làm ăn buôn bán mà thôi ; mặt khác cũng giải thích tại sao Hòa Lan trở thành quốc gia cai trị Indonesia trong thời thuộc địa .

Tại Bắc Mỹ , vào thế kỷ 18 ba thế lực Âu Châu tranh dành ảnh hưởng , Tây Ban Nha chiếm vùng phía Tây (Cali , Arizona , Texas) cũng như phía đông nam (vùng Florida) , Pháp chiếm vùng dọc theo sông Mississippi lên phía bắc đến Ngũ Đại Hồ , Anh chiếm vùng duyên hải phía đông bắc cùng với Hòa Lan tại vùng Nữ Ước ngày nay . Hội Kín đi tiên phong trong việc đến định cư tại châu Mỹ , người Ái Nhĩ Lan chỉ đến sau đó sau khi nạn dịch về khoai tây nổ ra làm cho Ái Nhĩ Lan và vài vùng khác tại Âu Châu lâm vào cảnh đói khát (khoai tây tự nhiên thối rữa , sau này khám phá ra loại vi khuẩn độc hại gây ra sự hư thối này) . Trong điều kiện như vậy , người Do Thái ngay tức khắc có một vị trí , khi một đền thờ Do Thái Giáo lần đầu tiên được lập tại New York , điều này cho thấy Do Thái Giáo được chánh thức nhìn nhận tại đây . Kế đến là cuộc tranh chấp giữa Hội Kín Mỹ với quân đội Hoàng Gia Anh tại Mỹ xảy ra đã lâu trước khi biến cố 1776 hình thành dẫn đến chỗ nước Mỹ độc lập khỏi tay Anh Quốc .

Giai đoạn này rất đáng để ta chiêm quan , khi cuộc tranh chấp tay ba giữa Tây Ban Nha , Pháp cũng như Anh tại Bắc Mỹ nổ ra bắt đầu vào cuối thế kỷ 17 , Hội Kín đã âm thầm đứng sau những vụ hải tặc trong vùng , nên hiểu rõ vùng Caribbean cũng như nội tình Tây Ban Nha , Bồ Đào Nha cũng như Pháp hay Anh và cả Tòa Thánh La Mã do mạng lưới tình báo mà họ gài lại khắp Âu Châu từ trước đó rất lâu sau Thánh Chiến . Hội Kín thúc

thủ ngồi nhìn ba hồ đấu , cuối cùng cả ba đều thấy bị thiệt hại trong khi Hội Kín vẫn thu lợi nhuận do buôn bán , củng cố thế lực tại Bắc Mỹ cũng như tại Âu Châu , để đúng lúc hình thành quốc gia Hội Kín tại Mỹ vào năm 1776 . Cho nên 54 trong tổng số 56 người ký tên trong Bản Tuyên Ngôn Độc Lập Mỹ là người của Hội Kín , trong đó có người gốc Do Thái .

Cuộc Cách Mạng Dân Quyền tại Pháp 1779 có dính líu đến Hội Kín hay không là điều cần bàn . Trước khi biến cố này nổ ra thì các học giả Pháp như J. J. Rousseau , Diderot Voltaire đã đề ra những nguyên tắc xây dựng xã hội mới (J. J. Rousseau viết cuốn Contrat Sociale năm 1762 , 1769 thì James Watt lãnh patent về máy hơi nước , Adam Smith viết cuốn The Wealth of Nations năm 1776 , Giáo Hoàng La Mã giải tán Dòng Tên năm 1772 để từ sau đó hình thành Hội Kín Cựu Dòng Tên , cũng đã đến Mỹ cùng thời với các nhóm Hội Kín khác) . Trong điều kiện như vậy , sau khi độc lập Nhà Nước Hội Kín đầu tiên trên thế giới , bắt đầu ngấm ngấm can thiệp vào Âu Châu thông qua các mối quan hệ đã thiết lập từ sau Thánh Chiến . Lật Anh xong , Hội Kín tại Mỹ cần lật Pháp hiện chiếm hầu hết vùng rộng lớn dọc theo sông Mississippi . Muốn vậy phải đẩy Pháp đến sáo trộn dựa vào các sáo trộn trong lòng xã hội Pháp do dòng họ Bourbon nay trở nên quá bảo thủ mất lòng dân . Cuộc Cách Mạng Dân Quyền 1779 tại Pháp có bàn tay của Hội Kín đứng dàn dựng phía sau . Khi Pháp sáo trộn sau khi Hoàng Gia bị chém cổ , Tam Đầu Chế tiếp theo ; Napoleon lên cầm quyền quyết định đánh Anh , Nga , chiếm Ai Cập như khi xưa Alexander đã làm . Khi Hải Quân Pháp Tây Ban Nha định bao vây Anh Quốc , bị Đô Đốc Nelson đánh bại trong trận đánh lừng danh Trafalgar năm 1805 , thì Pháp đành bỏ thuộc địa tại Hoa Kỳ , Tây Ban Nha sau đó cũng thất bại trước sức mạnh của Mỹ , để nước Mỹ có diện tích như ngày nay .

Sự khác biệt giữa Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha với Mỹ đằng sau là Hội Kín chính là chỗ : thứ nhất Tây Ban Nha không có khả năng can thiệp ngấm ngấm vào nội tình Âu Châu , họ là thế lực nổi , trở nên quá giàu có nên bị các bên xúm vào tranh giành quyền lực ; kể đến là người Tây Ban Nha lai tạo với người bản xứ cũng như nô lệ đem từ Châu Phi qua , nên mất hẳn đặc trưng của Phương Tây (và lại Tây Ban Nha vốn đã bị Carthage , sau đó là Moors gốc Châu Phi-Ả Rập cai trị quá lâu , nên sự lai tạo này là đúng với truyền thống của họ) . Người Mỹ trắng không chấp nhận lai tạo , cho nên khi di cư đến Mỹ họ đem theo cả đàn bà cũng như trẻ con , chứ không phải chỉ có lính không thôi . Sau cùng là Hội Kín Mỹ có cả một chiến lược lâu dài đối với thế giới , nên họ xây dựng xã hội Mỹ rất hiện đại để chuẩn bị cho các bước tiến trong thế kỷ 20 này . Lịch sử thế giới được người thường biết đến qua các sách giáo khoa , so với thực chất bên trong khác biệt rất nhiều khi đằng sau nhiều biến cố chính trị lớn của thế giới trong hơn 400 năm qua đều có bàn tay của hai thế lực ngầm là Hội Kín Free Mason cũng như Hội Kín Cựu Dòng Tên . Vấn đề quan trọng này sẽ được trình bày chi tiết thêm trong bài viết liên quan đến Hội Kín , cùng nhiều vấn đề khác liên hệ đến thế giới .

Do các diễn biến như vậy , khi nước Mỹ củng cố sức mạnh bằng cách mua lại Alaska của Nga , Louisiana của Pháp dưới thời Napoleon III , đánh bật Tây Ban Nha ra khỏi California , Texas , Arizona , mở rộng biên cương đến bờ phía tây vào những năm đầu của thế kỷ 19 . Nước Mỹ từ giữa thế kỷ 19 trở thành lãnh thổ về mặt địa dư chính trị có vị trí thuận lợi nhất khi thế giới bước vào văn minh hàng hải . Nên khi các bang phía Nam

chủ trương không giải phóng nô lệ , nơi vốn bảo thủ vì đã một thời là thuộc địa của Tây Ban Nha cũng như của Pháp , chủ về nông nghiệp nên rất cần lao động nô lệ ; khác với các bang phía bắc chủ về công nghiệp và thương mại và là cái nôi của Hội Kín . Nội chiến Mỹ tất yếu nổ ra liên quan đến tranh luận về nguyên tắc căn bản của Hiến Pháp Mỹ . Sau nội chiến , nước Mỹ hùng mạnh mau chóng để từng bước can thiệp trở lại Âu Châu cổ qua hai thế chiến . Theo đuổi chiến tranh lạnh với Liên Xô , ngày nay tiếp tục cuộc chiến trên hai mặt trận với Hồi Giáo bảo thủ cũng như với Tàu bành trướng . Khái niệm về hai cuộc chiến cần được hiểu sâu rộng như vậy mới thực đúng với tình hình thế giới hiện nay .

9 - CÁC KHÁM PHÁ , PHÁT MINH CỦA THẾ GIỚI .

Chẳng dân tộc nào dám tự nhận làm chủ văn minh này của nhân loại , đó là cả một tiến trình dài đầy phức tạp , mỗi giai đoạn khác nhau xuất hiện những thế lực khác nhau nắm lấy quyền lực lãnh đạo , để tạo ra điều mà ta gọi là trật tự thế giới từ thấp đến cao . Khám phá đồ đồng , đồ thếp đều xuất phát từ Bách Việt Trung Hoa vào hai thời điểm cách nhau trên 3000 năm (đồ đồng khoảng 4000 BC đến 5000 BC , đồ thếp trên 1000 BC) . Con người chuyển hóa từ thời kỳ đi bộ sang thời kỳ biết sử dụng tàu thuyền di chuyển trên đại dương đến các lục địa phải mất thời gian rất lâu ; biết sử dụng bánh xe tròn để vận chuyển ; cũng như sử dụng ngựa trong chiến tranh , biết cách cột đai ngựa , đóng móng để ngựa có thể di chuyển trên nhiều địa thế phức tạp là các khám phá của nhiều dân tộc như Cymmerians và người Scythians gốc Trung Đông . Khám phá ra dịch lý âm dương , ngũ hành , tam tài , đạo học , luyện đồng luyện thếp cũng đều xuất phát tại Bách Việt .

Nhưng lãnh thổ Bách Việt Hoa Nam bị bao bọc bởi nhiều chướng ngại vật tự nhiên rất khó vượt qua trong điều kiện xã hội cách nay trên 10,000 năm , phía đông thì biển cả , phía bắc thì hai sông lớn , phía tây thì Hy Mã Lạp Sơn hùng vĩ , phía nam cũng núi non trùng điệp . Cho nên dù Bách Việt mở đầu của văn minh nông nghiệp trước tất cả các văn minh khác , Bách Việt không hề có dịp tiếp xúc với các văn hóa khác Bách Việt , điều này làm cho Bách Việt càng bảo thủ hơn , khó đổi thay hơn . Đó chính là đặc trưng của xã hội ta để lại từ thời thái cổ đến giờ ; với Hán , hoặc Việt Hán Hoa Nam họ ít bảo thủ hơn ta trong giao tiếp cũng như trong sinh hoạt . Hán khi xâm lăng Bách Việt để từng bước biến thành văn minh Hán thì Hán cũng chịu ngay những giới hạn như Bách Việt đã trải qua , cuối cùng cũng trở nên bảo thủ như Bách Việt dù mức độ có thấp hơn . Sự việc Hán cho xây Vạn Lý Trường Thành phía bắc để ngăn chặn các làn sóng xâm lăng của người Nomads đến sau , nên cơ hội tiếp xúc trong dân gian hoàn toàn không xảy ra . Các tiếp xúc trao đổi dọc theo đường tơ lụa phía bắc không đủ sức tạo một cao trào trong dân gian . Phật Giáo nguyên thủy được nhà cầm quyền Hán thay đổi để thành Phật Giáo Đại Thừa là một chứng minh cho các kiểu tiếp xúc như vậy .

Ấn Độ phía nam vốn chủ yếu là người có nguồn gốc Châu Phi , nên không hình thành được văn minh cổ Ấn Độ phía nam . Ngày nay ta khám phục văn minh Ấn Độ thực ra là văn minh Harappans xuất phát tại hạ lưu sông Indus cách nay 4500 năm , cùng thời với Sumer và Ai Cập . Người nói tiếng Ấn Âu vào lục địa Ấn Độ vào 1500 BC , họ không thiết lập chính quyền nhưng họ thành lập Ấn Giáo dựa trên giai cấp để cột chặt con người lại trong một trật tự không thể đổi thay vào thời kỳ 1400 BC . Kinh Vedas được hình

thành trong khoảng thời gian từ 1400 BC đến 900 BC , bao gồm bốn giai cấp chính cùng hàng ngàn các chi thể nhỏ khác , khiến cho xã hội Ấn Độ cổ là xã hội rất nặng nề và đầy áp bức bất công . Xã hội ấy không thể tiến được do Ấn Giáo tạo quá nhiều rào cản trong giao tiếp giữa người với người . Vị trí địa dư của Ấn Độ tuy có vẻ giống với Hoa Lục Bách Việt , nhưng ba mặt là biển hẹp cho phép họ dễ tiếp xúc với các văn minh khác để tạo điều kiện cho tiến bộ . Nhưng các đợt sóng văn minh hình thành tại Ấn Độ đều xuất phát từ hướng bắc tràn xuống , như thời cổ đại với Harappan ; sau đó lịch sử vùng Nam Á mất hẳn một thời gian dài đến cả ngàn năm không được nói tới , cho đến năm 1500 BC mới thấy nói tới người Arians nói tiếng Ấn Âu xuất hiện trở lại để hình thành Ấn Giáo ; giai cấp hình thành 1400 BC , Luật Manu là luật căn bản của xã hội Ấn xuất hiện năm 900 BC . Lịch sử Ấn Độ lại mất một thời gian dài chìm trong quên lãng cho đến khi Đức Phật xuất hiện hình thành Phật Giáo song song với Mahavira thành lập tôn giáo bất bạo động là Jainism . Đế chế vĩ đại nhất trong lịch sử Ấn Độ (gốc Ấn) là đế chế Chandragupta Maurya đã thống nhất toàn vùng tiểu lục địa năm 321 BC , sau đó các thế hệ con cháu ông như vua Ashoka năm 260 BC , chủ trương Phật Giáo là quốc giáo . Như thế Ashoka chủ trương bãi bỏ giai cấp theo trật tự Brahmin đã sắp đặt , khi quyền lực trung ương còn mạnh thì cấp lãnh đạo Brahmin chủ yếu là người gốc Aryans chịu thua , nhưng các làn sóng chống đối vẫn từng bước hình thành trong lòng xã hội Ấn , để đến năm 185 BC thì đế chế Gupta Maurya bị tan rã , lịch sử Ấn Độ lại bị đi vào quên lãng trong thời gian dài . Đế chế Mughal được thành lập vào năm 1526 CE bởi Babur có nguồn gốc Trung Á , cũng xâm lăng toàn Ấn từ hướng bắc để hình thành đế chế Mughal tại đây cho đến khi phương Tây xâm lăng Ấn Độ . Đến ngày nay ta mới thấy nước Ấn cận đại đang chuyển mình sang giai đoạn mới của lịch sử khi đối đầu với Trung Cộng ở phía Đông Hy Mã Lạp Sơn .

Tại sao các làn sóng văn minh chuyển đến Ấn Độ đều xuất phát từ hướng Bắc ? chủ yếu là các đợt thiên di của con người dọc theo thảo nguyên vẫn tiếp nối theo thời gian . Do giao tiếp với nhiều sắc dân khác thuộc nhiều đợt thiên di khác nhau , nhóm mới tới năng động , khôn ngoan và quyết tâm hơn các nhóm đã định canh định cư lâu đời , nên nhóm mới tới luôn chiến thắng là vậy . Mặc dù xã hội Ấn Độ Brahmin quá cứng rắn và bảo thủ , nhưng các giới lãnh đạo vẫn có điều kiện tiếp xúc với văn minh khác như Lưỡng Hà , Iran hay Trung Hoa , hoặc Đông Nam Á để thực hiện được một số đóng góp chung cho nhân loại . Có lẽ khám phá quan trọng nhất của nhà toán học người Ấn là khám phá ra số Zero vào năm 1000 , thuốc súng theo ghi nhận được hoàn thiện tại Tàu cũng trong thời gian này .

Quan sát lịch sử Trung Đông cho ta thấy các điều sau :

Thứ nhất : các làn sóng di dân từ hướng đông liên tục tràn qua vùng bắc Lưỡng Hà để tìm đường đến định cư tại Âu Châu , Nga , cũng như vùng Ukraina . Đợt đầu tiên được lịch sử ghi lại gồm ba nhóm : người Hittites hình thành văn minh Sumer , người Phoenicians , người Menes hình thành Ai Cập . Các đợt di dân sau tiếp nối hình thành nhóm cư dân vùng Bắc Địa Trung Hải và Nam Âu như Hy Lạp , cùng một bộ phận quan trọng khác đi vào Iran để vào thế kỷ 6 BC thì vùng Trung Cận Đông thực tế bị chi phối bởi ba thế lực là Iran , Ai Cập và Assyrian . Chính nhóm di dân mới đi vào Iran trước đó khoảng thế kỷ 9 BC , tiếp thu được các kinh nghiệm từ Viễn Đông qua kỹ thuật luyện thép , cũng như

cách nhìn về tự nhiên , nên Đế Chế Achaemenid xứ Iran mới cùng lúc đánh tan cả hai đế chế đã tồn tại rất lâu trong vùng là Ai cập và Assyrian để Iran trở thành thế lực chi phối toàn vùng Trung Đông . Các đợt xâm lăng sau này do Mông Cổ , hay đế chế Tamerlane nhắm vào vùng Trung Cận Đông , thực tế đóng góp vào việc làm suy yếu văn minh Hồi Giáo trong vùng .

Thứ hai : trong thời gian dài chiến tranh liên tục xảy ra tại Trung Đông thì vùng bán đảo Hy Lạp , La Mã nói chung yên ổn . Nhất là Hy Lạp , nằm ngay cửa ngõ ra vào Hắc Hải trên bờ biển Aegean nên có điều kiện nhìn thấy rõ các biến động xảy ra ở Trung Cận Đông , khi con buôn Hy Lạp , Phoenicians thực tế kiểm soát việc buôn bán trên biển vào thời điểm đó . Họ là những thương nhân giữa nhiều vùng khác nhau , nên họ hiểu cách thức thể hiện suy nghĩ của từng vùng , điều đó cho phép họ tổng hợp từng bước để hình thành chữ viết theo mẫu tự . Chữ viết cổ của người Harappan gồm 400 ký hiệu xuất hiện năm 2500 BC . Vào thời kỳ 1500 BC thì chữ Cuneiform vùng Ugarit giảm từ 600 ký hiệu xuống còn 30 ký hiệu . Vào thời kỳ khoảng 1200 BC , người Phoenicians vì thực hiện việc buôn bán trên vùng rộng lớn dọc Địa Trung Hải từ Tây ban Nha đến Bắc Phi , Thổ Nhĩ Kỳ cũng như với Hy Lạp , nên các ghi nhận bằng chữ viết của họ theo hệ thống mẫu tự , được chuyển qua tay Hy Lạp . Đến năm 1100 BC thì người Phoenicians giảm số mẫu tự xuống còn 22 mẫu tự gốc . Đến năm 950 BC , người Ai Cập cũng cải sửa chữ viết của họ theo mẫu tự được gọi là “ demotic” .

Chữ viết theo mẫu tự là cải tiến quan trọng bậc nhất đối với lịch sử nhân loại , nhờ kết hợp được ngôn ngữ với ý tưởng bằng việc phối trí các mẫu tự theo một quy luật đơn giản mà lại rất chính xác , so với chữ viết dựa trên tượng thanh với tượng hình thường gồm cả ngàn ký hiệu khác nhau . Người Hy Lạp khám phá ra mẫu tự A đầu tiên (linear A) để từng bước hình thành bảng mẫu tự chính gồm 24 chữ cái . Văn minh Hy Lạp phát triển mạnh về mọi lãnh vực từ khoa học nhân văn đến khoa học tự nhiên được truyền bá đến Trung Đông dưới thời Alexander the Great (330 BC) để đặt nền tảng cho văn minh Hồi Giáo phát triển mạnh trong thời kỳ Hồi Giáo cai trị toàn vùng Trung Đông . Văn minh Hồi Giáo thực ra đặt căn bản trên văn minh Hy Lạp , nhưng họ tránh không dùng chữ Hy Lạp , mà dùng chữ Ả Rập vẫn còn ở dạng tượng hình được cải tiến như chữ demotic của Ai Cập , nên khả năng phổ biến rộng rãi trong dân chúng bị giới hạn rất nhiều . Mặc dù trong 500 năm đầu kể từ khi thành đạo , văn minh Hồi Giáo phát triển rất nhanh ; trong khi Âu Châu cùng La Mã khựng lại , nhưng văn minh Hồi Giáo bắt đầu có dấu hiệu suy tàn từ thế kỷ 11 . Cả xã hội Hồi Giáo bị khủng hoảng nghiêm trọng khi Mông Cổ xâm lăng , rồi đến Tamerlane , rồi đường dây buôn hương liệu từ Á Châu qua Âu Châu bị cắt đứt . Thế giới Hồi Giáo bị suy tàn bắt đầu từ thế kỷ 16 .

Thứ ba : ảnh hưởng của Thiên Chúa Giáo La Mã đối với Âu Châu như gạch nối giữa văn minh Hy Lạp với Âu Châu . La Mã hiểu cả văn minh Hy Lạp lẫn Trung Đông , Âu Châu không có điều kiện đó , trừ Tây Ban Nha bị người Moors cai trị lâu dài . Do thế lịch sử Âu Châu vào thời kỳ 6 BC đến thế kỷ 5 CE , thực ra chỉ là lịch sử Hy Lạp với La Mã mà thôi . Lịch sử Âu Châu trở nên quan trọng trong thời kỳ sau Thánh Chiến nhất là khi đế chế Byzantium bị Ottoman đánh bại . Âu Châu bắt buộc phải tìm đường đến Phương Đông Ấn Độ cũng như Châu Mỹ để củng cố sức mạnh của mình .

Thứ tư : Vai trò của các đan viện thuộc Giáo Hội cũng rất quan trọng tại Âu Châu trong việc mở mang dân trí tại đây , mặc dù có lạm dụng từ phía nhà thờ , nhưng thành quả đạt được về mặt xã hội lớn lao hơn hẳn so với mất mát . Khi hàng loạt giáo đường được xây dựng trên khắp Âu Châu thời Phục Hưng , các viện đại học cũng được xây dựng cùng thời , đã đóng góp rất nhiều vào việc hình thành lớp trí thức mới có tầm nhìn bao quát về tự nhiên . Giáo Hội La Mã phải đối diện với thử thách lớn lao nhất khi Tin Lành Giáo được hình thành . Nhưng quan trọng hơn hết là việc xuất hiện kỹ thuật in ấn mới vào năm 1455 bởi người Đức là Johannes Gutenberg . Các phát kiến sâu rộng ấy đã làm thay đổi xã hội Âu Châu rất nhiều , đẩy Trung Đông , Hy Lạp , La Mã vào chỗ suy tàn để hình thành trung tâm văn minh Âu Châu Lục Địa .

Thứ năm : Trung tâm văn minh hàng hải bắt đầu hình thành bởi Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha vào cuối thế kỷ 15 . Nhưng họ không nắm được quyền bá chủ trên biển cho đến thế kỷ 17 khi đụng độ với hải quân Anh Quốc . Columbus tìm đường đến Châu Mỹ năm 1492 , trở lại Tây Ban Nha năm 1493 , Cabot người Anh đến New Foundland năm 1497 . Magellan đi vòng thế giới trên biển từ 1519-1522 . Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha không đủ sức để cai trị thế giới được biết lúc đó , trong khi thế lực Anh Quốc không ngừng tăng sức mạnh . Nên cuộc đụng độ tất yếu xảy ra vào tháng 5 năm 1588 khi hạm đội của vua Tây Ban Nha Phillip xuất quân quyết bao vây lãnh thổ Anh để triệt hạ hạm đội Anh Quốc . Nữ Hoàng Anh Elizabeth ra lệnh cho Drake thực hiện hàng loạt các cuộc đánh phá nhằm vào hạm đội Tây Ban Nha , cuối cùng chiến hạm và thương thuyền có gắn đại bác của Anh tham chiến đánh bại hoàn toàn Hạm Đội Tây Ban Nha . Lịch sử thế giới lại một lần nữa chứng kiến cuộc đụng độ hải quân rộng lớn vào năm 1805 khi Đô Đốc Nelson người Anh đánh bại liên hạm đội Pháp Tây Ban Nha cũng trên cùng vùng biển Đại Tây dương thuộc Âu Châu dưới thời Napoleon Bonnaparte , để từng bước Anh Quốc thiết lập Đế Quốc rộng lớn của mình trên khắp thế giới . Như vậy , Anh Quốc đã hình thành điều ta gọi là “ văn minh hàng hải “ . Như thế văn minh đường bộ đại diện bởi các thế lực lục địa (như Tây Ban Nha hoặc Pháp) đều bị thất bại trước thế lực hàng hải do Anh Quốc dẫn đạo với sự tiếp tay ngấm ngấm của các thế lực Hội Kín đứng trong bóng tối .

Thứ sáu : khi văn minh di chuyển đến Châu Mỹ , nước Mỹ Hội Kín biết rõ tầm quan trọng của hàng hải . Họ biết nếu muốn đánh bại lực lượng Anh thì Mỹ cần xây dựng lực lượng hải quân hùng mạnh (họ cũng học bài học của Anh thôi) , họ biết rõ qua kinh nghiệm của nhiều đế chế đã từng cường thịnh rồi mau chóng đi đến tan rã vì không biết cách vừa xây dựng sức mạnh vừa đánh các thế lực khác trong đường dài vừa củng cố sức mạnh của Mỹ . Các thế lực ấy quá vội vã khi muốn mau chóng đạt mục tiêu bất chấp sức chịu đựng của nền kinh tế của đối phương cũng như của chính nước Mỹ , nên nước Mỹ cứ từ từ thực hiện các kế sách của mình . Đây là chủ trương rất mực khôn ngoan của nước Mỹ Hội Kín , phương châm của các nhà chính trị Mỹ là “ Balance of Ressource and commitment “ xuất phát từ chủ trương này . Quá nhiều sai phạm đã xảy ra đối với mọi quốc gia mọi chế độ khác nhau như đã từng xảy ra trong lịch sử . Napoleon , Hitler , Nga Sô , kể cả vua Quang Trung của ta cũng phạm sai lầm này , nên đã thất bại trong hòa bình hoặc bị tan rã vì thua trận .

Mỗi bước phát triển về kỹ thuật luôn đi kèm với khám phá về năng lượng . Văn minh đường bộ xử dụng năng lượng bằng củi gỗ , di chuyển rất chậm vì các tiếp súc giữa người với người đều trên thảo nguyên . Văn minh đường thủy dẫn đến việc khám phá ra than đá , di chuyển nhanh hơn trên biển nên có khả năng can thiệp trên vùng rộng lớn hơn hẳn so với đường bộ . Cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 thì năng lượng than đá được thay thế bằng dầu hỏa , dầu hỏa là năng lượng hữu dụng để hình thành văn minh hàng không còn di chuyển nhanh hơn hẳn so với văn minh hàng hải . Từ đó kỹ thuật tiến bộ mau chóng để phát triển khoa học nguyên tử , máy tính cũng như vệ tinh nhân tạo , để từng bước biến thành văn minh không gian . Đến nay thì văn minh Liên Hành Tinh hoàn toàn có khả năng tỏa sáng trên quy mô toàn cầu , để khởi đầu cho Đại Chu Kỳ mới , có thể trùng hợp với đại chu kỳ mà văn minh Maya đã dự kiến là 5125 năm . Như thế , chúng ta học được điều gì từ lịch sử nhân loại ?

10 - NHỮNG BÀI HỌC .

Chính trị , lịch sử là hai mặt của cùng một vấn đề liên quan đến mọi hành vi của con người trong bối cảnh một xã hội cụ thể trong những thời điểm cụ thể khác nhau . Cứ xem các hành xử của một xã hội thông qua con người cụ thể trong xã hội ấy để biết xã hội ấy đang trong giai đoạn nào của tiến trình phát triển từ thấp lên cao . Bất cứ ai muốn làm chính trị bằng việc xử dụng mọi thủ đoạn để thu tóm quyền lực chỉ để thỏa mãn giấc mộng muôn thiết lập một xã hội theo ý muốn chủ quan của mình , hủy diệt mọi chống đối đến bất cứ từ đâu , không thềm biết đến hướng đi chung của loài người , cũng như trình độ xã hội đặc thù của quốc gia mình để từ căn bản đó dựa trên các dữ kiện khoa học để thuyết phục đại đa số quần chúng chấp nhận một hướng đi phù hợp , đều sai lầm nghiêm trọng . Quá nhiều chế độ đã sai lầm , luôn để lại những hậu quả khủng khiếp . (kể sao cho siết) .

Thời cận đại lại càng khó khăn hơn nữa , khi các thế lực quốc tế tranh chấp quyết liệt trên lãnh thổ cũng như con người các quốc gia chậm tiến . Hàng loạt các nhà cầm quyền thực ra chỉ là bung sung vô ý thức , thi hành các đường lối được dàn dựng từ đâu đó ; bí mật đến độ , ngay cả người tự nhận là lãnh đạo các thế lực địa phương cũng cứ tưởng rằng mình được độc lập để hành sử quyền lực chính trị trên quê hương mình . Như thế , lịch sử nhìn trong phạm vi hẹp liên hệ đến những ai trực tiếp tham gia vào một thời kỳ nào đó của lịch sử cũng chưa phải là lịch sử thực . Những vị đó chỉ mới nói lên một khía cạnh rất hẹp liên hệ đến hoạt động trực tiếp của các vị ấy mà thôi ; muốn hiểu lịch sử thực , người viết sử phải nắm vững các dàn dựng quốc tế , để trên nền tảng này mà đánh giá những hoạt động của người trực tiếp dàn dựng các biến cố đó .

Tình hình này đặt mọi người học sử cần biết ngọn nguồn lịch sử các tranh chấp quốc tế , các trào lưu văn hóa , chính trị , các phát kiến khoa học ; nhất là những gì liên quan đến các thế lực chính trị thế giới , như : tôn giáo , Hội Kín , Trung Tâm văn minh chi phối toàn cầu cũng như các thế lực tương tranh vào mỗi thời điểm lịch sử khác nhau của nhân loại . Các sự hiểu biết như vậy may ra có thể dẫn ta đến chỗ có thể cảm thụ được các mưu kế mà các thế lực ấy thi hành trong từng thời điểm nhất định , đối với một thế lực chính trị cụ thể . Các thế lực đối kháng nhau cũng dễ nhìn thấy trong từng giai đoạn khác nhau của lịch sử từng vùng trong thời cổ đại , đến toàn cầu trong thời hiện đại .

Lịch sử đối với một giáo sư dạy sinh viên về những gì đã xảy ra trong quá khứ cũng chỉ mới là mặt nổi của tảng băng sơn vĩ đại của lịch sử mà thôi . Biết bao bí ẩn của lịch sử hoàn toàn không được để lộ ra ngoài , nên việc truy tìm vẫn phải tiếp tục . Đặc biệt đối với lịch sử phương tây , quá nhiều bí ẩn từ Tòa Thánh La Mã , từ Hội Kín Free Mason , hoặc từ các quốc gia khác , không bao giờ được để lộ cho người ngoài được biết . Như vậy nếu muốn biết , phải dụng đến phương tiện tình báo , hoặc phải dùng đến linh nhãn . Tuy vậy nếu thấu hiểu lịch sử toàn diện liên quan đến văn minh học , thì bí mật được soi sáng một phần . Cho nên nước nào cũng vậy , các cơ quan tình báo khôn ngoan nhất là cơ quan tình báo biết dụng những nhà phân tích tình báo uyên thâm nhất ; những người này đều là những người rất am hiểu lịch sử tổng quát cũng như đặc tính của một vùng nhất định nào đó mà họ được phân nhiệm công tác , tiếp xúc cụ thể , xây dựng mối quan hệ cần thiết để luôn nắm bắt được suy nghĩ của các phía liên quan . Không một quốc gia nào có thể biết được hết ý đồ của quốc gia khác ; người Mỹ và người Anh đã dành tối đa tiền bạc đầu tư vào kỹ thuật cao nhằm kiểm soát cho được mọi cuộc điện đàm trao đổi giữa các cấp chính quyền thuộc mọi quốc gia , bạn cũng như thù , để bảo đảm rằng mọi quyết định chính trị của họ là quyết định chính xác nhất . (hệ thống Echelon cho phép họ chặn bắt được hầu hết các cuộc điện đàm trên thế giới) .

Hiểu biết ý đồ chiến lược trong đường dài của một quốc gia hoặc một khối quốc gia càng đòi hỏi nhà chính trị , cơ quan tình báo càng phải am hiểu lịch sử , biết được mâu thuẫn giữa các quốc gia với nhau , cũng như phản ứng của mọi phía liên quan , nhất là quyền lực toàn cầu trong các sắp xếp bí ẩn phía dưới . Anh không thể làm chính trị nếu anh không xuất thân từ tình báo theo cách nào đó , nguyên tắc này không thể thay đổi từ hàng ngàn năm nay rồi .

Quan sát xã hội ta trong ngàn năm qua cho thấy ; mặc dù chúng ta khôi phục được độc lập trên vùng đất hẹp phía Châu Thổ Sông Hồng , bảo toàn bờ cõi trước các đợt xâm lăng của Hán , nhưng chúng ta chưa thành công trong việc tách biệt hẳn đặc trưng dân tộc ta với đặc trưng của Hán , nên cứ lẫn lộn tứ tung . Càng sau này , nhất là khi đối diện với văn minh Phương Tây , ta càng hành xử y như ta chính là Hán vậy . Đây chính là mối đe dọa quan yếu nhất đối với an ninh quốc gia xuất phát ngay từ bên trong lòng dân tộc . Thực ra cuộc khủng hoảng chiến lược trong lòng dòng tộc Bách Việt mà ta là hậu duệ chân truyền đã xảy ra ngay từ đời Tần , Hán bên Tàu . Như thế cuộc khủng hoảng về văn hóa trong lòng dân tộc ta cũng rất mực nguy hiểm mà ít ai hay . Do thế dân tộc ta chủ yếu tập trung vào thế thù với mọi phía bất phân bạn lâu dài , thù trước mắt hay bạn trước mắt nhưng thù lâu dài (Hán) . Do sự phân hóa này , mặc dù dân tộc ta rất thống nhất hơn rất nhiều dân tộc khác trên thế giới , lại không phải là dân tộc có thể thống nhất ý chí chung vào một mối , như người Nhật , người Đại Hàn .

Chữ Quốc Ngữ là thành quả lớn nhất mà chúng ta đạt được , nhưng do chiến tranh liên miên nên ta chưa bao giờ hình thành được một trường dạy cho giới trẻ biết làm chính trị hiện đại , biết về lịch sử đích thực . Được học về hành chánh công quyền , luật học hay chính trị học chưa phải là học thực để làm chính trị . Đối diện với cuộc đấu tranh chống ngoại xâm , ta đã hành động quá cực đoan để cuối cùng phục vụ cho quyền lợi của Tàu (Đảng CS đã làm) , hoặc áp dụng bài học kiểu Tàu trong đấu tranh giành độc lập từ tay

Pháp ; để rồi nếu thành công thì cũng chỉ nhằm phục vụ cho quyền lợi của Tàu , tức là giữ nguyên trật tự cũ do Tàu áp đặt . Như thế , tình hình thế giới tác động lên đất nước ta trong hơn 60 năm qua cần được đánh giá lại trên căn bản mới , chứ không phải như lời tuyên truyền của các tổ chức chính trị này nọ dù thuộc bất cứ phe nào . Tái Ông thất mã , cũng có cái hay là vậy . Vấn đề quan trọng là ta có biết học cái hay đó hay không ? Nếu tâm thành muốn học ta sẽ thấy ai là bạn lâu đời ? ai là kẻ thù vạn đại ? . Lúc đó tâm nhìn của ta về những gì đã xảy ra cho đất nước trong hơn 60 năm qua theo cách thực tiễn hơn , đúng hơn , ta sẽ bớt chổng đời nhau về những chuyện thật vớ vẩn .

Câu hỏi quan trọng nhất là “ chúng ta quan niệm thế nào về chính trị ? ” . Tuyệt đại đa số trí thức ta thời cận đại đều nghĩ rằng : “ chính trị là đấu tranh giành lấy quyền lực chính trị từ tay ngoại xâm , đấu tranh với các thế lực chính trị khác để nắm lấy chính quyền , rồi áp đặt chủ trương của mình trên quy mô cả nước , quyền lợi được chia xẻ cho những người cùng phe cánh như phương tiện để củng cố quyền lãnh đạo càng lâu càng tốt . ” Ý đồ như vậy được Đảng CS kiên quyết chủ trương ; các chính đảng khác tuy không công khai nói ra , nhưng thực tế cũng hành động y hệt như vậy . Từ nhận định sai lầm này , ta vẫn một mực không đổi thay chủ trương hay đường lối khi tình hình đã thay đổi theo hướng khác : “ theo cách làm chính trị hiện đại được Văn Minh Âu Mỹ khám phá ra và đặt nền tảng cho nền chính trị hiện đại với các cách tổ chức xã hội cũng như hành xử trong bang giao quốc tế hiện hành , cũng như chiều hướng mà thế giới đang đi vào Toàn Cầu Hóa “

Đấu tranh giành độc lập thời thuộc địa , cùng lúc với hai kẻ thù là Thực Dân Pháp cũng như Tàu vẫn hằng tồn tại hàng ngàn năm qua . Chúng ta nhìn thấy kẻ thù trước mắt là Pháp mà quên hẳn kẻ thù sau lưng là Tàu vẫn hằng hiện diện bên trong nước ta , trong lòng mỗi người dân ta . Các phong trào Cần Vương , Đông Du cũng như các chính đảng được thành lập trên dưới 70 năm qua đều thể hiện đường lối ấy . Chiến tranh Lạnh phát khởi trên quê hương từ sau năm 1945 cho đến nay được thực hiện theo kiểu khác quá phức tạp và bí mật , được điều phối bởi nhiều trung tâm quyền lực cùng tranh giành ảnh hưởng trên quy mô toàn cầu . Do vậy chúng ta , kẻ cả Đảng CS , cũng chỉ là bung sung thi hành đường lối của thế lực này hoặc thế lực kia mà thôi . Trong điều kiện như vậy thì mâu thuẫn giữa nhân dân , tổ chức chính trị ngày càng chòng chành .

Thật rất hiếm ai hiểu được đằng sau tất cả các diễn biến ấy là gì ? hướng chuẩn bị cho đất nước ta cũng như cho một số quốc gia trong vùng Đông Nam Á trong tương lai hiện được quyền lực thế giới âm thầm chuẩn bị ra sao ? trong kế hoạch lâu dài đó các chuẩn bị cho các vùng khác nhau trên thế giới sẽ như thế nào ? các chuẩn bị của thế giới về khoa học kỹ thuật , luật pháp toàn cầu , kinh tế tài chánh , giáo dục , môi sinh , chính quyền toàn cầu , quân sự sẽ như thế nào ? Ngày nay nếu không biết được các điều đó ta không thể làm chính trị hiện đại được . Vì ta hoàn toàn không có khả năng dự kiến tương lai lâu dài của thế giới , ta dễ hành động sai lạc không đồng bộ và thống nhất , lực nọ chỏi lực kia , cuối cùng ta chẳng thể đi vào siêu xa lộ toàn cầu hóa được . Ta lại rơi ngay vào tình trạng của một đất nước thất bại (failed nations) như Haiti , Afghanistan hiện nay .

Để cố tránh những thất bại mà những người đi trước đã vấp ngã , đứng ra trong gần 35 năm sống tại hải ngoại , trí thức VN đã phải tiến hành nhiều chuẩn bị âm thầm và rất ráo

mang tính căn bản nhằm xây dựng một đội ngũ những nhà chính trị VN hoàn toàn mới đủ tầm nhìn toàn cầu , am tường thập bát ban võ nghệ , kết hợp trong một tổ chức hữu hiệu kín đáo để làm rường cột cho đất nước trong tương lai rất gần tới đây . Trí thức VN nói chung đã thất bại trong kế sách sâu rộng như vậy . Những bài viết ngắn , hay hồi ký của những người đứng đầu hoàn toàn không đủ sức tạo dựng được hẳn một tầng lớp trí thức trẻ như vậy ; ấy là chưa kể đến việc xuất hiện đầy dẫy những kiểu nghiên cứu dỏm , chỉ biết dựa vào những tài liệu đã được sửa chữa (modify) cho hợp với yêu cầu của người đặt hàng thuộc đủ mọi phía . Chính trị gia của ta nói chung thích mị dân (như hầu hết các nước Nam Mỹ hiện nay) mà hoàn toàn không dám hoặc không biết đến tầm quan trọng của việc “lãnh đạo dân” .

Lãnh đạo và cai trị khác nhau , cai trị dễ hơn so với lãnh đạo . Một nhà chính trị lỗi lạc là nhà lãnh đạo lỗi lạc . Quốc gia nào cũng không có nhiều nhà lãnh đạo lỗi lạc đâu , nên cần hình thành hẳn một cơ chế vững chắc có khả năng tổng hợp được các suy nghĩ sâu sa nhất của những người mẫn tiệp nhất của quốc gia . Đặc trưng của xã hội hiện đại là : “tránh tối đa sự lệ thuộc vào một cá nhân trong mọi sinh hoạt xã hội “ . Một quốc gia hay chế độ dù được mô tả mỹ miều như thế nào đi nữa , nhưng xã hội ấy lệ thuộc vào một người , hoặc chỉ một hướng suy nghĩ duy nhất độc tài (như Tàu , Iran , Venezuela hiện nay chẳng hạn) đều là các xã hội hàm chứa trong lòng nó các bất ổn , tất yếu sẽ dẫn đến phân rã .

Như thế , ta cần nghiêm chỉnh đặt lại các quan niệm về chính trị theo lối mới (với ta nhưng đã quá cũ với thế giới) ; dựa trên những tiêu chuẩn mà thế giới đang đi , mà thực ra thì đó cũng là kết quả của cả quá trình đấu tranh muôn đời của con người .

Chúng ta cần biết thấu đáo kế hoạch xây dựng lại thế giới trong cả trăm năm phía trước , dĩ nhiên là càng xa bao nhiêu thì viễn kiến càng tổng quát bấy nhiêu . Từ viễn kiến tổng quát ấy , các thế hệ sau sẽ cập nhật hóa dựa trên các diễn biến của tình hình cũng như các khám phá khoa học mới nhất để cập nhật hóa và hoàn chỉnh thông qua các kế hoạch chuẩn bị cụ thể cho từng thời kỳ nhất định như bốn hay tám năm , hoặc 20 năm trước . Các dự kiến như vậy , trong giai đoạn đầu có thể chưa hoàn toàn chính xác , nhưng nếu biết tổ chức và biết tự hoàn thiện thì dự kiến ngày càng trở nên chính xác hơn . Chúng ta không sợ ước tính sai , vấn đề là dám đưa ra ước tính cho trăm năm sau để các thế hệ sau có căn bản để bổ sung nhờ các dữ kiện mới nhất mà họ thu thập được . Thế giới họ cũng chẳng vội vã gì mà cung cấp cho ta ngay các bí ẩn khi họ chưa thử thách trí tuệ cũng như khả năng tổ chức của ta . Do thế , mọi hoạt động của ta hôm nay , ngay từ lúc khởi đầu của tiến trình xây dựng , cần phải đi đúng với chiều hướng mà toàn cầu đang đi .

Thế giới này còn nhiều khó khăn tương như không thể vượt qua được , thực tế không phải như vậy . Các khó khăn hiện nay đã được dự kiến từ rất lâu rồi , đã được dàn dựng dựa vào đặc trưng lịch sử của Á Châu từ Trung Hoa đến Tiểu Á , với các mâu thuẫn trầm kha do lịch sử hàng mấy ngàn năm của toàn vùng để lại . Việc giải quyết phải được thực hiện toàn diện theo đúng hướng chuyển dịch của các trung tâm văn minh là từ đông sang tây đúng như lịch sử loài người đã để lại . Do thế , ta không có gì để phải âu lo thái quá về những diễn biến trong nước hiện nay , ta cũng chẳng có gì để cứ giữ mãi trong lòng ký ức về thời kỳ đen tối đã qua mà nhiều người Việt dù thuộc phe nào đã phải chịu (việc này

về phương diện tâm lý xã hội , ta nhìn nhận) . Quan trọng nhất bây giờ là ta cần hình thành một quan niệm thật mới mẻ về chính trị .

a – Chính Trị là tôn giáo có sứ mệnh phục vụ con người với tính cách là người .

Tôn giáo là sản phẩm của con người xuất hiện cùng với con người nhằm cố giải thích điều mà con người không thể giải thích được . Mỗi tôn giáo đều xuất hiện như đáp ứng với một số điều kiện khách quan khác nhau trong một vùng nhất định nào đó , sau đó lan tỏa theo đà tiếp xúc giữa người với người , hoặc bằng thương mại nhưng thường thì bằng quân sự . Tôn Giáo như vậy cũng có đóng góp vào những thời điểm khác nhau trong nỗ lực thúc đẩy đà thống nhất nhân loại về một mối , nhưng tôn giáo cũng để lại lắm tai hại cho con người . Ngày nay trước đà khám phá khoa học ngày càng sâu rộng , mọi tôn giáo nếu không biết cách trở về với cái gốc “ NGƯỜI “ đều phải đối diện với sự tan rã tự nhiên (cuộc gặp giữa Ông Gorbachev và Đức Giáo Hoàng John Paul II đã nói rõ việc ấy) . Như vậy chiều hướng hợp nhất tôn giáo cũng chỉ có thể thực hiện được xung quanh “con người “ mà thôi . Bỏ con người ra , tất cả đều vô nghĩa (Cụ Lý Đông A đã nói rất sớm về vấn đề hệ trọng này của nhân loại từ hơn 60 năm trước) . Nhà khoa học chuyên về vật lý địa cầu là Stephan Hawking đã phát biểu trong buổi hội thảo tại Rome có sự hiện diện của Đức Giáo Hoàng là : “ vũ trụ hoàn toàn có thể tự duy trì , không có bờ bên , không có khởi đầu và kết thúc , và nếu thực sự như vậy thì làm gì có chỗ đứng cho đáng sáng tạo “ . Lời phát biểu của Stephan Hawking thực ra muốn nhắm vào thế giới Hội Giáo , vì Giáo Hội La Mã thực tế đã chia sẻ quan điểm này từ lâu rồi khi Giáo Hội nói rõ : sự xuất hiện của người ngoài trái đất không đi ngược lại với Giáo Lý của Giáo Hội .

Con người với tất cả cái thiện cái ác cùng tồn tại song hành , nên không thể chỉ lấy cái thiện do tôn giáo đề ra để hủy diệt cái ác được , vì khi đó cái ác lại xuất hiện dưới một dạng khác ; mà thực ra thì quá nhiều tôn giáo đã lợi dụng cái ác để hủy diệt con người nhân danh niềm tin tôn giáo . Do thế , nhân loại cần trở về với gốc ĐẠO là vậy . Phật Giáo , Jainism , Brahmins , Công Giáo dù La Mã hay Tin Lành , Hồi Giáo dù Sunni hay Shia đều phải trở về với gốc đạo làm người cả . Lịch sử đã chứng tỏ rằng tôn giáo thất bại trong việc hoàn thiện con người ở những mức độ khác nhau khi không giải quyết được nhu cầu sinh sống hàng ngày của con người . Chính nhu cầu sống đó là đầu mối của chiến tranh tàn phá giữa các chủng tộc cũng như giữa những nền văn minh với nhau . Cho nên tại Bách Việt Hoa Nam , sau này Hán bắt chước khi hình thành Khổng Học , thực ra không có tôn giáo , chỉ có Đạo Học thôi . Đạo Học bàn sâu xa về vị trí của con người trong cấu trúc xã hội lý tưởng . Nhưng Đạo Học không có người kế thừa đủ trí tuệ một phần vì không có điều kiện tiếp xúc với văn minh khác nên bị suy tàn trước đà tấn công của Khổng và Phật Giáo trong dân gian .

Các tranh chấp giữa các thế lực cầm quyền Âu Châu đã mở ra một chiều hướng mới : “ đó là thực hiện được một hệ thống xã hội dựa vào các nguyên tắc mà Đạo Học và các học giả Hy Lạp cổ đại đã đề ra : “ ĐÓ LÀ DÂN CHỦ “ kết hợp với các khám phá ra hệ thống “ THỊ TRƯỜNG TỰ DO “ dựa vào các quan sát của lịch sử Trung Đông , Địa Trung Hải (trường phái triết học Đức vào thế kỷ 19 , chủ yếu dựa vào các khám phá của Bách Việt như Dịch Lý , Đạo Học , được trình bày theo kiểu Phương Tây) . Dĩ nhiên các khiếm khuyết của xã hội tiền tư bản rất nhiều , nhưng xã hội phương tây biết cách tự điều chỉnh

, tự hoàn thiện . Các cuộc đấu tranh giữa Giáo Hội La Mã với thế lực ngầm đứng sau các cải cách ấy ở Âu Châu cũng dữ dội lắm , và chỉ ngã ngũ mới đây thôi liên quan đến thế giới mới . (hội kín Free Mason , cao trào đòi cải cách được lãnh đạo bởi John Calvin năm 1536 khi ông viết cuốn The Institutes of the Christian Religion tại Geneve , cùng hội kín Cựu Dòng Tên) .

Các chế độ vua chúa đông tây thực ra không lãnh đạo mà là cai trị . Thế giới cần có lãnh đạo mới đem lại đời sống ấm no cho con người được , mới chấm dứt chiến tranh được , mới khôi phục môi sinh được . Những việc phức tạp như vậy , tôn giáo không làm được , nhân danh chủ nghĩa quốc gia còn dẫn đến thất bại lớn hơn . Sự kết hợp thần quyền với thế quyền như Hội Giáo đã làm cũng hoàn toàn thất bại . Như vậy , con đường duy nhất chính là “ Hoàn thiện khoa học chính trị dẫn đến việc hoàn thiện xã hội loài người nhằm mục đích tối hậu là đem lại cuộc sống ấm no cho tuyệt đại đa số con người trong điều kiện có thể được , đồng thời định đặt lại các giá trị làm người dựa trên nhân quyền , dân chủ , tự do “ . Dĩ nhiên sẽ chẳng bao giờ có một xã hội tuyệt đối lý tưởng như ước mơ , vì con người sinh ra vốn đã hàm chứa các khác biệt nhất định về sức khỏe , trí thông minh cũng như cơ hội ; xã hội hiện đại ít ra có khả năng đem lại các sự đăi ngộ tương đối công bằng trong điều kiện có thể được . Thực ra khi con người đạt đến một trình độ cao nào đó thì của cải vật chất hầu như giảm hẳn giá trị , thay vào đó là ước mong phục vụ con người theo cách có thực chất . Chủ nghĩa quốc gia mau chóng lỗi thời để vĩnh viễn thay thế bằng chủ nghĩa quốc tế là vậy .

Như thế cả thế giới này cần lãnh đạo , mọi quốc gia hay khu vực liên quốc gia hoặc văn hóa đặc thù cần được lãnh đạo theo quy luật tiến hóa khách quan và khoa học , chứ không phải dựa vào các lời nguyện cổ xưa do lịch sử từng quốc gia để lại (như Hội Giáo cực đoan hoặc Tàu) . Thế lực lãnh đạo này thực tế được hình thành bởi Hội Kín bốn thế kỷ trước , nay đủ sức phát huy tác dụng để đặt căn bản cho việc xây dựng lại thế giới mới .

Hội Kín Free Mason thực sự quan niệm chính trị là tôn giáo làm người , có mục tiêu tối hậu là phục vụ con người chẳng phân biệt màu da , chủng tộc hay tôn giáo . Nhờ quan niệm hiện đại như vậy về thế giới , nhờ biết thực tiễn trong việc củng cố và xử dụng sức mạnh , nên họ đã trực tiếp hay gián tiếp giải quyết tận căn gốc nhiều bất ổn do lịch sử phương tây để lại . Thời điểm này chính là lúc họ giải quyết các bất ổn do lịch sử Á Châu để lại , để dẫn đưa nhân loại vào văn minh mới .

Như vậy với đất nước ta , muốn xây dựng lại trên căn bản mới . “ DỨT KHOÁT TA CŨNG PHẢI QUAN NIỆM CHÍNH TRỊ NHƯ TÔN GIÁO LÀM NGƯỜI “ . Đó là con đường thế giới đang đi , biết theo nguyên tắc ấy , ta đủ khả năng đi vào siêu xa lộ toàn cầu hóa .

b – Cần hình thành Ban Lãnh Đạo , Ban Tham Mưu cho Quốc Gia .

Thời xa xưa , vua thay trời lãnh đạo và cai trị muôn dân theo khuôn thước do Khổng đã vẽ ra , do Hán cố tình áp đặt lên dân ta . Như thế ta đâu có lãnh đạo đích thực , mọi khuôn thước đều do Hán đặt định cả , ta chỉ modify sao cho phù hợp với mỗi thời kỳ khác nhau của lịch sử mà thôi , thế mà xã hội thì thay đổi liên tục không bao giờ ngưng nghỉ . Xã

hội ta bị khủng hoảng nghiêm trọng khi văn minh cơ khí phương tây xuất hiện , các trí thức cũ cũng như mới bị lạc lối không tìm ra lối thoát , nên mạnh ai nấy cứ ca tụng ông này ông nọ , học thuyết này học thuyết kia , mà chẳng biết rằng các học thuyết ấy chỉ đánh dấu một đoạn kỳ của lịch sử mà thôi . Tuyệt đối không thể đúng tự bản vị của chính học thuyết ấy được . Không một học thuyết nào kể cả tôn giáo vĩnh viễn đúng , tất cả chỉ là tương đối ; nên người học cần theo chủ trương Pragmatism trong cách thức suy nghĩ , đánh giá để nhìn thấy rõ bản chất thực của vấn đề . Các cách vận hành của tư duy con người hiện đại ngày càng trở nên rất phức tạp và dễ thay đổi , người học cần dựa vào những bài học lịch sử từ cổ chí kim , từ đông sang tây để rút tĩa ra những bài học bổ ích . Vận mệnh của xã hội hiện đại tuyệt đối không thể giao phó cho một vài cá nhân trách nhiệm toàn diện được , nên xã hội hiện đại không tuyệt đối tin một ai . Do thế , cần một hệ thống kiểm soát chéo nhau rất phức tạp để bảo đảm rằng mọi cá nhân trong mọi tổ chức xã hội phải hoàn thành trách nhiệm được giao phó , không được lạm dụng , chẳng có ngoại lệ .

Lãnh đạo thực ra muốn nói đến viễn kiến về tương lai , được thể hiện qua các kế sách cụ thể từng giai đoạn . Xã hội hiện đại coi mọi tổ chức của xã hội (như đảng chính trị ,tôn giáo , hay các công ty ...) đều là các bộ phận khác nhau làm xương sống cho xã hội . Nên xã hội có trách nhiệm với các định chế ấy để bảo đảm rằng các định chế ấy đều hoạt động hài hòa . Như vậy việc lãnh đạo xã hội cũng là do các định chế ấy cùng góp sức mà xây dựng , bởi vì viễn kiến ấy giúp cho xã hội tránh các bất trắc phía trước , điều phối các bất đồng , san sẻ các thành quả đến với từng khối quần chúng mà mỗi định chế ấy đại diện . Như thế , lãnh đạo xã hội nói đến ở đây không phải là áp đặt ý chí của phe nọ đối với nhóm kia , mà là một tiến trình tổng kết các đánh giá khôn ngoan nhất của các trí thức mẫn tiệp nhất đại diện cho đủ mọi thế lực trong xã hội . Thường các trí thức ấy đứng hẳn ngoài quyền lực của từng thế lực riêng lẻ , họ giữ được tinh thần khách quan trong đánh giá ; mất tính khách quan đánh giá thường dẫn đến sai lầm , tổ chức nào cũng phải tránh tối đa (Đảng CS phạm lỗi này rất nặng) . Nhưng để tự do quá sẽ dẫn đến tình trạng vô chính phủ , vô kỷ luật , như đã xảy ra ở Miền Nam trước đây ; việc này cần tránh ngay .

Bất cứ quốc gia nào phát triển trong ổn định trong mọi lãnh vực trong lâu dài đều là quốc gia có lãnh đạo cả , quốc gia thất bại là quốc gia không có lãnh đạo . Hội Kín tồn tại lâu dài mặc cho biết bao trào lưu tư tưởng hay chế độ chính trị đã qua đi , mà hội kín vẫn âm thầm tồn tại và không ngừng phát triển là do sự lãnh đạo rất vững chắc như kiêu của một tôn giáo làm người là vậy . Các hội viên khi gia nhập phải tuyên thệ tuyệt đối trung thành với nguyên tắc của hội là phục vụ con người , vì con người có tồn tại thì hội kín mới tồn tại được . Cho nên cấp thấp phải tuân thủ quyết định của cấp cao hơn trong tinh thần kỷ luật tuyệt đối . Kỷ luật là sức mạnh ; nhưng mọi cấp trong cấu trúc phức tạp ấy đều phải trải qua rất nhiều thử thách về trí tuệ , thông minh , đạo đức . Các cấp thấp hơn được thuyết phục bởi hệ thống mà mọi người đều có cơ hội đóng góp ý kiến của mình một cách dân chủ , được tôn kính ; mặt khác cũng do quá trình thuyết phục bằng các dự kiện khách quan nhất để hình thành các kế hoạch hành động luôn được chứng nghiệm là đúng trong thực tế lâu dài hàng mấy trăm năm tồn tại của hội kín ; dĩ nhiên , cũng còn phải kể đến biện pháp kỷ luật gắt gao trong nội bộ hội nữa .

Đối với một đất nước đã trải qua chiến tranh lâu dài , chưa hề được lãnh đạo thực sự theo tinh thần khoa học bởi những bộ óc mẫn tiệp nhất trong xã hội , thì việc hình thành một Ban Lãnh Đạo trở thành một nhu cầu rất cấp bách hiện nay . Chúng ta có những người trí thức mẫn tiệp vẫn xuất hiện trong từng thời kỳ khác nhau , nhưng không có khả năng kết hợp trong một tổ chức tồn tại lâu dài để củng cố sức mạnh đủ sức lãnh đạo đất nước trong đường dài . Thiên tài cực kỳ hiếm hoi trong bất cứ xã hội nào , tuyệt đại đa số rất bình thường ; chỉ số thông minh của dân Việt , theo đánh giá riêng , nhìn trong tổng thể cao hơn nhiều sắc dân khác , nhưng sức mạnh tập thể của dân Việt lại rất thấp so với các sắc dân khác . Đó là điều ta cần lưu ý . Ai cũng phải trải qua học hỏi mới thành tài được , phải ở trong một tổ chức vững mạnh mới phát huy được trí tuệ , mới có cơ hội đóng góp tích cực cho đất nước và xã hội . Do thế , một Ban Tham Mưu cho quốc gia cần hình thành ngay bên cạnh Ban lãnh Đạo Quốc Gia , có nhiệm vụ nghiên cứu và đề ra các sách lược lâu dài cho dân tộc , lãnh đạo quần chúng đi theo các kế sách đã được các thế lực chính trị chính yếu thông qua nhân danh quyền lợi của đất nước phù hợp nhất với tình hình dựa vào các dữ kiện chính xác nhất được nhật tu liên tục . Như vậy các trí thức đầu sỏ thất nghiệp , chỉ sỏ không đủ sức để trở thành trí thức mà thôi .

c – Cần duyệt lại toàn diện lịch sử .

Quốc gia nào cũng vậy luôn có những bí mật không thể phổ biến rộng rãi cho dân chúng được , nhưng người lãnh đạo các định chế chính của xã hội phải được chia sẻ đầy đủ . Các bí ẩn chính trị cũng như lịch sử các quốc gia khác cũng như của chính ta , thậm chí cả quan hệ cá nhân , thường xuất hiện như những tin tức tình báo tối mật phải chia sẻ cho các cấp lãnh đạo các định chế xã hội . Đó là một nguyên tắc bất thành văn trong xã hội dân chủ , để lúc nào cũng sẵn sàng các chính phủ thứ hai hoặc thứ ba trong hậu trường chính trị . Một người làm phải có nhiều người quan sát đánh giá liên tục nhằm bảo đảm rằng người ấy không thể phạm bất cứ lỗi lầm nhỏ nào được .

Thống nhất lòng dân bằng cảnh sát là cách thống nhất lòng dân tồi tệ nhất , luôn dẫn đến thất bại cũng như sáo trộn , cái giá phải trả lớn lắm . Chế độ CS trong nước hiện nay , thực tế đã được chuyển hướng trong gần 35 năm qua rồi , ấy thế mà hệ lụy còn nặng nề như vậy . Nếu không có sự chuyển hướng , được định bởi thế lực khác mà người Việt không thể hay biết , thì kết quả chả khác gì với Bắc Triều Tiên bây giờ (VN và Bắc Triều Tiên khác nhau là vậy) . Trong đường dài , thống nhất lòng dân là cả một tiến trình dài có phối hợp hoạt động của mọi ngành trong xã hội ; điều đó cũng khá giống với quá trình thuyết phục vậy . Cái ăn cái mặc phải đi trước song song với quá trình mở mang trí tuệ cho người dân , nhưng đừng bao giờ quên rằng đe những kẻ lợi dụng sẽ xuất hiện rất nhiều trong lúc giao thời (vì xã hội Cộng Sản nói chung chỉ biết dựa vào phản trắc , vào đe dọa để biến con người hiền lương thành đa số những người không tử tế , tôi hy vọng ngày nay số người tử tế đang gia tăng trong nước so với trước đây) .

Như đã trình bày trong phần trên , dân tộc ta tuy rất thống nhất về ngôn ngữ , chữ viết cũng như chủng tộc , nhưng chúng ta đã đánh mất lịch sử rất nhiều nên dẫn đến các sự giải thích lịch sử rất sai lạc , đó là mối đe dọa lâu dài đối với an ninh quốc gia . Điều này giải thích tại sao chúng ta đã không dám hành động quyết liệt khi phải đối diện với các đối thay của tình hình , vì chúng ta cứ lẩn tránh về mặt văn hóa giữa Tàu và Ta . Bây giờ

chính là lúc ta cần dứt khoát trút bỏ các suy nghĩ cổ thời ấy . Văn minh nhân loại là một thể thống nhất bắt nguồn từ ta , ta chẳng có gì phải e dè đối với văn minh thế giới hiện đại cả . Tôn giáo sẽ đổi thay cho hợp với xu hướng mới của thế giới , ta chả có gì phải e ngại tôn giáo này nọ , mà thực ra thì mọi tôn giáo đều trở về nguồn thôi ; đó chính là Đạo Học Bách Việt , khi văn minh đã đi hết một vòng để trở thành văn minh Liên Hành Tinh (civilization interplanetaire) .

Do thế , ta cần thống nhất tầm nhìn về lịch sử nhân loại cũng như lịch sử đất nước , dựa trên sự giải thích khoa học đã được phát hiện trong khoảng 40 năm trở lại đây . Các nỗ lực hiện nay vẫn chưa thực sự đủ tầm cỡ . Việc duyệt lại lịch sử đòi hỏi hình thành hẳn một Ủy Ban Quốc Gia để làm công việc vĩ đại này , vì lịch sử mà ta nói đến ở đây bao gồm cả lịch sử văn minh thế giới mà từ trước đến nay trí thức ta không nắm vững , đến lịch sử văn minh Toàn Việt nữa . Chúng ta phải viết lại hết trên căn bản mới , để chỉ có một lịch sử đối với mọi con dân nước Việt mà thôi , tuyệt đối không có ngoại lệ được chấp nhận . Và lại , thời cận đại vẫn còn một số bí ẩn lịch sử chưa thể công khai phổ biến vì tính cách tế nhị khác nhau , thậm chí ta cũng không muốn gây thêm chia rẽ trong dân tộc . Đối với các cuốn sử đã viết và phổ biến dù bởi bất cứ ai , bất cứ chế độ nào cần được gấp rút duyệt lại toàn diện , nếu thấy quá sai với chủ trương cũng như quyền lợi của quốc gia cần thấu hồi hết , không thể khoan nhượng . Mọi sách sử được viết sau này bởi các nhà chính trị hay các giáo sư mọi cấp đều phải thông qua Ủy Ban Thẩm Định bằng vào thuyết trình của chính tác giả trước khi được chấp nhận cho phát hành .

Xin đừng nói tôi khó khăn , mọi quốc gia có chủ quyền , được lãnh đạo vững chắc đều làm như vậy cả . Đối với nước Mỹ quy luật này còn gắt gao hơn thế nữa , bất cứ ai nếu vi phạm luật Omerta (tức là luật im lặng trong tình báo) một cách nghiêm trọng đều có thể phải trả giá rất nặng nề . Kỳ luật quốc gia phải tuyệt đối tuân thủ , không ngoại lệ nào cả , ta đã thấy nhiều người Mỹ tự nhiên biến mất khỏi công chúng là vậy . Với nước Pháp vốn tự do quá mức như truyền thống của họ , nhưng xin hãy xem cuốn hồi ký của Cựu Đại Sứ Pháp tại Sài Gòn trước năm 1975 bị thấu hồi ngay sau khi phát hành là đủ thấy .

Như thế , không phải cứ ai có bằng cấp là tự nhiên họ phải ngồi trong Ủy Ban Quốc Gia đặc trách về Lịch Sử , vì ngoài trí tuệ hiểu biết sâu rộng về lịch sử đông tây , họ còn phải có lòng yêu nước chân thành vượt hẳn ra ngoài các giới hạn phe nhóm , dám suy nghĩ lớn , biết nhìn xa trông rộng nữa mới được , vì quá nhiều bí mật được trình bày trong Ủy Ban Quốc gia duyệt xét lịch sử .

d – Cần đào tạo hẳn một lớp trí thức mới .

Sau khi thu hồi độc lập từ tay Hán vào cuối thế kỷ 10 , nước ta trải qua giai đoạn tranh dành quyền lực sứ quân dưới thời Ngô Quyền (936-945) sau đó là thời vua Đinh Tiên Hoàng cùng với nhà Tiền Lê với vua Lê Hoàn kéo dài đến năm 1010 , thì nhà Lý lên ngôi tồn tại đến năm 1223 , nhà Trần (1225-1399) , nhà Hồ (1400-1406) , nhà Minh đô hộ (1414-1427) ; sau đó là nhà Hậu Lê cai trị lâu dài nhất trong lịch sử nước nhà cho đến khi vua Quang Trung thống nhất Nam Bắc về một mối sau khi chiến thắng quân Thanh năm 1789 ; nhưng cũng chỉ tồn tại được trong thời gian ngắn ngủi trước khi nhà Nguyễn Gia Long lên ngôi năm 1802 . Kể từ 1862 thì đất nước bị Pháp đô hộ từng phần , sau đó

bằng hòa ước Patenotre năm 1884 Pháp đô hộ cả nước , ba miền với ba chế độ cai trị khác nhau .

Mỗi giai đoạn khác nhau của lịch sử xuất hiện nhân tài cứu nước khỏi họa ngoại xâm phương bắc , việc này được ghi nhận tương đối chính xác . Nhưng thời Hán xâm lăng cai trị đồng hóa nước ta , thời kỳ tổ tiên ta còn trụ vững tại Hoa nam và phát khởi văn minh nông nghiệp đầu tiên trên trái đất này , lịch sử ta và Hán quyện lại với nhau . Hán quyết diệt văn hóa của ta như kế sách đồng hóa lâu dài và toàn diện , nên lịch sử lâu dài của đất nước ta trong thời kỳ rất dài này bị tẩy xóa nham nhở thật khó nhìn thấy cái nào của ta , cái nào của Hán ; mà Hán thì nói : cái gì cũng của Hán hết thấy .

Khách quan kiểm điểm lại lịch sử cả dòng tộc Bách Việt xuất hiện trên 15,000 năm trước tại Liujiang (Quảng Đông ngày nay) là khó khăn lớn đối với quá khứ quá lâu dài , nhưng ngày nay nhiều khám phá tại Trung Tâm Đông-Tây tại Hawaii , vì lý do tế nhị liên quan đến ngoại giao giữa Mỹ với Trung Cộng nên chưa được công bố công khai . Hy vọng trong mười năm tới , Hawaii sẽ công bố nhiều khám phá ngoạn mục , lúc đó việc truy tìm cội nguồn lịch sử dân tộc sẽ được sáng tỏ hơn .

Ngay lịch sử nước ta từ thời nhà Lý trở lại đây , chúng ta vẫn chưa đánh giá thẩm định đầy đủ về chính lịch sử của mình để dạy cho các thế hệ con cháu sau này biết thực sự sâu rộng về chính lịch sử của đất nước . Càng sau này , bí ẩn lịch sử càng nhiều hơn ; hiện rải rác tại quá nhiều nơi trên thế giới như Madrid , Lisbonne , Roma , Paris , Hoa Thịnh Đốn ...Hầu như việc tiếp cận những nguồn sử liệu ấy của người Việt nói chung chỉ là rải rác thường do tình cờ khi các nơi ấy bạch hóa một phần nào đó kho sử liệu của họ mà thôi . Thế mà đối với khoa sử học , chỉ biết một vài sử liệu do một nguồn nào đó cung cấp , thực ra chưa phải là biết sử . Lịch sử nước nhà trong hơn 60 năm qua , không một ai nắm vững , vì những gì xuất hiện trên mặt nổi đều chưa hẳn là sử đích thực . Cho dù ông Mc Namara viết đi nữa cũng không thực sự đúng , vì ông viết theo đơn đặt hàng , các tác giả khác vẫn bị kiểm duyệt rất chặt chẽ . Do thế , muốn biết sử gần đúng với sử đích thực , cần hình thành sử quan trên quy mô toàn cầu (tức là lịch sử văn minh nhân loại) , cần nắm vững quy luật chính trị trong các toan tính chiến lược của mỗi phía đứng dàn dựng phía sau . Trên căn bản đó , ta biết ý đồ chiến lược của mỗi phía thông qua các hành động cũng như các phát biểu của các phía liên quan đến cục diện nước ta hay bất cứ quốc gia nào khác trong quá khứ , hiện tại cũng như tương lai xa gần . Không am hiểu , nắm vững chìa khóa này của sử , chưa thể mở cánh cửa của sử được , ta vẫn là người xa lạ với sử của dân tộc ta . Các sách sử do một số người Việt viết về sử cận đại chưa thể được coi là sử thực , chỉ mới là các mảnh vụn của sử mà thôi .

Trở lại xa hơn chút nữa về sử nước ta dưới thời Vua Quang Trung , Vua Quang Trung đánh quân Thanh như thế nào ? các trận Ngọc Hồi , Vạn Kiếp được ghi lại như cách mô tả trận đánh mà thôi (đó là lịch sử dành cho dân gian) . Người được gọi là sử gia hay chính trị gia cần phải biết cái gì đằng sau chiến thắng ấy như : nhà vua chuẩn bị lực lượng hải quân , tinh báo , ém quân ở lại Miền Bắc ra sao , vai trò của nhóm cựu nhà Minh trong việc nắm giữ đường dây buôn bán dọc duyên hải nước ta xuống đến Đông Nam Á sang đến Phi Luật Tân ra sao (lúc đó Manilla rất giàu có nhờ buôn đồng bạc Mễ Tây Cơ , do nhóm nhà Minh này chi phối) . Trận đánh tan 50,000 quân Xiêm La (Thái Lan ngày

nay) ở Soài Rệp Mỹ Tho xác định nhận định đó . Sử gia phải biết tường tận các ý đồ chiến lược của nhà Vua , khi đó mới đánh giá đúng tầm nhìn của nhà Vua với tính cách là nhà quân sự đại tài (Nguyễn Gia Kiểng đã có ý khinh thường khi chỉ nhìn thấy các tướng của Vua Quang Trung đều mang danh hiệu Đô Đốc cả , để vội đi đến kết luận là các tướng của nhà Vua đều mang tính thảo khấu , nên bị nhà Thanh gọi là giặc) . Có ai đặt ra vấn đề cái chết của Vua Quang Trung quá bất ngờ , con là Quang Toản cũng yếu mệnh hay không ? Theo tin ghi nhận thì Càn Long nhà Thanh tặng vua Quang Trung áo cẩm bào có chứa thạch tín (cyanure) , vua Quang Trung thực tế bị nhà Thanh đầu độc , con là Quang Toản cũng bị lây Thạch Tín nên chết sớm . Trình bày thêm điều này để các thế hệ sau lấy đó làm gương . (dường như ông Trần Đại Sỹ có biết việc này) .

Đi sâu nữa vào lịch sử , ta lại thấy thật rõ là sức chống đỡ của dân ta với bắc phương dưới thời nhà Lý nhà Trần rất mạnh về văn cũng như võ . Vào thời điểm ấy ảnh hưởng của văn minh Bách Việt còn đủ mạnh để tạo nền tảng cho xã hội ta qua các thiền sư như Vạn Hạnh , hoặc Thiền Phái Trúc Lâm đời Trần , kết hợp với sức mạnh quân sự đặc biệt nhắm vào lực lượng hải quân (Hoàng Tử Lý Long Tường đến Triều Tiên khi nhà Lý bị nhà Trần chiếm ngôi) . Sau Lý , Trần sức mạnh văn hóa của ta từ từ suy giảm do ảnh hưởng của Phật và Khổng gia tăng (Phật Giáo Lý Trần chỉ là vỏ bọc bề ngoài mà thôi , thực chất là sức mạnh do Thiền Tông chi phối cả hai triều đại ấy) . Đến triều Lê và sau đó , dân ta xem ra có vẻ như bạc nhược hơn so với quá khứ dưới thời Lý , Trần . Thực cũng chẳng lạ khi Hán cũng cố Phật Giáo Đại Thừa đem vào nước ta cũng như Hoa Nam như phương tiện tinh thần ru ngủ ý chí phấn đấu chống Hán trong lòng dân ta . Chúng đã thành công một phần trong ý đồ xâm lăng mềm này ; như Đức Phật hay Đạo Sư Mahavira thành lập Jainism nói chung chủ trương bất bạo động bên Ấn Độ vậy , để thành phần thiện nhân bên Ấn Độ tiếp tục cúi đầu chịu chấp nhận thân phận thiện nhân của mình . Nhưng khi vua Ashoka biến Phật Giáo thành Quốc Giáo tại Ấn Độ thì ông bị cánh Brahmins chống đối quyết liệt , đến nỗi Phật Giáo bị đánh bật gốc rễ tại Ấn Độ . Ashoka đã đi quá xa trong các tranh chấp về tôn giáo tại đây .

Đến thời nhà Nguyễn Gia Long , Tổng Nho cường thịnh tại nước ta trong khi suy tàn tại Tàu . Sĩ phu ta trở nên mất tinh thần hơn so với quá khứ là thế . Người Mỹ khi nói :” Sĩ Phu Bắc Hà đã chết từ thời Hậu Lê “ quả không sai (cứ hỏi Richard Armitage Phó Bộ Trưởng Ngoại Giao dưới thời Ông Bush nhỏ thì rõ) .

Trí thức thời cận đại của ta thế nào ai cũng đã biết , chúng ta cũng sản sinh được lắm nhân tài so với các lân bang kể cả Hán ; nhưng chúng ta chưa có một đội ngũ hoàn chỉnh các nhân tài đủ sức nắm giữ vận mệnh dân tộc , có tầm nhìn toàn cầu , dám suy nghĩ và làm việc lớn , chủ nghĩa cá nhân vô kỷ luật còn quá mạnh như kiểu sứ quân văn hóa vậy . Tình hình này cần sớm chấm dứt . Không thể khôi phục kỷ luật trong nhân dân chừng nào tầng lớp trí thức vẫn vô kỷ luật , vẫn giữ thái độ ếch ngồi đáy giếng nói trời hẹp . Muốn vậy đất nước cần đào tạo lại hẳn một lớp trí thức mới đủ sức gánh vác việc nước . Lão Tử nói thật chí lý “ mười năm trồng cây , trăm năm trồng người “ là vậy .

Chính trị là tôn giáo phục vụ con người , lịch sử chuyên chở các nguyên tắc các kinh nghiệm đã qua để làm bài học cho các thế hệ chính trị tiếp nối biết đường tránh các vấp

ngã , chính trị gia cũng như sử gia cần được quan niệm như các tăng sỹ của tôn giáo chính trị như vậy . Đó mới là Quốc Giáo , mới là Nhân Loại Giáo vậy .

Việc đào tạo , củng cố , vun đắp , tìm kiếm nhân tài cho đất nước cũng như cho nhân loại cần lắm thay , cần lắm thay .

e – Cửa cái vật chất cần gấp rút đặt trong tay các trí thức .

Một người giàu thật sự về tinh thần thì họ đâu có cần tìm kiếm sự giàu có về vật chất , dĩ nhiên xã hội càng phải tạo điều kiện để họ không phải lo về vật chất , để tinh thần của họ ngày càng đạt đến đỉnh cao hơn nữa để họ đóng góp công sức cho xã hội . Xã hội nào cũng vậy , thời nào cũng vậy đâu có đào tạo được nhiều những bậc đạt đạo như vậy ; chẳng phân biệt Đông hay Tây cách thức tuy có khác nhau (chỉ về tiểu tiết) nhưng khi đã đạt đạo đều đến cùng một đích , họ đều gặp nhau ở cái đích ấy . Một người giàu về vật chất thì họ càng tìm kiếm cơ hội để mở rộng sự giàu có về vật chất của họ . Xã hội nào cũng vậy thời nào cũng vậy đâu có tạo được nhiều người như vậy . Họ cũng là vốn quý của xã hội cả , chừng nào họ biết sử dụng của cải ấy vào việc phục vụ xã hội . Xã hội tốt nhất là xã hội biết xây dựng hẳn một tầng lớp những người giàu có cả tinh thần lẫn vật chất ở mức độ càng cao càng tốt , khi ấy vật chất đối với họ chỉ còn thuần túy là phương tiện chứ không phải là cứu cánh . Nhận định này được chứng nghiệm rất rõ tại Mỹ , khi đa số những tỷ phú Mỹ đều sử dụng tiền bạc của họ để phục vụ cho xã hội , thực tế ta phải coi như một hình thức trả lại của cải cho xã hội mà họ đã tạm thời nắm giữ trong quá trình làm giàu của họ .

Vấn đề liên quan đến khái niệm về quyền sở hữu cá nhân , quốc gia và toàn cầu đã được sơ lược trình bày trong bài viết cách nay khoảng 6 năm , nay thấy không cần trở lại nữa . Tùy theo cách đánh giá về quyền sở hữu đứng trên khía cạnh xã hội ngắn hạn hay dài hạn trong mối quan hệ với việc quản lý hữu hiệu các tài nguyên quốc gia hay toàn cầu sẽ cho ta một tầm nhìn đúng đắn hơn về vấn đề sở hữu . Cho nên K. Marx đã sai lầm rộng lớn khi chưa đủ sức nhìn thấy tầm quan trọng của quản lý của cải trong xã hội , cũng như cách thức mà xã hội ấy làm giàu cho chính xã hội ấy cũng như cho cả loài người trong đường dài , K. Marx chỉ là người ký lục nhỏ bé được Hội Kín Cựu Dòng Tên dựng lên để mở đường cho lực lượng lao động thế giới có một vị trí cân bằng với giới chủ tham lam là quá đúng rồi . Cái sai bắt nguồn từ Nga với V.I. Lenine , Trostky , Bukharine , Jdanos là những người đứng thành lập cao trào đấu tranh tại Nga vào đầu thế kỷ 20 .

Suốt lịch sử nước nhà , Đạo Học dạy ta không được phá hủy tự nhiên , sống tự nhiên như thiên nhiên , không bóc lột , chẳng xây dựng đến đài lẫm tẫm lớn , chẳng thềm để lại một cái gì cho hậu thế cả . Cách sống như vậy xem ra rất gần gũi với người Hopis bên dãy núi Ardenne trên bờ tây của Nam Mỹ . Do thế , ta thường coi sự làm giàu vẫn là cái gì đó có vẻ không phù hợp với đạo đức Bách Việt cổ đại . Cách biệt xã hội chỉ sảy ra trên quy mô lớn khi người Pháp đô hộ nước ta , đời sống thành thị cũng được xây dựng trong giai đoạn này . Cho nên xã hội ta vẫn đặt căn bản trên nền tảng tự cung tự cấp từ bao đời nay , chỉ mới chầm dứt khoảng 60 năm trở lại đây mà thôi . Thị dân cũng chỉ được hình thành chưa quá 100 năm (quá ngắn ngủi so với các nơi khác) nên chưa có truyền thống gì vững trãi , nhất là lại bị tàn phá nặng nề do chiến tranh trong thời gian qua . Quyền lực kinh tế ,

nhất là ngoại thương thời thực dân đều nằm trong tay Pháp Kiều với sự tiếp tay của Hoa Kiều tại chỗ , nhất là tại Miền Nam . Pháp kiếm được một đồng thì Hoa Kiều kiếm được hai đồng trên mồ hôi nước mắt của dân ta . Trí thức thành thị , chủ đất tại nông thôn quay lưng lại với chủ quyền kinh tế đất nước , chỉ lo thi hành mệnh lệnh của Pháp hoặc tấy chạy tối đa lo chống Pháp mà lòng cũng đầy phân vân .

Trong 21 năm có tự do tối thiểu tại Miền Nam (1954-1975) đã hình thành được một lớp doanh gia mới biết ý thức chủ quyền kinh tế quốc gia , nhưng nền tảng chưa vững trải đã bị CS tàn phá tận gốc rễ trong 35 năm qua để hình thành lớp tư sản đỏ chả có truyền thống gì cả , chả có ý thức gì về chủ quyền kinh tế cũng như cách thức làm ăn quốc tế . Giới làm ăn quốc tế , đặc biệt là Tàu Đài Loan , Hong Kong , Singapore đã biết nắm bắt cơ hội ngàn vàng này . Tư bản đỏ kiếm được một đồng thì nhóm Hoa Kiều này kiếm được hai đồng trên mồ hôi nước mắt của dân ta .

Các bài học về làm ăn quốc tế chẳng thể học được trong vài mươi năm ngắn ngủi , nên cứ bị lừa hoài mà lòng vẫn nghĩ rằng biết cách bảo vệ chủ quyền kinh tế quốc gia . Khi lý thuyết không thuộc , thực tế thị trường không được thử nghiệm bằng các mất mát đau thương , khi không có những cơ quan nghiên cứu uy tín , khi luôn chủ quan cho rằng mình đúng nên chẳng cần những tổ chức thương mại làm cố vấn về thị trường , luật pháp cũng như kỹ thuật , thì thực tế giới làm ăn lớn ở VN bây giờ chỉ toàn là các nhóm cơ hội chủ nghĩa mới giàu chẳng có căn gì vững chắc cả . Cái lo đối với tương lai đất nước còn nằm ở chỗ đó nữa . Cho nên việc xây dựng hẳn một tầng lớp những nhà công nghiệp , nhà tài chánh mới có các hiểu biết về thế giới trở thành nhu cầu rất cấp bách lúc này . Đào tạo thế nào ? tổ chức ra sao ? là các chủ đề sẽ được trình bày trong bài khác sau này .

Tình hình trong nước cũng như hải ngoại hiện nay khác hẳn với thời kỳ 1975 ; của cải vật chất đã sang tay nhóm tư bản đỏ mới , rất ít học vẫn còn mang nặng tinh thần sử quân kiêu nông nghiệp , mới giàu nên hãnh tiến tưởng rằng mình mạnh và giàu có (như bên Tàu hiện nay cũng vậy) nên rất ít đạo đức . Trí thức cũ của Miền Nam , tuy không hoàn chinh nhưng tương đối có đạo đức nên cũng giữ được một phần nào đó các giá trị của kiêu xã hội do Pháp để lại , kết hợp với thương gia lớn trước 1975 cũng làm giàu nhờ chiến tranh , để tạo dựng một trật tự xã hội tương đối tốt so với các quốc gia khác vào thời điểm đó (Ngân hàng Việt Nam Thương Tín chiếm 80% tổng ký thác đoản kỳ và dài hạn , cũng như trị giá tín dụng thư cấp phát cho nhu cầu nhập cảng hàng năm , nhiều Tổng Giám Đốc ngân hàng còn trẻ nhưng khá bản lĩnh như Trần Quý Hỷ , TGD Đồng Nai Ngân Hàng chẳng hạn) . Giới làm ăn cơ hội , lúc đó được gọi chung là affaire nói chung không có chỗ đứng .

Tình hình hiện nay khác hẳn , vàng và ngoại tệ nằm đầy trong dân chúng ước tính có thể lên đến mấy chục tỷ dollar (có thể khoảng 50 tỷ , hơi quá chăng ?) tương đương với GDP cả nước hiện nay . Số tài sản ấy không sinh lời , nhưng vàng đang lên giá theo đà xuống giá của dollar , nếu bất ngờ vàng xuống giá như đã từng xảy ra hồi 1980 thì khối tích sản ngầm trong nước sẽ bốc hơi 50% dễ dàng . Ai trách nhiệm việc đó ? . Ngày nay , khi chế độ CS phân rã , thế giới không thể hành xử như đã hành xử với ông Thiệu hay ông Quang hay ông Khiêm được vì điều đó sẽ gây bất ổn xã hội mà thế giới không muốn ; khi ra đi tài sản các vị này bị thu lại hết chỉ để lại cho mỗi người khoảng 75,000 dollar mà thôi (

Xin đừng trách các vị ấy , tại sao không góp tiền chống Cộng , vì ai cho các vị ấy chống Cộng nữa đâu) . Như vậy vấn đề là tìm một giải pháp êm đẹp cho vấn đề này để trong đường dài để các tài sản ấy được trả lại cho xã hội dưới một dạng khác , trong khi không ngừng làm cho các tài sản ấy ngày càng lớn hơn . Việc này cũng chỉ có thể thực hiện được khi một Ban Lãnh Đạo Quốc Gia được hình thành nhằm quy tụ trí thức cũng như các người giàu có mới thuộc mọi khuynh hướng trong một tổ chức thống nhất ; để họ vừa có tiếng nói , được kính trọng , mở mang trí tuệ đủ đến khi họ ý thức được trách nhiệm của mình đối với xã hội để họ tự động trả lại của cải cho xã hội . Xin đừng vội đá kích , cứ từ sẽ thấy rõ .

Khi trí thức , giới công nghiệp , tài chánh biết thống nhất trong khuôn khổ một hệ thống hoàn chỉnh ; thì các cải cách lúc đó mới phát huy tác dụng thông qua luật pháp hoặc các cơ cấu tổ chức được xây dựng đồng bộ sau này , để từng bước tái lập trật tự quốc gia toàn diện ; để của cải vật chất cũng như tinh thần của xã hội được từng bước chuyển sang tay những trí thức được đào tạo chuyên biệt cho những ngành nghề khác nhau , trong khuôn khổ một Ban Lãnh Đạo Quốc Gia thống nhất tập hợp những trí thức mẫn tiệp nhất mà đất nước có được . Kỷ luật là sức mạnh , kỷ luật chính là thể hiện rõ nhất của một hệ thống xã hội hữu hiệu và bền vững ; kỷ luật do AK đem lại chẳng bao giờ là kỷ luật tự giác , luôn báo hiệu các bất ổn sâu rộng ở phía trước .

KẾT LUẬN

Chúng ta hiểu rõ những khó khăn hiện nay liên quan đến thế giới cũng như đất nước , chúng ta biết rõ những gì đã thực sự xảy ra trong 100 năm qua cũng như lịch sử lâu dài của đất nước cũng như cả Dòng Tộc Bách Việt nói chung , chúng ta biết khá rõ thế giới này đang tiến tới như thế nào trong tương lai khá xa về phía trước cùng với cách thức giải quyết các vấn nạn toàn cầu hiện nay một cách tương đối cụ thể ; chúng ta ít ra cũng hình dung được một sách lược cụ thể của ta tiến song song với thế giới để biết cách sớm đưa đất nước tiến vào siêu xa lộ Toàn Cầu Hóa mà vẫn tránh được các phản ứng phụ do thúc đẩy quá nhanh hoặc quá chậm trên siêu xa lộ Toàn Cầu Hóa ấy ; chúng ta đủ thực tiễn và tinh táo để hiểu rằng : “ không phải cứ nói đến việc hoàn thiện các điều nêu trên , là chúng ta sẽ dứt khoát đạt được ngay mục đích đề ra “ ; chúng ta hiểu các khó khăn , phản ứng , suy nghĩ của mọi phía liên quan đến vận mệnh dân tộc trong giai đoạn chuyển mình đầy ngoạn mục của lịch sử dòng tộc sau suốt mấy ngàn năm trôi nổi vì các cản trở do vị trí địa dư chính trị của cả Dòng Tộc bị tác động mạnh bởi các trào lưu văn minh tác động lên dòng tộc xuất hiện tiên khởi tại Liujiang để mở đầu cho văn minh nông nghiệp đầu tiên trên thế giới này . Chúng ta không nuôi tham vọng lớn lao gì , ngoài việc đòi lại cái quyền làm người của ta , nhiên hậu xác định sự khác biệt giữa ta với Hán , để các phía liên quan có thể sống cho ra sống , để cùng tồn tại với loài người khi văn minh địa cầu đang chuyển hướng ngoạn mục sang văn minh mới : văn minh Liên Hành Tinh .

Do thế , bài viết ngắn này chỉ mới đặt ra một số vấn đề rất căn bản , còn hàng loạt vấn đề khác sẽ được bàn luận thêm sau này ; với mục đích cũng nhỏ thôi : đó là cung cấp cho các bạn trẻ một tầm nhìn tương đối hoàn chỉnh hơn về thế giới mà thế hệ chúng tôi không có cơ hội được tìm học ; để trên nền tảng đó quý bạn biết bổ sung thêm sau này để có thể tự mình hoàn thiện sự hiểu biết ngày càng phong phú mà nhân loại hôm nay có khả năng

cung cấp cho mọi người chẳng phân biệt văn hóa , màu da hay tôn giáo . Trên căn bản đó , chúng ta không bao giờ coi những gì được trình bày trên sẽ hoàn thành chỉ trong năm mươi năm ngắn ngủi .

Ngay khi đất nước chuyển mình sang giai đoạn mới khi Chế Độ CS trong nước phải trao trả lại quyền điều hành đất nước cho toàn dân , chúng ta cần cố gắng hết sức tránh các sáo trộn hay trả thù cá nhân , hoặc lạm dụng bạo lực để chiếm đoạt hoặc mưu cầu toan tính kiểu sù quân dù trong quân đội hay trong các lực lượng công an . Thế giới sẽ không tha thứ kiểu hành xử như vậy đâu , mọi phía liên quan cần ghi nhớ điều đó . Hãy cố hết sức để giữ cho xã hội ít sáo trộn nhất trong điều kiện có thể được , nếu cần phải điều động quân đội để giữ yên trật tự vẫn phải làm . Đừng bao giờ quên là Tàu có thể lợi dụng thời cơ , quân đội phải quyết liệt đối phó .

Giả định rằng mọi sự diễn biến trong tầm kiểm soát , để có thể tiến hành các bước cần thiết cho tiến trình dài tổ chức lại xã hội về mọi mặt . Xin đừng ngó ngàng vội nghĩ rằng : Ban Lãnh Đạo sẽ hình thành được ngay , phải trải qua nhiều bước cọ sát , thanh lọc , tuyển chọn , hội ý , dung hòa cho đến khi : “ một số ai đó được các thế lực trụ cột cùng đồng thanh tín nhiệm thì họ mới có đủ chính danh nằm trong danh sách những vị lãnh nhận vai trò phân xử việc nước “ . Như thế cần hình thành kiểu Diễn Đàn với sự tập hợp trí tuệ của mọi khuynh hướng trong xã hội mới được . Trên căn bản đó một số cơ cấu (body) được thành lập như những Ban Tham Mưu nhỏ , với các phương tiện được cung cấp để Ban Tham Mưu ấy làm việc chủ yếu thông qua các nghiên cứu , thuyết phục , giải thích với mọi phía liên quan để các phía cùng chấp nhận một đường hướng chung . Trong giai đoạn này , bí mật của mỗi phía chưa thể được cung cấp cho mọi người được , vì vẫn trong giai đoạn thăm dò cho đến khi các phía cùng cam kết thực hiện chánh thức .

Vấn đề cụ thể có thể bàn luận ngay là quy chế Lương Đẳng . Các chuẩn bị hiện nay đều cho thấy chiều hướng hình thành lương đẳng đang được âm thầm chuẩn bị tại khắp vùng Đông Nam Á ở các mức độ khác nhau như tại Thái Lan hai nhóm áo vàng áo đỏ là cụ thể nhất . Sau đó còn những vấn đề khác liên quan đến cải tổ cơ cấu chính quyền địa phương cũng như trung ương . Mọi cơ cấu hiện nay chậm tiến hơn so với thời VNCH rất nhiều vì nhân sự quá yếu kém về chuyên môn cũng như đạo đức , tổ chức quá lỗi thời lạc hậu , mọi hậu quả toàn đổ lên đầu dân phải chịu . Cần xây dựng một cơ cấu tổ chức hiện đại hóa từng bước một , cùng hoạt động song hành với tổ chức hiện nay đến khi cơ cấu mới hoàn chỉnh sẽ giải tán hoặc sáp nhập các tổ chức chính quyền cũ trên căn bản mới . Các Bộ sẽ phải tập trung vào nghiên cứu phát triển , thẩm định chính sách , nên sẽ gồm rất nhiều chuyên viên thật sự am hiểu chuyên môn của mỗi ngành . Tạo đời sống vật chất hơn người cho các chuyên viên vốn quý của đất nước là điều không khó , vốn tinh thần của xã hội phải biết bảo trọng về cả hai mặt danh dự cũng như vật chất để họ yên lòng phục vụ đất nước .

Chỉ bàn sơ lược như vậy để quý bạn đọc suy nghĩ thêm . Đất nước ta từ trước đến nay thiếu hẳn một cơ cấu đủ uy tín và vững mạnh để các bên trao đổi quan điểm về các vấn đề quốc sự , cũng như đủ uy tín bảo chứng cho các phía trước các cam kết chung nhân danh quyền lợi dân tộc . Ban Lãnh Đạo chính là cơ cấu như vậy . Việc này còn đem lại

rất nhiều lợi ích sâu rộng khác về đủ mọi khía cạnh liên quan đến vận mệnh đất nước , chỉ xin nêu ra vài vấn đề thôi :

Thứ nhất : có một cơ cấu để nói chuyện với quyền lực kín của thế giới , họ đâu có muốn nói lung tung , mặc dù họ cũng thử thách ta về đủ mọi vấn đề khác nhau để xem tính vững chắc của cấu trúc xã hội mới mà ta muốn xây dựng .

Thứ hai : đó là bộ phận có khả năng bàn luận với thế giới về các cam kết lâu dài về mặt chiến lược kinh tế , văn hóa , an ninh...Các vấn đề như vậy không thể bàn với ông Tổng Thống hay Đảng được .

Thứ ba : làm thế nào để phân xử quyền lợi cho các địa phương để mọi vùng đều được hưởng thành quả do phát triển kinh tế đem lại . để từng bước san bằng cách biệt giàu nghèo .Tình hình hiện nay trong nước quá tồi tệ vì tất cả các quan chức cũng như Đảng CS không biết lãnh đạo vì trí tuệ yếu kém cùng với cơ chế quá nặng nề trùng lặp tứ tung chẳng ai dám quyết định điều gì cả (kể cả đảng bộ Đảng CS) . Tất cả phải nhìn thấy trước , phải tiên liệu và hành động đúng lúc quyết liệt mới giải quyết được bài toán xã hội quá khó khăn hiện nay .

Thứ tư : có những dự tính phải bí mật thi hành chuẩn bị rất lâu dài hàng chục năm trước , việc này cũng chỉ Ban Lãnh Đạo mới làm được mà thôi . Chính phủ thứ hai được chuẩn bị cũng từ đây , vốn trí thức được trọng dụng cũng từ đây , bất đồng sẽ từng bước giảm xuống để thay vào đó bằng các cuộc tranh luận đầy trí thức , khi đã quyết định thì những người liên quan có bốn phận phải thi hành trọn vẹn .

Trật tự xã hội được khôi phục mau hay chóng tùy thuộc vào việc hình thành Ban Lãnh Đạo Quốc Gia , chủ nghĩa cơ hội vô chính phủ sẽ từ từ giảm xuống khi giá trị đạo đức trong xã hội được đa số nhìn nhận và được khôi phục đầy đủ , lúc đó ta mới có được một xã hội được hình thành bởi đa số những người lương thiện . Đất nước nhỏ hẹp dân đông như ta ; cũng giống như nhà nghèo mà lại đông con , đứa con nào cũng xả rác thì căn nhà thành bãi rác mấy hồi ; thu dọn bãi rác do chế độ CS để lại cũng đủ điên đầu rồi . Nay có cơ hội xây dựng lại , ta cần hình thành hẳn một cấu trúc xã hội hoàn toàn mới , hiện đại hóa từng bước , để quyết liệt khép mọi người vào kỷ luật , từ ép buộc lúc đầu sau đó chuyển sang tự giác , không thể có ngoại lệ được chấp nhận . Mọi việc hãy khởi đầu với trí thức , các vị ấy phải được giao nhận trách nhiệm ; kẻ nào lợi dụng chức vụ để củng cố phe phái sẽ bị trừng phạt thích đáng ; các kỹ thuật kiểm soát tinh khôn ta đâu thiếu , càng dễ với kỹ thuật hiện đại hôm nay .

Chủ đề này trình bày bao nhiêu cũng không thể hết được , mỗi ý cũng có thể mở rộng trên mọi khía cạnh liên quan đến rất nhiều lãnh vực khác nhau như hành chánh công quyền , luật Hiến Pháp hoặc khoa học hình sự hoặc dân sự . Tôi chỉ nêu ra như gợi ý để quý bạn đọc phát triển thêm sau này mà thôi . Rất nhiều luận án Tiến Sĩ sau này cũng có thể lấy gợi ý từ nhiều điều được trình bày tóm lược trong bài viết này . Tôi vốn hiểu , nhiều vị khi đọc các bài viết của tôi dễ đi đến kết luận là : “tôi suy diễn lịch sử nhiều quá , ít dựa vào sử liệu chính thức được nhìn nhận” . Tôi xin trả lời ngay : dựa vào cái sai để bàn luận thì dân tộc tiêu . Chẳng bao giờ có cái đúng tuyệt đối ; miễn sao sự suy diễn hợp với cái lý của thời điểm xảy ra biến cố đó trong mối quan hệ hữu cơ với các biến cố khác là điều ta cần làm lúc này ; để mở ra một hướng mới , sẽ bổ sung thêm khi ta hệ thống hóa được các sử liệu sẽ được phổ biến sau này . Thực ra các sử gia Mỹ hay Âu Châu vẫn

thường dựa vào phương pháp đó để nghiên cứu sử đối với các thời kỳ mà sử liệu bị mất mát nhiều . Các suy diễn như vậy rất thường xảy ra với văn minh Sumer , Ai Cập đầy thời . Và lại đa số các vị không tin rằng có Hội Kín Free Mason chi phối thế giới trong hơn 4 thế kỷ qua , thì làm sao quý vị chia sẻ được những suy nghĩ như vậy . Lịch sử mà dân thường biết với lịch sử mà chính trị gia hoặc sử gia biết khác nhau rất nhiều , đặc biệt trong cách giải thích , thẩm định về sử .

Đến hôm nay tôi mới viết đến chủ đề này vì các diễn biến của tình hình hiện nay cho phép ta tin tưởng rằng : “ cơ hội xây dựng lại đất nước một cách toàn diện đang đến gần “ mặc dù khó khăn còn đó , nhưng đã đến lúc cần chuẩn bị tinh thần cho các bạn trẻ là người sẽ nắm lấy ngọn cờ chính nghĩa dân tộc trong tương lai tới đây .

Xin chúc quý bạn trẻ có niềm tin vững trải vào tiền đồ của dân tộc .
Cánh cửa lớn của lịch sử đang mở ra từ từ để quý bạn đi vào lịch sử bằng cánh cửa lớn đó , để vĩnh viễn chấm dứt thời đen tối của lịch sử kéo dài đã quá lâu đối với lịch sử dân tộc , để đưa đất nước vào tương lai sáng sủa hơn , ngày càng sáng sủa hơn .

Xin đa tạ quý bạn đã đọc bài viết này .

Xương Lê Văn Jan -22 -2010 .